

Số: 108/2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe;
cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế**

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về sát hạch, cấp, đổi, cấp lại, thu hồi, sử dụng giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; mẫu giấy phép lái xe, mẫu giấy phép lái xe quốc tế.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với việc sát hạch, cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến sát hạch, cấp, đổi, cấp lại, thu hồi, sử dụng giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Số phôi giấy phép lái xe là mã số do nhà sản xuất phôi ghi ở mặt sau của giấy phép lái xe, bao gồm 02 chữ cái và các số phía sau.

2. Giấy phép lái xe điện tử là giấy phép lái xe thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu, được tích hợp lên hệ thống dữ liệu điện tử, tài khoản định danh điện tử.

3. Hồ sơ điện tử cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe là tập hợp các tài liệu điện tử liên quan để cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe.

4. *Thẻ sát hạch viên điện tử* là thẻ sát hạch viên thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu, được tích hợp lên hệ thống dữ liệu điện tử.

5. *Giấy phép lái xe quốc tế* là giấy phép lái xe có tên tiếng Anh là International Driving Permit, sau đây gọi tắt là IDP.

6. *Giấy phép lái xe quốc gia* là giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền của các nước cấp, có giá trị trên lãnh thổ quốc gia đó.

7. *Hồ sơ điện tử giấy phép lái xe quốc tế* là tập hợp các tài liệu điện tử liên quan đến cấp IDP.

8. *Hệ thống thông tin về sát hạch, cấp giấy phép lái xe* là tập hợp phần cứng, phần mềm và dữ liệu phục vụ công tác quản lý thông tin về sát hạch, cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe (còn gọi là cơ sở dữ liệu về sát hạch, cấp giấy phép lái xe), bao gồm:

a) Hệ thống thông tin sát hạch lái xe tại trung tâm sát hạch lái xe, Phòng Cảnh sát giao thông Công an các tỉnh, thành phố (sau đây viết gọn là Phòng Cảnh sát giao thông) và Cục Cảnh sát giao thông;

b) Hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông, Công an xã, phường, đặc khu (sau đây viết gọn là Công an cấp xã) nơi được bố trí điểm tiếp nhận.

Chương II

SÁT HẠCH LÁI XE

Điều 4. Hình thức, nội dung và trình tự sát hạch lái xe

1. Sát hạch lý thuyết

a) Sát hạch lý thuyết: gồm các câu hỏi liên quan đến quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; kỹ thuật lái xe; quy tắc ứng xử người lái xe, văn hóa giao thông và phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông; nội dung liên quan đến cấu tạo và sửa chữa thông thường, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (đối với hạng B1, B trở lên); nội dung liên quan đến vận tải đường bộ (đối với hạng C1 trở lên);

b) Sát hạch lý thuyết thực hiện trên máy tính, trừ trường hợp quy định tại Điều 14 Thông tư này;

c) Thí sinh dự sát hạch lái xe hạng A1, A có giấy phép lái xe ô tô còn hiệu lực được miễn sát hạch lý thuyết.

2. Sát hạch thực hành lái xe trong hình

a) Đối với hạng A1, A

Thực hiện sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp kết hợp với thiết bị chấm điểm tự động. Thí sinh dự sát hạch phải điều khiển xe mô tô qua bài sát hạch số 1 và bài sát hạch số 2;

b) Đối với hạng B1

Thực hiện sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp, không bố trí sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch. Thí sinh dự sát hạch phải điều khiển xe tiến qua hình chữ chi và lùi theo hướng ngược lại;

c) Đối với các hạng B, C1, C, D1, D2, D

Thực hiện sát hạch bằng phương pháp sử dụng thiết bị chấm điểm tự động kết hợp với chấm điểm trực tiếp; không bố trí sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Thông tư này. Thí sinh dự sát hạch phải điều khiển xe qua bài sát hạch liên hoàn;

d) Đối với các hạng BE, D1E, D2E, DE

Thực hiện sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp, không bố trí sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch. Thí sinh dự sát hạch điều khiển xe qua bài sát hạch tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại;

đ) Đối với hạng C1E, CE

Thực hiện sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp, không bố trí sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch. Thí sinh dự sát hạch điều khiển xe qua 02 bài sát hạch tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại; ghép xe dọc vào nơi đỗ.

3. Sát hạch thực hành lái xe trên đường

a) Đối với các hạng B, C1, C, D1, D2, D

Thực hiện sát hạch bằng phương pháp sử dụng thiết bị chấm điểm tự động kết hợp với chấm điểm trực tiếp, bố trí một sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch;

b) Đối với các hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE

Thực hiện sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp, bố trí một sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch.

4. Nội dung sát hạch lái xe

a) Hạng A1 và A thực hiện theo quy định tại Phụ lục I; hạng B1 thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các hạng B, C1, C, D1, D2, D thực hiện theo quy định tại Phụ lục III, các hạng BE, D1E, D2E, DE thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV, hạng C1E, CE thực hiện theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trình tự sát hạch lái xe

a) Sát hạch mô tô

Thí sinh thực hiện sát hạch lý thuyết, bài sát hạch số 1, bài sát hạch số 2;

b) Sát hạch ô tô

Thí sinh thực hiện sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành lái xe trong hình, sát hạch thực hành lái xe trên đường.

Điều 5. Tiêu chuẩn kỹ thuật sân tập lái dùng để sát hạch lái xe mô tô

Đối với sân tập lái dùng để sát hạch lái xe mô tô trang bị máy tính để sát hạch lý thuyết và thiết bị chấm điểm tự động để sát hạch lái xe trong hình.

Sân tập lái dùng để sát hạch lái xe mô tô phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ, gồm: hình của các bài sát hạch, xe sát hạch, thiết bị sát hạch lý thuyết, thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình, phòng chờ sát hạch, phòng sát hạch lý thuyết, phòng điều hành thiết bị chấm điểm thực hành lái xe trong hình.

Điều 6. Hội đồng sát hạch

1. Hội đồng sát hạch được thành lập theo quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe do Trưởng phòng Cảnh sát giao thông ban hành, gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Phòng Cảnh sát giao thông;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là chỉ huy Đội thuộc Phòng Cảnh sát giao thông;
- c) Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo Trung tâm sát hạch lái xe;
- d) Sát hạch viên;
- đ) Thư ký Hội đồng.

2. Trường hợp cần thiết, Cục Cảnh sát giao thông thành lập hội đồng sát hạch lái xe để tổ chức sát hạch lái xe tại địa phương, gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Cục Cảnh sát giao thông;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo phòng thuộc Cục Cảnh sát giao thông;
- c) Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo Phòng Cảnh sát giao thông và lãnh đạo Trung tâm sát hạch lái xe;
- d) Sát hạch viên;
- đ) Thư ký Hội đồng.

3. Hội đồng sát hạch làm việc phải có tối thiểu 2/3 số lượng thành viên tham dự. Hội đồng sát hạch tự giải thể khi kết thúc kỳ sát hạch lái xe.

4. Khi làm nhiệm vụ sát hạch, Phó Chủ tịch, thư ký, sát hạch viên phải có thẻ sát hạch viên còn hiệu lực.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng sát hạch

- a) Chỉ đạo, kiểm tra và yêu cầu hoàn thiện các điều kiện tổ chức kỳ sát hạch lái xe;
- b) Phân công và sắp xếp kế hoạch thực hiện kỳ sát hạch lái xe;

c) Phổ biến, hướng dẫn các quy định, nội quy sát hạch và các quy định cần thiết cho các sát hạch viên và thí sinh dự sát hạch biết và chấp hành;

d) Kiểm tra xe sát hạch, thiết bị chấm điểm, sân sát hạch, phương án đảm bảo an toàn trong quá trình sát hạch;

đ) Tổ chức kỳ sát hạch lái xe theo quy định;

e) Lập biên bản các trường hợp vi phạm để xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định; lập biên bản các trường hợp phương tiện, thiết bị kỹ thuật chấm điểm tự động bị lỗi hoặc nguyên nhân khác không do lỗi của thí sinh làm sai lệch kết quả sát hạch để hội đồng xem xét quyết định;

g) Quá trình tổ chức sát hạch lái xe nếu xảy ra tai nạn thì trung tâm sát hạch lái xe, cơ sở đào tạo lái xe và thí sinh dự sát hạch giải quyết theo quy định của pháp luật;

h) Tổng hợp kết quả kỳ sát hạch lái xe và ký xác nhận biên bản;

i) Gửi các văn bản, tài liệu của kỳ sát hạch lái xe để lưu trữ tại trung tâm sát hạch lái xe;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác để đảm bảo kỳ sát hạch an toàn, hiệu quả;

l) Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng sát hạch theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Tiêu chuẩn sát hạch viên, thư ký Hội đồng sát hạch

1. Tiêu chuẩn của sát hạch viên

a) Là sĩ quan thuộc lực lượng Công an nhân dân;

b) Có giấy phép lái xe từ đủ 03 năm trở lên đối với các hạng A1, A, B1, B, C1, C, từ đủ 01 năm trở lên đối với các hạng còn lại và còn điểm, còn hiệu lực;

c) Đã được Cục Cảnh sát giao thông tập huấn về nghiệp vụ sát hạch, kiểm tra đạt yêu cầu và cấp thẻ sát hạch viên;

d) Đối với sát hạch lý thuyết chỉ cần có thẻ sát hạch viên; đối với sát hạch thực hành lái xe trong hình mô tô hạng A1, A chỉ cần có thẻ sát hạch viên hạng mô tô; đối với sát hạch thực hành lái xe trong hình hạng B1 có thẻ sát hạch viên hạng B1; đối với sát hạch thực hành lái xe trong hình hạng ô tô (trừ thực hành lái xe trong hình hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE) chỉ cần có thẻ sát hạch viên hạng ô tô. Đối với sát hạch thực hành lái xe trên đường và sát hạch thực hành lái xe trong hình hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE sát hạch viên được sát hạch hạng xe tương ứng với hạng thẻ sát hạch viên, thẻ sát hạch viên hạng xe cao hơn được sát hạch hạng xe thấp hơn.

2. Tiêu chuẩn của thư ký: là sát hạch viên và đang công tác trong lĩnh vực sát hạch, cấp giấy phép lái xe thuộc lực lượng Cảnh sát giao thông.

Điều 8. Tập huấn, kiểm tra và cấp, đổi, cấp lại, thu hồi thẻ sát hạch viên

1. Tổ chức tập huấn

a) Căn cứ tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của Phòng Cảnh sát giao thông, Cục Cảnh sát giao thông tổ chức tập huấn để cấp thẻ sát hạch viên;

b) Phòng Cảnh sát giao thông rà soát, lập danh sách cán bộ (kèm theo 02 ảnh chân dung, nền trắng, trang phục theo Điều lệnh Công an nhân dân, khổ 2 cm x 3 cm) đủ tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 7 Thông tư này tham gia tập huấn gửi về Cục Cảnh sát giao thông;

c) Cục Cảnh sát giao thông tiếp nhận, quyết định tổ chức lớp tập huấn kèm theo danh sách học viên đủ điều kiện tham dự.

2. Nội dung tập huấn

a) Tập huấn lý thuyết, nghiệp vụ bao gồm các nội dung sau:

Văn hóa ứng xử của sát hạch viên khi thực thi nhiệm vụ, kỹ năng giao tiếp.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến công tác sát hạch lái xe.

Kiến thức chung về cấu tạo, nguyên lý hoạt động thiết bị chấm điểm tự động và phương pháp kiểm tra thiết bị sát hạch; phương án đảm bảo an toàn trong quá trình tổ chức sát hạch; hướng dẫn sử dụng hệ thống chương trình phần mềm liên quan đến thiết bị chấm điểm tự động; phương pháp chấm điểm các nội dung sát hạch của các hạng xe bằng hình thức trắc nghiệm, tự động; phương pháp chấm điểm đối với người khuyết tật, người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt; phương pháp bảo hiểm tay lái khi sát hạch lái xe ô tô trên đường;

b) Tập huấn thực hành bao gồm các nội dung sau: thực hành kiểm tra các trang thiết bị phục vụ và thiết bị chấm điểm tự động; thực hành nhiệm vụ của sát hạch viên khi sát hạch lý thuyết, sát hạch lái xe trong hình và sát hạch lái xe trên đường, bảo hiểm tay lái khi sát hạch lái xe trên đường; thực hành các tình huống giả định khi xảy ra sự cố kỹ thuật trong quá trình sát hạch; thực hành kỹ năng lái xe nâng cao và các nội dung khác có liên quan.

3. Kiểm tra

Học viên dự tập huấn phải đảm bảo tham gia đầy đủ nội dung chương trình tập huấn mới đủ điều kiện để được dự kiểm tra. Nội dung kiểm tra kết thúc chương trình tập huấn bao gồm bài lý thuyết và thực hành.

4. Hình thức tổ chức tập huấn, kiểm tra: tập trung.

5. Cục Cảnh sát giao thông tổ chức tập huấn và kiểm tra.

6. Học viên dự tập huấn có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu tất cả các nội dung kiểm tra thì được cấp thẻ sát hạch viên theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp học viên dự tập huấn có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu một trong các nội dung kiểm tra thì phải tham gia đợt tập huấn tiếp theo để được kiểm tra và cấp thẻ sát hạch viên.

7. Thẻ sát hạch viên có thời hạn tương ứng với thời hạn, hiệu lực của giấy phép lái xe; đối với trường hợp thẻ sát hạch viên bị thu hồi theo quy định tại điểm c khoản 12 Điều này ít nhất sau thời hạn 05 năm, đối với trường hợp bị thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 12 Điều này ít nhất sau thời hạn 03 năm mới được xem xét tập huấn, kiểm tra và cấp thẻ sát hạch viên.

8. Định kỳ hằng năm, Cục Cảnh sát giao thông tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng sát hạch viên, trừ các trường hợp được cấp thẻ sát hạch viên chưa đủ 01 năm tính từ thời điểm được cấp thẻ đến thời điểm tổ chức kiểm tra.

9. Cấp thẻ sát hạch viên

a) Thẻ sát hạch viên được cấp cho cán bộ, chiến sĩ đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này;

b) Hồ sơ đề nghị cấp gồm: văn bản của đơn vị trực tiếp quản lý kèm theo danh sách cán bộ, chiến sĩ đề nghị Cục Cảnh sát giao thông tổ chức tập huấn, cấp thẻ sát hạch viên; bản sao giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng; 02 ảnh màu kiểu chân dung, nền màu trắng, trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân, kích thước 2 cm x 3 cm;

c) Trình tự giải quyết: trên cơ sở đề nghị của Công an các đơn vị, địa phương, Cục Cảnh sát giao thông tổ chức tập huấn, cấp thẻ sát hạch viên cho cán bộ, chiến sĩ đủ điều kiện.

10. Đổi thẻ sát hạch viên

a) Thẻ sát hạch viên được đổi khi bị sai hoặc thay đổi thông tin;

b) Hồ sơ đề nghị đổi gồm: văn bản của đơn vị trực tiếp quản lý kèm danh sách cán bộ, chiến sĩ đề nghị Cục Cảnh sát giao thông đổi thẻ sát hạch viên; bản sao giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng; 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu trắng, mặc trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân, kích thước 2 cm x 3 cm; thẻ sát hạch viên đã được cấp;

c) Trình tự giải quyết: đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ, chiến sĩ có thẻ sát hạch viên lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này và gửi về Cục Cảnh sát giao thông trong thời hạn 15 ngày trước ngày thẻ sát hạch viên hết thời hạn sử dụng. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đổi thẻ sát hạch viên; trường hợp không đổi thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

11. Cấp lại thẻ sát hạch viên

a) Thẻ sát hạch viên được cấp lại khi bị mất;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm: văn bản của đơn vị trực tiếp quản lý kèm danh sách cán bộ, chiến sĩ đề nghị Cục Cảnh sát giao thông cấp lại thẻ sát hạch viên; đơn cam kết không sử dụng thẻ sát hạch viên sai mục đích, vi phạm pháp luật; bản sao giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng; 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu trắng, mặc trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân, kích thước 2 cm x 3 cm;

c) Trình tự giải quyết: đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ, chiến sĩ có thẻ sát hạch viên lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này và gửi về Cục Cảnh sát giao thông. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông cấp lại thẻ sát hạch viên; trường hợp không cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

12. Thẻ sát hạch viên bị thu hồi trong các trường hợp sau:

- a) Cấp sai đối tượng, không đúng thẩm quyền;
- b) Sát hạch viên không còn phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân;
- c) Sát hạch viên vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ 02 lần trong 01 năm hoặc gây ra tai nạn giao thông đường bộ có hậu quả từ mức nghiêm trọng trở lên;
- d) Sát hạch viên thực hiện không đúng quy trình sát hạch làm sai lệch kết quả sát hạch của thí sinh dẫn đến thay đổi kết quả cấp giấy phép lái xe.

13. Trình tự thu hồi thẻ sát hạch viên

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày đơn vị quản lý cán bộ, chiến sĩ có văn bản đề nghị thu hồi hoặc tại thời điểm phát hiện thẻ sát hạch viên thuộc trường hợp bị thu hồi, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông ra quyết định thu hồi thẻ sát hạch viên và thông báo cho đơn vị quản lý cán bộ, chiến sĩ.

Điều 9. Chuẩn bị kỳ sát hạch lái xe

1. Tiếp nhận hồ sơ

a) Hồ sơ điện tử đề nghị sát hạch gửi trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh Quốc gia hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân theo quy định trước kỳ sát hạch lái xe ít nhất 07 ngày làm việc;

b) Trường hợp hệ thống bị lỗi hoặc cơ sở hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng thì gửi hồ sơ trực tiếp đến Phòng Cảnh sát giao thông.

2. Khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị sát hạch cấp giấy phép lái xe trực tiếp, Phòng Cảnh sát giao thông kiểm tra, đối chiếu điều kiện của thí sinh dự sát hạch theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Thông tư này; duyệt hồ sơ thí sinh dự sát hạch, lập biên bản kiểm tra hồ sơ theo quy định tại mẫu số 01 Phụ lục VII ban hành kèm

theo Thông tư này và thông báo thời gian, địa điểm tổ chức kỳ sát hạch lái xe cho người nộp hồ sơ; đối với hồ sơ không hợp lệ thì thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ hoàn thiện theo quy định.

3. Phòng Cảnh sát giao thông căn cứ số lượng thí sinh dự sát hạch, tiến hành rà soát và bố trí thành viên Hội đồng sát hạch.

4. Phòng Cảnh sát giao thông ban hành quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe theo quy định tại mẫu số 04 Phụ lục VII kèm theo danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo quy định tại mẫu số 06 Phụ lục VII, danh sách thí sinh có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo quy định tại mẫu số 05 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trước kỳ sát hạch lái xe ít nhất 02 ngày làm việc, Phòng Cảnh sát giao thông phải báo cáo Cục Cảnh sát giao thông về quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe, thông báo cho trung tâm sát hạch lái xe, thí sinh dự sát hạch về thời gian, địa điểm tổ chức sát hạch. Việc thông báo thực hiện qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, tài khoản định danh điện tử hoặc hình thức phù hợp khác.

Điều 10. Trình tự tổ chức sát hạch

1. Hợp Hội đồng sát hạch và khai mạc kỳ sát hạch lái xe

a) Trước khi tổ chức sát hạch, Chủ tịch Hội đồng sát hạch tổ chức họp Hội đồng, phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong Hội đồng sát hạch;

b) Tổ chức khai mạc kỳ sát hạch lái xe để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe, phổ biến các nội dung có liên quan của kỳ sát hạch lái xe cho thí sinh dự sát hạch.

2. Sát hạch theo hình thức, nội dung, trình tự sát hạch quy định tại Điều 4 và các Phụ lục I, II, III, IV và V ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Kết thúc kỳ sát hạch lái xe

Chủ tịch Hội đồng sát hạch tổ chức họp Hội đồng, Tổ giám sát (nếu có), thư ký Hội đồng báo cáo kết quả kỳ sát hạch lái xe. Chủ tịch Hội đồng sát hạch thông qua và thống nhất biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe với các thành viên Hội đồng, ký tên và đóng dấu vào biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch lái xe theo mẫu số 03 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. Chủ tịch Hội đồng sát hạch ký tên và đóng dấu vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh dự sát hạch theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh đạt kết quả kỳ sát hạch lái xe là hồ sơ gốc, giao cho người đạt kết quả kỳ sát hạch lái xe tự bảo quản khi trả giấy phép lái xe. Phòng Cảnh sát giao thông tích hợp biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh vào hệ thống thông tin về sát hạch, cấp giấy phép lái xe.

Điều 11. Giám sát kỳ sát hạch lái xe

1. Căn cứ tình hình thực tế, Cục Cảnh sát giao thông thành lập Tổ giám sát để tổ chức giám sát kỳ sát hạch lái xe.

2. Thành phần Tổ giám sát:

a) Cán bộ Cục Cảnh sát giao thông được giao nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe, có thẻ sát hạch viên còn hiệu lực;

b) Cán bộ có kiến thức chuyên môn về pháp luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ thuộc Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp;

c) Số lượng người giám sát đối với kỳ sát hạch lái xe mô tô tối thiểu là 02 người, sát hạch lái xe ô tô tối thiểu là 03 người.

3. Khi làm nhiệm vụ giám sát các kỳ sát hạch lái xe, cán bộ giám sát phải mặc trang phục Công an nhân dân.

4. Nhiệm vụ của Tổ giám sát khi giám sát kỳ sát hạch lái xe

a) Giám sát việc tổ chức hội đồng sát hạch, thực hiện đúng nội dung, quy trình sát hạch của Hội đồng sát hạch, bảo đảm tính công khai, khách quan, minh bạch trong quá trình sát hạch;

b) Cán bộ giám sát làm việc độc lập, không làm thay nhiệm vụ của sát hạch viên.

5. Quyền hạn của Tổ giám sát

a) Khi phát hiện vi phạm phải lập biên bản, đề nghị Hội đồng sát hạch xử lý kịp thời, đúng quy định;

b) Đối với trường hợp vi phạm nghiêm trọng liên quan đến nội dung, quy trình sát hạch, kết quả sát hạch, Tổ giám sát phải lập biên bản và báo cáo Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Giám đốc Công an cấp tỉnh xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

6. Kết thúc kỳ sát hạch lái xe, Tổ giám sát báo cáo bằng văn bản kết quả giám sát với Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông.

Điều 12. Công nhận kết quả sát hạch

1. Xét công nhận kết quả sát hạch đối với thí sinh dự sát hạch lái xe hạng A1, A và B1

a) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết và thực hành lái xe trong hình thi được công nhận đạt kết quả kỳ sát hạch lái xe;

b) Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết thì không được dự nội dung sát hạch bài sát hạch số 1, thí sinh không đạt bài sát hạch số 1 thì không được dự sát hạch bài sát hạch số 2;

c) Thí sinh được bảo lưu kết quả nội dung sát hạch lý thuyết đã đạt trong thời gian 01 năm kể từ ngày đạt kết quả sát hạch; bảo lưu kết quả nội dung sát hạch bài sát hạch số 1 theo thời gian bảo lưu còn lại của phần sát hạch lý thuyết;

nếu có nhu cầu dự sát hạch phải có giấy khám sức khỏe của người lái xe còn hiệu lực (bản điện tử), trường hợp do lỗi kỹ thuật không sử dụng được bản điện tử thì sử dụng bản giấy do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp và có tên trong biên bản xác nhận vắng, trượt của Hội đồng sát hạch kỳ trước hoặc có tên trong hệ thống thông tin sát hạch lái xe hoặc cung cấp hồ sơ hợp lệ hoặc có dữ liệu hồ sơ điện tử;

d) Trường hợp thí sinh có kết quả sát hạch không đạt, được đăng ký sát hạch lại ở các kỳ sát hạch lái xe khác.

2. Xét công nhận kết quả sát hạch đối với thí sinh tham dự sát hạch lái xe hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE

a) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành lái xe trong hình và sát hạch thực hành lái xe trên đường thì được công nhận đạt kết quả kỳ sát hạch lái xe;

b) Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết thì không được sát hạch thực hành lái xe trong hình, không đạt nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình thì không được sát hạch thực hành lái xe trên đường. Thí sinh được bảo lưu kết quả nội dung sát hạch lý thuyết đã đạt trong thời gian 01 năm kể từ ngày đạt kết quả sát hạch; bảo lưu kết quả nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình theo thời gian bảo lưu còn lại của phần sát hạch lý thuyết; nếu có nhu cầu dự sát hạch lại, phải có giấy khám sức khỏe của người lái xe còn hiệu lực (bản điện tử), trường hợp chưa có bản điện tử thì sử dụng bản giấy do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp và phải có tên trong biên bản xác nhận vắng, trượt của Hội đồng sát hạch kỳ trước hoặc có tên trong hệ thống thông tin sát hạch lái xe hoặc cung cấp hồ sơ hợp lệ hoặc có dữ liệu hồ sơ điện tử;

c) Trường hợp thí sinh có kết quả sát hạch không đạt, được đăng ký sát hạch lại ở các kỳ sát hạch lái xe khác.

3. Trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm kết thúc kỳ sát hạch lái xe, Phòng Cảnh sát giao thông rà soát, tổng hợp kết quả và chuyển dữ liệu người đạt kết quả sát hạch về Cục Cảnh sát giao thông để cấp giấy phép lái xe điện tử.

4. Thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật vào phòng sát hạch lý thuyết, trên xe sát hạch; có các hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả sát hạch sẽ bị đình chỉ, hủy bỏ kết quả kỳ sát hạch. Trường hợp phương tiện, thiết bị kỹ thuật chấm điểm tự động bị lỗi hoặc nguyên nhân khác không do lỗi của thí sinh làm sai lệch kết quả sát hạch sẽ hủy kết quả sát hạch và được sát hạch lại.

5. Thí sinh không đạt kết quả sát hạch có thể đăng ký sát hạch lại tại đơn vị tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

6. Trường hợp thí sinh sát hạch do giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng có nhu cầu sát hạch để cấp giấy phép lái xe xuống hạng thấp hơn hạng trong giấy phép lái xe phải đăng ký và chịu trách nhiệm về nội dung đăng ký.

Điều 13. Sát hạch lái xe đối với người khuyết tật

1. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1 điều khiển xe mô tô ba bánh

a) Thí sinh thực hiện sát hạch lý thuyết và sát hạch lái xe trong hình theo nội dung và trình tự quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe hoặc sân tập lái dùng để sát hạch lái xe mô tô có đủ điều kiện, bố trí hai sát hạch viên chấm điểm trực tiếp;

b) Hình sát hạch theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

2. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động

a) Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động cho người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái: thí sinh thực hiện đủ nội dung và trình tự sát hạch quy định tại Điều 4 Thông tư này; sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe, có hai sát hạch viên ngồi trên xe chấm điểm trực tiếp nội dung sát hạch lái xe trong hình và trên đường;

b) Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động cho người khuyết tật, trừ người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái: thí sinh thực hiện đủ nội dung và trình tự sát hạch quy định tại Điều 4 Thông tư này; sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe.

Điều 14. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 đối với người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt

1. Sát hạch lý thuyết

a) Nội dung sát hạch lý thuyết gồm các câu hỏi liên quan đến quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; kỹ thuật lái xe; quy tắc ứng xử người lái xe, văn hóa giao thông và phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông;

b) Sát hạch lý thuyết bằng hình thức hỏi - đáp; sử dụng phương pháp trắc nghiệm trên giấy theo quy định tại mục II phần A Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sát hạch thực hành lái xe trong hình thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 4 Thông tư này.

Điều 15. Thí sinh dự sát hạch lái xe

1. Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khỏe theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 59 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Được cơ sở đào tạo lái xe xác nhận hoàn thành khóa đào tạo lái xe hoặc được cấp chứng chỉ sơ cấp hoặc giấy xác nhận hoàn thành chương trình đào tạo lái xe theo đúng quy định.

Điều 16. Hồ sơ đề nghị sát hạch lái xe

1. Hồ sơ đề nghị sát hạch do cơ sở đào tạo lái xe nộp gồm: báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch theo mẫu 02 Phụ lục VII kèm theo danh sách thí sinh đề nghị sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu 03 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này và hồ sơ đề nghị sát hạch của cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hồ sơ đề nghị sát hạch của cá nhân nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này, hồ sơ gồm:

a) Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo hoặc giấy xác nhận hoàn thành khóa đào tạo đối với thí sinh dự sát hạch lái xe hạng A1, A, B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE;

b) Giấy khám sức khỏe của người lái xe còn hiệu lực (bản điện tử), trường hợp hệ thống bị lỗi thì sử dụng bản giấy do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp;

c) Bản sao hoặc bản sao điện tử một trong các giấy tờ sau: chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ, thị thực hoặc thẻ tạm trú còn thời hạn từ 90 ngày trở lên, thẻ thường trú còn giá trị (đối với người nước ngoài). Trường hợp cá nhân thực hiện thủ tục nộp bản sao thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu; trường hợp cá nhân nộp bản sao có giá trị sử dụng thay bản chính theo quy định của pháp luật về chứng thực thì không phải xuất trình bản chính;

d) Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của các kỳ sát hạch trước đối với trường hợp người không đạt kết quả sát hạch, có nhu cầu đăng ký sát hạch lại.

3. Hồ sơ đề nghị sát hạch cấp giấy phép lái xe đối với trường hợp giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này, hồ sơ gồm:

a) Bản sao giấy phép lái xe, trường hợp giấy phép lái xe bị mất thì cung cấp thông tin về giấy phép lái xe;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử một trong các giấy tờ sau: chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ, thị thực hoặc thẻ tạm trú còn thời hạn từ 90 ngày trở lên, thẻ thường trú còn giá trị (đối với người nước ngoài). Trường hợp cá nhân thực hiện thủ tục nộp bản sao, bản sao điện tử không có chứng thực thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu; trường hợp cá nhân nộp bản sao, bản sao điện tử có giá trị sử dụng thay bản chính theo quy định của pháp luật về chứng thực thì không phải xuất trình bản chính;

c) Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp hoặc xác nhận của cơ quan đã cấp đối với trường hợp mất giấy phép lái xe (đối với giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp);

d) Giấy khám sức khỏe của người lái xe còn hiệu lực (bản điện tử), trường hợp hệ thống bị lỗi thì sử dụng bản giấy do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp;

đ) Bản sao giấy tờ chứng minh thôi không còn phục vụ trong lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân (đối với trường hợp giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp, giấy phép lái xe trong Công an nhân dân).

Điều 17. Lưu trữ hồ sơ kết quả sát hạch

1. Sau mỗi kỳ sát hạch lái xe, Phòng Cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch lái xe, bao gồm:

a) Quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe;

b) Danh sách thí sinh dự sát hạch;

c) Biên bản kiểm tra hồ sơ thí sinh;

d) Báo cáo, đề xuất tổ chức sát hạch kèm theo danh sách thí sinh dự sát hạch, danh sách thành viên Hội đồng sát hạch;

đ) Biên bản phân công nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch lái xe;

e) Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch lái xe;

g) Danh sách thí sinh đạt, vắng, trượt các nội dung sát hạch.

2. Trường hợp cơ sở đào tạo lái xe có sân tập lái dùng để thực hiện sát hạch lái xe mô tô phải lưu trữ dữ liệu giám sát sát hạch; dữ liệu kết quả sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình với thời gian 02 năm.

3. Trung tâm sát hạch lái xe lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch lái xe bao gồm:

a) Các tài liệu quy định tại các điểm a, e, g khoản 1 Điều này;

b) Dữ liệu giám sát sát hạch bao gồm: dữ liệu sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình và sát hạch thực hành lái xe trên đường.

4. Thí sinh tự bảo quản Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch.

5. Thời gian lưu trữ hồ sơ

a) 05 năm đối với các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này;

b) 02 năm đối với các tài liệu quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

6. Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm hướng dẫn Phòng Cảnh sát giao thông thực hiện việc số hóa, lưu trữ dữ liệu hồ sơ kết quả sát hạch.

Chương III

CẤP, ĐỔI, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY PHÉP LÁI XE

Điều 18. Mẫu giấy phép lái xe, sử dụng, quản lý giấy phép lái xe

1. Cục Cảnh sát giao thông quản lý cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe trên toàn quốc; cấp phôi, vật tư in giấy phép lái xe cho Phòng Cảnh sát giao thông. Cục Cảnh sát giao thông hoặc Phòng Cảnh sát giao thông tổ chức in và trả giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy phép lái xe được cấp dưới dạng điện tử hoặc bằng vật liệu PET. Mỗi người được cấp 01 số giấy phép lái xe dùng chung cho cả giấy phép lái xe không thời hạn và giấy phép lái xe có thời hạn.

3. Cá nhân nếu có nhu cầu tích hợp giấy phép lái xe không thời hạn với giấy phép lái xe có thời hạn thì đăng ký, làm thủ tục đổi giấy phép lái xe theo quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24 của Thông tư này.

4. Người có giấy phép lái xe được lái các hạng xe ghi trong giấy phép lái xe.

5. Khi đổi, cấp giấy phép lái xe nâng hạng, Phòng Cảnh sát giao thông thu lại giấy phép lái xe cũ (nếu có) và tiêu hủy theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

6. Người có giấy phép lái xe hạng B số tự động không được lái loại xe ô tô số cơ khí (số sàn).

7. Người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có nhu cầu lái xe ở Việt Nam thực hiện như sau:

a) Nếu có giấy phép lái xe quốc gia thì phải làm thủ tục đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

b) Trường hợp điều ước quốc tế về giấy phép lái xe mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

8. Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET và giấy phép lái xe cấp từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, giấy phép lái xe cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực là giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền cấp có hiệu lực, có số phôi, ngày cấp, ngày hết hạn in trên giấy phép lái xe trùng với số phôi, ngày cấp, ngày hết hạn trong hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe hoặc có thông tin giấy phép lái xe đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân.

9. Thời hạn sử dụng giấy phép lái xe hạng D đối với trường hợp người được cấp, đổi, cấp lại khi không đủ 05 năm tính từ ngày cấp, đổi, cấp lại theo tuổi tối đa được phép điều khiển là đủ 57 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ, thì thời hạn sử dụng được tính từ ngày cấp, đổi, cấp lại đến thời hạn còn lại theo độ tuổi tối đa.

Điều 19. Cấp giấy phép lái xe

1. Cục Cảnh sát giao thông cấp giấy phép lái xe điện tử cho người đạt kết quả kỳ sát hạch lái xe và tích hợp vào hệ thống dữ liệu điện tử trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm kết thúc kỳ sát hạch lái xe. Trường hợp người dân có nhu cầu cấp giấy phép lái xe bằng vật liệu PET, Cục Cảnh sát giao thông hoặc Phòng Cảnh sát giao thông tổ chức in và trả giấy phép lái xe trong thời hạn 3,5 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch lái xe; việc trả giấy phép lái xe cho người đạt kết quả kỳ sát hạch lái xe được thực hiện tại Phòng Cảnh sát giao thông hoặc qua cơ sở đào tạo (nếu có), trung tâm sát hạch hoặc qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân.

2. Việc cấp giấy phép lái xe cho người có giấy phép lái xe ô tô các hạng mà quá thời hạn sử dụng; mất giấy phép lái xe ô tô và giấy phép lái xe đó quá thời hạn sử dụng bao gồm cả người có giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp, giấy phép lái xe trong Công an nhân dân khi thôi không còn làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thực hiện như sau:

a) Người có giấy phép lái xe thuộc các trường hợp trên phải có tên trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông hoặc bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe (sổ quản lý), trường hợp giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp bị mất phải có xác nhận của cơ quan đã cấp thì dự sát hạch các nội dung sau đây:

Trường hợp giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng từ đủ 30 ngày đến dưới 01 năm kể từ ngày hết hạn đến thời điểm nộp đủ hồ sơ hợp lệ thì phải sát hạch lý thuyết để cấp giấy phép lái xe theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

Trường hợp giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng từ đủ 01 năm trở lên kể từ ngày hết hạn thì phải sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình và trên đường để cấp giấy phép lái xe theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 4 Thông tư này.

Hồ sơ đề nghị sát hạch thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này;

b) Người có giấy phép lái xe được quy định tại điểm a khoản này có nhu cầu ôn tập thì đăng ký với các cơ sở đào tạo lái xe hoặc trung tâm sát hạch lái xe để được hướng dẫn ôn tập;

c) Trường hợp người có giấy phép lái xe được quy định tại điểm a khoản này sát hạch không đạt, nếu có nhu cầu thì đăng ký với Phòng Cảnh sát giao thông để tham gia sát hạch lại.

3. Chưa sát hạch cấp giấy phép lái xe đối với người vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 20. Cấp lại giấy phép lái xe

1. Người có giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng mà bị mất, được đề nghị cấp lại giấy phép lái xe. Việc cấp lại giấy phép lái xe bị mất thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 21 Thông tư này.

2. Không cấp lại giấy phép lái xe đối với các trường hợp sau: thông tin giấy phép lái xe không có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông hoặc không có trong bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe (sổ quản lý); người vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 21. Đổi giấy phép lái xe

1. Các trường hợp đổi giấy phép lái xe

a) Người có giấy phép lái xe bị hỏng không còn sử dụng được;

b) Người Việt Nam, người nước ngoài đã có giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp trước khi hết hạn nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

c) Trường hợp ngày, tháng, năm sinh, họ, tên, tên đệm, quốc tịch ghi trên giấy phép lái xe có sai lệch với căn cước công dân, căn cước hoặc hộ chiếu thì cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đổi giấy phép lái xe mới phù hợp với thông tin ghi trong căn cước công dân, căn cước hoặc hộ chiếu;

d) Người có nhu cầu tích hợp giấy phép lái xe không thời hạn với giấy phép lái xe có thời hạn;

đ) Không đổi giấy phép lái xe đối với các trường hợp sau: người đề nghị đổi giấy phép lái xe không còn giấy phép lái xe đã được cấp và thông tin giấy phép lái xe không có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe của Cục Cảnh sát giao thông hoặc không có trong bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe (sổ quản lý); người vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe, gồm:

a) Giấy khám sức khỏe của người lái xe còn hiệu lực (bản điện tử), trường hợp do lỗi kỹ thuật không sử dụng được bản điện tử thì sử dụng bản giấy do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp;

b) Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài);

c) Các giấy tờ khác thể hiện thông tin để đối chiếu nếu thuộc trường hợp được quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh Quốc gia hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân; hồ sơ phải kê khai theo hướng dẫn, chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí đổi giấy phép lái xe theo quy định và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.

Trường hợp người dân chưa có định danh mức độ 2 hoặc chưa có dữ liệu giấy phép lái xe trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe hoặc do lỗi hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia thì nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã nơi bố trí điểm tiếp nhận hoặc Phòng Cảnh sát giao thông. Cá nhân chụp ảnh trực tiếp hoặc gửi 01 ảnh chân dung, nền trắng, kích thước 3 cm x 4 cm tại nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc sử dụng ảnh từ dữ liệu căn cước và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí;

b) Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã kiểm tra hồ sơ, tra cứu thông tin về giấy phép lái xe từ hệ thống thông tin giấy phép lái xe, trường hợp chưa có thông tin phải xác minh theo mẫu số 01 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này; tra cứu vi phạm của người lái xe, thực hiện nhập thông tin điện tử; in phiếu hẹn trả kết quả.

Trường hợp giấy phép lái xe không thuộc đối tượng được đổi thì phải thông báo về việc không tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định thì hướng dẫn những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Phòng Cảnh sát giao thông chuyển dữ liệu đến Cục Cảnh sát giao thông để quản lý tập trung và cấp giấy phép lái xe, tích hợp giấy phép lái xe trên ứng dụng định danh Quốc gia hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân theo quy định trong thời hạn 01 ngày kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp người dân có nhu cầu, Cục Cảnh sát giao thông hoặc Phòng Cảnh sát giao thông tổ chức in và trả giấy phép lái xe trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

d) Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã nơi được bố trí điểm tiếp nhận hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân; trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công

quốc gia hoặc ứng dụng định danh Quốc gia hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân, giấy phép lái xe được trả cho đúng cá nhân đổi giấy phép lái xe.

4. Trường hợp người lái xe có nhu cầu đổi giấy phép lái xe xuống hạng thấp hơn, phải đăng ký với cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

5. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe là hồ sơ gốc gồm các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này, giao cho người lái xe tự bảo quản.

Điều 22. Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp

1. Yêu cầu đối với việc đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp khi không còn phục vụ trong Quân đội

a) Người có giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp còn thời hạn sử dụng có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

b) Giấy phép lái xe quân sự có hiệu lực được phép lái nhiều hạng xe khác nhau, được đổi sang giấy phép lái xe có hiệu lực lái các hạng xe tương ứng; giấy phép lái xe quân sự hạng CX được đổi sang giấy phép lái xe hạng C;

c) Người có giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Hồ sơ bao gồm:

a) Bản sao giấy tờ chứng minh thôi không còn phục vụ trong lực lượng Quân đội nhân dân;

b) Giấy khám sức khỏe của người lái xe còn hiệu lực (bản điện tử), trường hợp do lỗi kỹ thuật không sử dụng được bản điện tử thì sử dụng bản giấy do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp;

c) Giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng về việc đã được cấp giấy phép lái xe quân sự, tình trạng còn thời hạn sử dụng.

3. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã, cá nhân chụp ảnh trực tiếp hoặc sử dụng ảnh tại dữ liệu căn cước hoặc gửi ảnh chân dung, nền trắng, kích thước 3 cm x 4 cm tại nơi tiếp nhận hồ sơ, xuất trình bản chính các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này để đối chiếu và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí theo quy định;

b) Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã kiểm tra hồ sơ, tra cứu vi phạm của người lái xe, thực hiện nhập thông tin điện tử; in phiếu hẹn trả kết quả.

Trường hợp giấy phép lái xe không thuộc đối tượng được đổi thì phải thông báo về việc không tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định thì hướng dẫn những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

Trường hợp phát hiện có nghi vấn, Phòng Cảnh sát giao thông có văn bản đề nghị đơn vị chức năng thuộc Bộ Quốc phòng xác minh giấy phép lái xe đã cấp theo mẫu số 01 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này. Khi chưa có kết quả xác minh giấy phép lái xe hoặc có kết quả xác minh giấy phép lái xe không do Bộ Quốc phòng cấp thì không đổi giấy phép lái xe;

c) Phòng Cảnh sát giao thông chuyển dữ liệu đến Cục Cảnh sát giao thông để quản lý tập trung và cấp giấy phép lái xe, tích hợp giấy phép lái xe trên ứng dụng định danh Quốc gia hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân theo quy định trong thời hạn 01 ngày kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp người dân có nhu cầu, Cục Cảnh sát giao thông hoặc Phòng Cảnh sát giao thông tổ chức in và trả giấy phép lái xe trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

d) Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân.

4. Trường hợp người lái xe có nhu cầu đổi giấy phép lái xe xuống hạng thấp hơn, phải đăng ký với cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

5. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe quân sự là hồ sơ gốc gồm các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này, giao cho người lái xe tự bảo quản, trừ các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư này.

Điều 23. Đổi giấy phép lái xe trong Công an nhân dân

1. Yêu cầu đổi với việc đổi giấy phép lái xe trong Công an nhân dân khi thôi không còn phục vụ trong lực lượng Công an

a) Người có giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng; bị mất, bị hỏng nhưng vẫn còn thời hạn sử dụng, có thông tin trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông hoặc bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe (sổ quản lý) có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

b) Người có giấy phép lái xe mô tô bằng vật liệu giấy, không bị tẩy xóa, có đủ thông tin trong giấy phép lái xe có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

c) Không đổi giấy phép lái xe trong trường hợp bị tẩy xóa thông tin; người vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ chưa thực hiện xong

yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ; người không có thông tin trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông hoặc bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe (sổ quản lý).

2. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe

a) Giấy phép lái xe trong trường hợp không có trong cơ sở dữ liệu quản lý giấy phép lái xe trong Công an nhân dân hoặc sổ quản lý giấy phép lái xe; bản cam kết trong trường hợp giấy phép lái xe bị mất, còn hồ sơ gốc;

b) Bản sao giấy tờ chứng minh thôi không còn phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân hoặc công văn đề nghị đổi giấy phép lái xe trong Công an nhân dân của đơn vị để phục vụ yêu cầu công tác;

c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe còn hiệu lực (bản điện tử), trường hợp do lỗi kỹ thuật không sử dụng được bản điện tử thì sử dụng bản giấy do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp.

3. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã; cá nhân chụp ảnh trực tiếp hoặc sử dụng ảnh tại dữ liệu căn cước hoặc gửi ảnh chân dung, nền trắng, kích thước 3 cm x 4 cm tại nơi tiếp nhận hồ sơ, xuất trình bản chính các giấy tờ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này để đối chiếu và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí theo quy định;

b) Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã kiểm tra hồ sơ, tra cứu thông tin về giấy phép lái xe từ hệ thống thông tin giấy phép lái xe trong Công an nhân dân, trường hợp chưa có thông tin phải xác minh theo mẫu số 01 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này; tra cứu vi phạm của người lái xe, thực hiện nhập thông tin điện tử; in phiếu hẹn trả kết quả.

Trường hợp giấy phép lái xe không thuộc đối tượng được đổi thì phải thông báo về việc không tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định thì hướng dẫn những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

c) Phòng Cảnh sát giao thông chuyển dữ liệu đến Cục Cảnh sát giao thông để quản lý tập trung và cấp giấy phép lái xe, tích hợp giấy phép lái xe trên ứng dụng định danh Quốc gia hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân theo quy định trong thời hạn 01 ngày kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp người dân có nhu cầu, Cục Cảnh sát giao thông hoặc Phòng Cảnh sát giao thông tổ chức in và trả giấy phép lái xe trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

d) Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân.

4. Trường hợp người lái xe có nhu cầu đổi giấy phép lái xe xuống hạng thấp hơn, phải đăng ký với cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

5. Hồ sơ gốc, gồm tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này, giao cho người lái xe tự bảo quản, trừ các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư này.

Điều 24. Đổi giấy phép lái xe của nước ngoài

1. Yêu cầu đối với việc đổi giấy phép lái xe của nước ngoài

a) Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng và có một trong các giấy tờ sau: giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thị thực hoặc thẻ tạm trú còn thời hạn từ 90 ngày trở lên, thẻ thường trú còn giá trị nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang hạng giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam phù hợp với thời hạn giấy phép lái xe, thị thực, thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú được cấp;

b) Người Việt Nam (mang quốc tịch Việt Nam) trong thời gian cư trú, học tập, làm việc ở nước ngoài liên tục từ 03 tháng trở lên được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp giấy phép lái xe quốc gia, còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe tại Việt Nam được xét đổi sang hạng giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

c) Không đổi giấy phép lái xe tạm thời của nước ngoài; giấy phép lái xe quốc tế; giấy phép lái xe của nước ngoài quá thời hạn sử dụng, bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ thông tin để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận diện; giấy phép lái xe nước ngoài không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Hồ sơ bao gồm:

a) Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng tại Việt Nam hoặc bản dịch của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe;

b) Giấy khám sức khỏe của người lái xe còn hiệu lực (bản điện tử), trường hợp do lỗi kỹ thuật không sử dụng được bản điện tử thì sử dụng bản giấy do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp (trừ người nước ngoài đổi giấy phép lái xe theo thời hạn ghi trong thị thực nhập cảnh hoặc thẻ tạm trú);

c) Bản sao hoặc bản sao điện tử một trong các giấy tờ sau: chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thị thực hoặc thẻ tạm trú còn thời hạn từ 90 ngày trở lên, thẻ thường trú còn giá trị (đối với người nước ngoài). Trường hợp cá nhân thực hiện thủ tục nộp bản sao, bản sao điện tử không có chứng thực thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu; trường hợp cá nhân nộp bản sao, bản

sao điện tử có giá trị sử dụng thay bản chính theo quy định của pháp luật về chứng thực thì không phải xuất trình bản chính.

3. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã nơi được bố trí điểm tiếp nhận hồ sơ hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp cá nhân chụp ảnh trực tiếp hoặc sử dụng ảnh tại dữ liệu căn cước hoặc gửi ảnh chân dung, nền trắng, kích thước 3 cm x 4 cm tại nơi tiếp nhận hồ sơ và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí theo quy định.

Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, sử dụng ảnh tại dữ liệu căn cước hoặc cá nhân tự cập nhật ảnh, cá nhân kê khai theo hướng dẫn, phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí đổi giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân;

b) Trường hợp phát hiện có nghi vấn về việc nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và việc đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe tại nước ngoài cơ quan đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an cấp tỉnh xác minh;

c) Trường hợp hồ sơ giấy phép lái xe hợp lệ, Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp xã nơi được bố trí điểm tiếp nhận nhập thông tin điện tử, in phiếu hẹn trả kết quả; trường hợp không đổi giấy phép lái xe thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Phòng Cảnh sát giao thông chuyển dữ liệu đến Cục Cảnh sát giao thông để quản lý tập trung và cấp giấy phép lái xe, giấy phép lái xe điện tử được tích hợp trên ứng dụng định danh Quốc gia hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân trong thời hạn 01 ngày kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp người dân có nhu cầu, Cục Cảnh sát giao thông hoặc Phòng Cảnh sát giao thông tổ chức in và trả giấy phép lái xe trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

đ) Việc trả giấy phép lái xe được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân.

4. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe được giao cho người lái xe tự bảo quản là hồ sơ gốc, gồm các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này và giấy phép lái xe nước ngoài, trừ các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư này.

5. Thời hạn sử dụng và hạng xe được phép điều khiển

a) Thời hạn sử dụng giấy phép lái xe Việt Nam đối cho người nước ngoài phù hợp với thời hạn ghi tại một trong các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phù hợp với thời hạn sử dụng giấy phép lái xe nước ngoài nhưng không vượt quá thời hạn quy định của giấy phép lái xe Việt Nam;

b) Giấy phép lái xe quốc gia cấp cho người đối được điều khiển nhiều hạng xe khác nhau được đổi sang giấy phép lái xe Việt Nam để điều khiển các hạng xe tương ứng.

Điều 25. Thu hồi giấy phép lái xe

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe thực hiện thu hồi theo trình tự sau:

a) Đối với giấy phép lái xe đã có trên hệ thống dữ liệu điện tử, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện người có giấy phép lái xe thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 62 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông ra quyết định thu hồi để hủy bỏ giấy phép lái xe (nội dung của quyết định nêu rõ lý do thu hồi và hủy bỏ) và hủy bỏ việc tích hợp giấy phép lái xe điện tử trên ứng dụng định danh Quốc gia hoặc các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân theo quy định; cá nhân không phải nộp lại giấy phép lái xe;

b) Đối với giấy phép lái xe không có trên hệ thống dữ liệu điện tử, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện người có giấy phép lái xe thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 62 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông ra quyết định thu hồi để hủy bỏ giấy phép lái xe (nội dung của quyết định nêu rõ lý do thu hồi và hủy bỏ). Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy phép lái xe, cá nhân phải nộp giấy phép lái xe bị thu hồi đến Phòng Cảnh sát giao thông. Phòng Cảnh sát giao thông có trách nhiệm tiếp nhận giấy phép lái xe bị thu hồi, hủy bỏ theo quy định và báo cáo Cục Cảnh sát giao thông.

2. Xử lý đối với trường hợp giấy phép lái xe bị thu hồi

a) Giấy phép lái xe bị thu hồi theo quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 62 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hồ sơ, trình tự thực hiện cấp lại giấy phép lái xe thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 21 Thông tư này;

b) Giấy phép lái xe bị thu hồi theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 62 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, cơ quan quản lý giấy phép lái xe cập nhật dữ liệu về hành vi vi phạm trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; ngoài ra, người có hành vi vi phạm không được cấp giấy phép lái xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; sau thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm

phạm nếu có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch lại như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

Điều 26. Lưu trữ hồ sơ đổi giấy phép lái xe

1. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do Bộ Quốc phòng cấp, gồm: bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng về việc đã được cấp giấy phép lái xe quân sự, tình trạng còn thời hạn sử dụng.

2. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe trong Công an nhân dân khi không còn phục vụ trong lực lượng Công an, gồm:

a) Bản sao giấy phép lái xe trong trường hợp không có trong cơ sở dữ liệu quản lý giấy phép lái xe trong Công an nhân dân hoặc sổ quản lý giấy phép lái xe;

b) Bản cam kết trong trường hợp mất giấy phép lái xe, còn hồ sơ gốc;

c) Bản sao giấy tờ chứng minh không còn phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân hoặc công văn đề nghị đổi giấy phép lái xe trong Công an nhân dân của đơn vị để phục vụ yêu cầu công tác.

3. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe của người nước ngoài

a) Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng tại Việt Nam hoặc bản dịch của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử một trong các giấy tờ: giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thị thực hoặc thẻ tạm trú còn thời hạn từ 90 ngày trở lên hoặc thẻ thường trú còn giá trị sử dụng (đối với người nước ngoài).

4. Thời gian lưu trữ hồ sơ: 02 năm đối với các hồ sơ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

5. Đơn vị tiếp nhận hồ sơ đổi giấy phép lái xe chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này. Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương thực hiện việc số hóa, lưu trữ dữ liệu hồ sơ quy định tại Điều này.

Chương IV

CẤP, SỬ DỤNG GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

Điều 27. Mẫu giấy phép lái xe quốc tế

1. IDP là một quyển sổ có kích thước A6 (148 mm x 105 mm), có ký hiệu bảo mật, bìa màu xám, những trang giấy bên trong màu trắng theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trang 1 (trang bìa) ghi thông tin cơ bản của IDP được in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh; trang 2 quy định về phạm vi sử dụng IDP in song ngữ tiếng

Việt và tiếng Anh, trang 3 quy định phân khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Việt, trang 4 để trống, trang 5 quy định phân khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Anh, trang 6 quy định phân khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Nga, trang 7 quy định phân khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Tây Ban Nha, trang 8 quy định phân khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Pháp, trang 9 quy định hạng xe được điều khiển in bằng tiếng Pháp.

3. Số IDP gồm ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam đối với giao thông quốc tế là VN và 12 chữ số sau là số giấy phép lái xe quốc gia.

Điều 28. Hạng xe điều khiển của giấy phép lái xe quốc tế

Hạng xe được phép điều khiển của IDP tương ứng với các hạng xe của giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 29. Cấp giấy phép lái xe quốc tế

1. Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp còn giá trị sử dụng, thực hiện như sau:

a) Hồ sơ cấp IDP: cá nhân thực hiện trực tiếp tại Cục Cảnh sát giao thông hoặc Phòng Cảnh sát giao thông hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Trình tự cấp IDP:

Trường hợp đề nghị trực tiếp, phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp, cá nhân được chụp ảnh trực tiếp hoặc gửi 01 ảnh chân dung, nền trắng kích thước 3 cm x 4 cm, hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) để thực hiện kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của việc cấp IDP và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Trường hợp gửi trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai, phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí thông qua chức năng thanh toán lệ phí của Cổng Dịch vụ công quốc gia và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhập thông tin điện tử; in phiếu hẹn trả kết quả sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đề nghị;

c) Phòng Cảnh sát giao thông chuyển dữ liệu đến Cục Cảnh sát giao thông để quản lý tập trung và cấp giấy phép lái xe;

d) In và trả giấy phép lái xe được thực hiện tại Cục Cảnh sát giao thông hoặc Phòng Cảnh sát giao thông hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân.

2. Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thể thường trú hoặc thẻ tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng, thực hiện như sau:

a) Hồ sơ cấp IDP: bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài; 01 ảnh chân dung, nền trắng, kích thước 3 cm x 4 cm;

b) Trình tự cấp IDP:

Trường hợp đề nghị trực tiếp, phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú hoặc tạm trú (đối với người nước ngoài) để kiểm tra đối chiếu và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhập thông tin điện tử; in phiếu hẹn trả kết quả sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi cho cá nhân trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đề nghị;

c) IDP được cấp trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Dữ liệu được chuyển về Cục Cảnh sát giao thông để quản lý tập trung và cấp IDP;

d) In và trả giấy phép lái xe được thực hiện tại Cục Cảnh sát giao thông hoặc Phòng Cảnh sát giao thông hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân.

3. Không cấp IDP đối với các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép lái xe quốc gia bị tẩy xóa không còn đủ các thông tin cần thiết hoặc có sự khác biệt về nhận diện;

b) Giấy phép lái xe quốc gia không do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

Điều 30. Sử dụng IDP

1. IDP do Việt Nam cấp theo Công ước về giao thông đường bộ năm 1968 không có giá trị sử dụng trong lãnh thổ Việt Nam.

2. IDP được công nhận theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên sẽ được thực hiện theo điều ước quốc tế đó.

Chương V**HỆ THỐNG THÔNG TIN VỀ SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE****Điều 31. Yêu cầu đối với hệ thống thông tin về sát hạch, cấp giấy phép lái xe**

1. Hệ thống thông tin sát hạch lái xe tại trung tâm sát hạch lái xe

a) Quản lý tối thiểu các thông tin: kỳ sát hạch lái xe; thí sinh tham dự sát hạch; dữ liệu giám sát sát hạch; kết quả kỳ sát hạch lái xe;

b) Tiếp nhận thông tin kỳ sát hạch lái xe, thí sinh đủ điều kiện dự sát hạch từ hệ thống thông tin sát hạch lái xe của Phòng Cảnh sát giao thông;

c) Cung cấp kết quả sát hạch đến hệ thống thông tin của Phòng Cảnh sát giao thông và Cục Cảnh sát giao thông;

d) Chia sẻ dữ liệu giám sát sát hạch về Cục Cảnh sát giao thông và Phòng Cảnh sát giao thông;

đ) Có khả năng lưu trữ chính xác, đầy đủ các thông tin được quản lý; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan;

e) Đảm bảo các quy định về an toàn, an ninh thông tin, an toàn thông tin mạng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hệ thống thông tin về sát hạch, cấp giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông

a) Quản lý tối thiểu các thông tin: số giấy phép lái xe; xác nhận hoàn thành khóa đào tạo; họ, tên; số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nơi cư trú; cơ sở đào tạo lái xe; hạng xe đào tạo; khóa đào tạo; ngày đạt kết quả sát hạch; cơ quan sát hạch; địa điểm tổ chức sát hạch (trung tâm sát hạch lái xe hoặc sân tập lái dùng để sát hạch); ngày cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe; cơ quan cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe; hạng giấy phép lái xe; ngày hết hạn; số phôi giấy phép lái xe;

b) Có khả năng tiếp nhận các thông tin tại điểm a khoản này từ hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Phòng Cảnh sát giao thông; tra cứu thông tin giấy phép lái xe, thực hiện các nghiệp vụ về sát hạch cấp giấy phép lái xe trên trang thông tin điện tử; lưu trữ chính xác, đầy đủ các thông tin được quản lý;

c) Có chức năng cấp giấy phép lái xe quốc tế theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29 Thông tư này; thu hồi giấy phép lái xe;

d) Có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với Công Dịch vụ công quốc gia, ứng dụng định danh Quốc gia, các ứng dụng của lực lượng Công an nhân dân theo

quy định và các hệ thống thông tin liên quan khác để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quản lý giấy phép lái xe và giấy phép lái xe quốc tế;

đ) Đảm bảo các quy định về an toàn, an ninh thông tin, an toàn thông tin mạng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Hệ thống thông tin về sát hạch, cấp giấy phép lái xe tại Phòng Cảnh sát giao thông

a) Quản lý tối thiểu các thông tin: kết quả duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự kỳ sát hạch lái xe; kỳ sát hạch lái xe; thí sinh tham dự kỳ sát hạch lái xe; dữ liệu giám sát sát hạch; kết quả kỳ sát hạch lái xe; số giấy phép lái xe; xác nhận hoàn thành khóa đào tạo; họ, tên; số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nơi cư trú; cơ sở đào tạo lái xe; hạng xe đào tạo; khoá đào tạo; ngày đạt kết quả sát hạch; cơ quan sát hạch; địa điểm tổ chức sát hạch (trung tâm sát hạch lái xe hoặc sân tập lái dùng để sát hạch); ngày cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe; cơ quan cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe; hạng giấy phép lái xe; ngày hết hạn; số phôi giấy phép lái xe;

b) Tạo kỳ sát hạch lái xe, cập nhật thông tin kỳ sát hạch lái xe và danh sách thí sinh tham dự kỳ sát hạch lái xe đồng thời cung cấp các thông tin này đến hệ thống thông tin tại trung tâm sát hạch lái xe;

c) Có khả năng tiếp nhận dữ liệu giám sát sát hạch từ hệ thống thông tin tại trung tâm sát hạch lái xe, truy cập từ xa để các cơ quan có thẩm quyền truy cập, khai thác; tiếp nhận thông tin thí sinh đạt kết quả sát hạch từ hệ thống thông tin sát hạch lái xe tại các Phòng Cảnh sát giao thông, tiếp nhận thông tin từ hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Công an cấp xã nơi bố trí điểm tiếp nhận;

d) Có khả năng cung cấp các thông tin tại điểm a của khoản này đến hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông;

đ) Có chức năng cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe; cấp, đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp, giấy phép lái xe trong Công an nhân dân; đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có nhu cầu lái xe ở Việt Nam;

e) Có khả năng lưu trữ chính xác, đầy đủ các thông tin được quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan;

g) Đảm bảo các quy định về an toàn, an ninh thông tin, an toàn thông tin mạng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Công an cấp xã nơi được bố trí điểm tiếp nhận

a) Quản lý tối thiểu các thông tin: số giấy phép lái xe; họ, tên; số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nơi cư trú; ngày cấp, đổi, cấp lại giấy

phép lái xe; cơ quan cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe; hạng giấy phép lái xe; ngày hết hạn; số phôi giấy phép lái xe;

b) Có khả năng cung cấp các thông tin tại điểm a của khoản này đến hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Phòng Cảnh sát giao thông;

c) Có khả năng tiếp nhận thông tin tại điểm a của khoản này từ người đổi giấy phép lái xe;

d) Có khả năng lưu trữ chính xác, đầy đủ các thông tin được quản lý; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan;

đ) Đảm bảo các quy định về an toàn, an ninh thông tin, an toàn thông tin mạng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 32. Nguyên tắc và hình thức khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin về sát hạch, cấp giấy phép lái xe

1. Nguyên tắc khai thác

a) Việc khai thác dữ liệu sát hạch, cấp giấy phép lái xe thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin và an toàn thông tin mạng;

b) Cơ quan quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe quy định tại Điều 36, Điều 37 Thông tư này và Công an cấp xã có trách nhiệm bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin;

c) Các dịch vụ khai thác thông tin dữ liệu giấy phép lái xe được cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin và an toàn thông tin mạng.

2. Hình thức khai thác

a) Khai thác trực tiếp: cơ quan, tổ chức, cá nhân được khai thác dữ liệu giấy phép lái xe trực tiếp từ trang thông tin điện tử giấy phép lái xe theo quy định về cấp độ bảo mật và phân quyền sử dụng, khai thác dữ liệu giấy phép lái xe;

b) Khai thác gián tiếp: cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác dữ liệu giấy phép lái xe cung cấp thông tin lấy từ cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe, bao gồm: các thông tin ghi trên giấy phép lái xe (trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, ngoài thông tin in trên giấy phép lái xe còn được cung cấp thêm thông tin về đào tạo, sát hạch, vi phạm pháp luật giao thông đường bộ).

Điều 33. Thời gian lưu trữ dữ liệu trên hệ thống thông tin

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc quản lý tài liệu lưu trữ điện tử theo quy định sau đây:

1. Thời gian lưu trữ dữ liệu về sát hạch lái xe tại trung tâm sát hạch lái xe tối thiểu là 02 năm.

2. Thời gian lưu trữ dữ liệu về sát hạch, cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông tối thiểu là 50 năm.

Điều 34. Quy trình khai thác hệ thống thông tin về cấp giấy phép lái xe

1. Đối với cấp mới giấy phép lái xe

a) Phòng Cảnh sát giao thông: khai thác thông tin về dữ liệu đề nghị sát hạch lái xe trên hệ thống thông tin đào tạo lái xe để duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện sát hạch; căn cứ quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe tạo lập danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia sát hạch gửi trung tâm sát hạch lái xe và sân tập lái dùng để sát hạch lái xe mô tô để phối hợp tổ chức kỳ sát hạch lái xe; tiếp nhận dữ liệu kết quả sát hạch do các trung tâm sát hạch lái xe và sân tập lái dùng để sát hạch lái xe mô tô trên hệ thống thông tin sát hạch lái xe để lập danh sách cấp giấy phép lái xe cho người đạt kết quả sát hạch;

b) Trung tâm sát hạch lái xe và sân tập lái dùng để sát hạch lái xe mô tô đã trang bị hệ thống thông tin để sát hạch lái xe: tiếp nhận danh sách thí sinh dự sát hạch do Phòng Cảnh sát giao thông đồng bộ trên hệ thống thông tin và thực hiện quy trình sát hạch trên hệ thống thông tin sát hạch lái xe; đồng bộ dữ liệu kết quả kỳ sát hạch lái xe vào hệ thống thông tin sát hạch lái xe;

c) Cục Cảnh sát giao thông: tiếp nhận dữ liệu giấy phép lái xe đã được Phòng Cảnh sát giao thông đồng bộ vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe để tổ chức quản lý và sử dụng dữ liệu theo quy định.

2. Đối với đổi giấy phép lái xe

a) Công an cấp xã nơi được bố trí điểm tiếp nhận: tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra, cập nhật, xác thực hồ sơ điện tử vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe và chuyển hồ sơ điện tử lên Phòng Cảnh sát giao thông;

b) Phòng Cảnh sát giao thông: tiếp nhận hồ sơ và thực hiện các quy trình đổi giấy phép lái xe trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe; kiểm tra, cập nhật, xác thực hồ sơ điện tử vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe và chuyển hồ sơ điện tử lên Cục Cảnh sát giao thông;

c) Cục Cảnh sát giao thông tiếp nhận dữ liệu giấy phép lái xe đã được đồng bộ vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông để tổ chức quản lý và sử dụng dữ liệu theo quy định.

Điều 35. Quy trình khai thác hệ thống thông tin đối với cấp, quản lý giấy phép lái xe quốc tế

1. Phòng Cảnh sát giao thông: tiếp nhận hồ sơ và thực hiện quy trình cấp IDP trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Phòng Cảnh sát giao thông; kiểm tra, cập nhật, xác thực hồ sơ điện tử vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại

Phòng Cảnh sát giao thông và thực hiện quy trình in IDP; kiểm tra chất lượng giấy phép lái xe sau khi in và đồng bộ dữ liệu vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông.

2. Cục Cảnh sát giao thông

a) Tiếp nhận dữ liệu IDP đã được Phòng Cảnh sát giao thông đồng bộ vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông để tổ chức quản lý và sử dụng dữ liệu theo quy định;

b) Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp IDP của cá nhân thì thực hiện như quy trình tại khoản 1 Điều này.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Trách nhiệm Cục Cảnh sát giao thông

1. Công tác sát hạch lái xe

a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công tác sát hạch lái xe để thực hiện thống nhất trong phạm vi cả nước;

b) Xây dựng bộ câu hỏi; phần mềm hệ thống thông tin sát hạch, cấp giấy phép lái xe; phần mềm dùng cho sát hạch lý thuyết để phục vụ công tác sát hạch lái xe, hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước và chuyển giao cho Phòng Cảnh sát giao thông;

c) Xây dựng chương trình, tài liệu tổ chức tập huấn, cấp thẻ sát hạch viên, nội dung kiểm tra, đánh giá định kỳ cho đội ngũ sát hạch viên trong cả nước và lưu trữ hồ sơ sát hạch viên theo quy định;

d) Công bố và cập nhật danh sách các trung tâm sát hạch lái xe được cấp hoặc bị thu hồi giấy phép sát hạch trên trang thông tin điện tử;

đ) Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh địa điểm sát hạch, Cục Cảnh sát giao thông thống nhất với trung tâm sát hạch và thông báo cho Phòng Cảnh sát giao thông trước ít nhất 10 ngày tổ chức kỳ sát hạch;

e) Khi có đề nghị của Phòng Cảnh sát giao thông hoặc xét thấy cần thiết, Cục Cảnh sát giao thông cử sát hạch viên tham gia hội đồng sát hạch lái xe thuộc Công an các địa phương;

g) Trường hợp cần thiết, thành lập hội đồng sát hạch để tổ chức sát hạch tại Công an các địa phương.

2. Công tác cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe

a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công tác cấp, đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe để thực hiện thống nhất trong phạm vi cả nước;

b) Hướng dẫn và quản lý việc sử dụng phôi giấy phép lái xe;

c) Quản lý dữ liệu tập trung, cấp giấy phép lái xe.

3. Công tác cấp giấy phép lái xe quốc tế

a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công tác cấp IDP để thực hiện thống nhất trong cả nước;

b) Hướng dẫn và quản lý việc sử dụng phôi IDP theo thẩm quyền;

c) Công bố, cập nhật danh sách các nước tham gia Công ước Viên hàng năm theo thông báo chính thức của Liên hợp quốc trên trang thông tin điện tử của Cục Cảnh sát giao thông;

d) Triển khai thực hiện dịch vụ công về cấp IDP;

đ) Quản lý dữ liệu tập trung, cấp giấy phép lái xe.

4. Công tác quản lý hệ thống thông tin

a) Xây dựng, nâng cấp và duy trì hoạt động của hệ thống thông tin về sát hạch, cấp giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông; hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình cấp mới, đổi, cấp lại giấy phép lái xe, cấp giấy phép lái xe quốc tế trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để tiếp nhận, tích hợp dữ liệu, chia sẻ, kết nối với cơ quan quản lý có liên quan; ứng dụng công nghệ chuyển đổi số trong sát hạch, cấp giấy phép lái xe; xây dựng phần mềm giám sát sát hạch lái xe, hoàn thành trước ngày 01 tháng 01 năm 2027;

b) Cung cấp tài khoản để Công an cấp xã nơi được bố trí điểm tiếp nhận và Phòng Cảnh sát giao thông đăng nhập, truyền dữ liệu và khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin;

c) Xây dựng, tập huấn chuyển giao phần mềm nghiệp vụ trong hệ thống thông tin sát hạch và hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại trung tâm sát hạch lái xe và Phòng Cảnh sát giao thông.

5. Công tác kiểm tra

a) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về công tác quản lý sát hạch, cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe và lưu trữ hồ sơ tại Công an địa phương;

b) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác tổ chức các kỳ sát hạch lái xe tại trung tâm sát hạch lái xe, đình chỉ hoạt động, xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý các vi phạm theo quy định hiện hành.

6. Cục Cảnh sát giao thông chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan thiết kế, sản xuất, in thông tin chung trên phôi giấy phép lái xe, phôi giấy phép lái xe quốc tế cấp cho Công an các đơn vị, địa phương theo quy định.

Điều 37. Trách nhiệm Phòng Cảnh sát giao thông

1. Công tác sát hạch lái xe

a) Triển khai nối mạng với các trung tâm sát hạch lái xe tại địa phương và Cục Cảnh sát giao thông;

b) Cung cấp tài khoản hệ thống thông tin giám sát sát hạch để Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông đơn vị đưa thí sinh đến tổ chức sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe không nằm trên địa bàn, các trung tâm sát hạch lái xe đăng nhập, truyền và khai thác dữ liệu; dữ liệu kết quả sát hạch khai thác trên phần mềm của hệ thống thông tin giám sát được tổng hợp theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này; rà soát, đối chiếu dữ liệu thí sinh dự sát hạch với dữ liệu xác nhận hoàn thành khóa đào tạo trên Hệ thống thông tin quản lý, giám sát đào tạo lái xe;

c) Công khai lịch, địa điểm dự kiến tổ chức các kỳ sát hạch lái xe của tháng sau trước ngày 20 của tháng trước trên Trang thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công quốc gia;

d) Tổ chức các kỳ sát hạch lái xe;

đ) Định kỳ hằng tháng, chuyển danh sách các trung tâm sát hạch lái xe được cấp hoặc bị thu hồi giấy phép sát hạch về Cục Cảnh sát giao thông để theo dõi, quản lý.

2. Công tác cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép lái xe

a) Thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe, chuyển dữ liệu đến Cục Cảnh sát giao thông; in và trả giấy phép lái xe;

b) Hướng dẫn Công an cấp xã tiếp nhận hồ sơ đổi, cấp lại giấy phép lái xe và chuyển dữ liệu về Phòng Cảnh sát giao thông;

c) Thực hiện việc thu hồi và hủy bỏ giấy phép lái xe khi có quyết định thu hồi của Cục Cảnh sát giao thông.

3. Thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ cấp IDP, chuyển dữ liệu đến Cục Cảnh sát giao thông; in và trả IDP.

4. Công tác quản lý hệ thống thông tin

a) Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu của hệ thống thông tin về sát hạch, cấp giấy phép lái xe;

b) Vận hành hệ thống thông tin về sát hạch, cấp giấy phép lái xe;

c) Tiếp nhận, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm đối với các phần mềm nghiệp vụ trong hệ thống thông tin sát hạch và hệ thống thông tin giấy phép lái xe;

d) Sử dụng các phần mềm trong hệ thống thông tin sát hạch lái xe để thực hiện sát hạch lái xe, tổng hợp kết quả làm cơ sở cấp, cấp lại giấy phép lái xe theo quy định;

đ) Sử dụng các phần mềm trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe để cập nhật, xử lý, khai thác, xác thực và đồng bộ dữ liệu và quản lý giấy phép lái xe;

e) Sử dụng dữ liệu trên hệ thống thông tin được cài đặt, chuyển giao tại Phòng Cảnh sát giao thông, trung tâm sát hạch lái xe để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin cho các đơn vị chức năng.

5. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về công tác tiếp nhận hồ sơ đổi, cấp lại giấy phép lái xe tại Công an cấp xã nơi được bố trí điểm tiếp nhận.

Điều 38. Trách nhiệm của Công an cấp xã

1. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe.

2. Phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông trên các tuyến đường sát hạch thuộc địa bàn quản lý.

3. Phối hợp theo dõi việc chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với công dân trên địa bàn quản lý sau khi sát hạch, cấp giấy phép lái xe.

Điều 39. Trách nhiệm Trung tâm sát hạch lái xe

1. Đối với công tác quản lý sát hạch

a) Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm tra, chấm điểm theo quy định để thực hiện các kỳ sát hạch lái xe đạt kết quả chính xác, khách quan; báo cáo về Phòng Cảnh sát giao thông khi thiết bị, phương tiện dùng cho sát hạch hoạt động không chính xác, không ổn định hoặc khi thay đổi thiết bị, phương tiện dùng cho sát hạch để xử lý kịp thời;

b) Phối hợp và tạo mọi điều kiện để học viên đến ôn luyện và các Hội đồng sát hạch tổ chức sát hạch thuận tiện, đúng kế hoạch;

c) Chấp hành và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra trung tâm sát hạch lái xe;

d) Công khai mức thu phí sát hạch và giá các dịch vụ khác trên trang thông tin điện tử của trung tâm sát hạch lái xe;

đ) Bảo đảm an toàn cho các kỳ sát hạch lái xe; phối hợp các đơn vị, cơ quan liên quan giải quyết khi có các vụ việc tai nạn, mất an toàn xảy ra;

e) Công khai lịch sát hạch trên Trang thông tin điện tử của trung tâm sát hạch lái xe, lưu trữ hồ sơ kết quả sát hạch theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này;

g) Truyền, chia sẻ dữ liệu giám sát sát hạch đến Phòng Cảnh sát giao thông, Cục Cảnh sát giao thông, lưu trữ và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực dữ liệu giám sát sát hạch; bảo đảm an toàn dữ liệu; cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, dữ liệu giám sát sát hạch cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

2. Công tác quản lý hệ thống thông tin

a) Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu của hệ thống thông tin sát hạch lái xe đặt tại trung tâm sát hạch lái xe;

b) Không được can thiệp, lắp đặt các thiết bị, cài đặt phần mềm làm ảnh hưởng quá trình sát hạch hoặc làm sai lệch kết quả sát hạch lái xe.

Điều 40. Các phụ lục kèm theo

1. Phụ lục I: Trình tự sát hạch lái xe hạng A1 và A.
2. Phụ lục II: Trình tự sát hạch lái xe hạng B1.
3. Phụ lục III: Trình tự sát hạch lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2 và D.
4. Phụ lục IV: Trình tự sát hạch lái xe các hạng BE, D1E, D2E, DE.
5. Phụ lục V: Trình tự sát hạch lái xe hạng C1E và CE.
6. Phụ lục VI: Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng sát hạch.
7. Phụ lục VII: Biểu mẫu chuẩn bị kỳ sát hạch lái xe.
8. Phụ lục VIII: Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.
9. Phụ lục IX: Biểu mẫu giấy phép lái xe.
10. Phụ lục X: Biểu mẫu xác minh giấy phép lái xe.
11. Phụ lục XI: Mẫu giấy phép lái xe quốc tế.
12. Phụ lục XII: Bảng chuyển đổi giấy phép lái xe quốc tế.
13. Phụ lục XIII: Báo cáo dữ liệu kết quả sát hạch khai thác trên hệ thống thông tin sát hạch lái xe.
14. Phụ lục XIV: Mẫu thẻ sát hạch viên.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.

2. Nội dung sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành lái xe trong hình, sát hạch thực hành lái xe trên đường quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này áp dụng từ ngày 01 tháng 3 năm 2027; nội dung bài sát hạch số 2 quy định tại khoản 4 Điều 4 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.

3. Hình, thiết bị và phần mềm sát hạch tình huống giả định trên đường hạng A1, A của sân tập lái dùng để sát hạch lái xe mô tô áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.

4. Cấp thẻ sát hạch viên điện tử áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2027.

5. Nội dung về nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử quy định tại các phụ lục I, II, III, IV, V ban hành kèm theo Thông tư này áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

6. Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 4, Phụ lục II, Phụ lục III, mục A, C, mẫu số 01, 02, 03 mục D Phụ lục IV, mục A, C, mẫu số 01, 02, 03 mục D Phụ lục V, mục A, C, mẫu số 01, 02, 03 mục D Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA tiếp tục có hiệu lực thi hành đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027.

Điều 42. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp thí sinh đạt phần sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình, lái xe trên đường đối với sát hạch lái xe ô tô trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì được công nhận kết quả sát hạch và được cấp giấy phép lái xe.

2. Trường hợp thực hiện sát hạch theo quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCA mà thí sinh vắng hoặc không đạt 01 nội dung trở lên (sát hạch lý thuyết, lái xe trong hình, lái xe trên đường), phải dự sát hạch lại nội dung chưa đạt theo quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCA; từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 phải dự sát hạch lại nội dung chưa đạt theo quy định của Thông tư này.

Điều 43. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) để kịp thời hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND tỉnh, thành phố;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, C08.



Đại tướng Lương Tam Quang

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG A1 VÀ A

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Thực hiện sát hạch bằng phương pháp trắc nghiệm trên máy tính để cấp giấy phép lái xe hạng A1, A

1. Đối với sát hạch viên, bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết và hệ thống thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử; gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận thông tin trên môi trường điện tử.

1.2. Sắp xếp máy tính cho thí sinh, kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

1.3. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản thí sinh vi phạm và báo cáo Hội đồng sát hạch xem xét quyết định.

1.4. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

2. Đối với thí sinh dự sát hạch, thực hiện các bước sau:

2.1. Xác thực thông tin cá nhân thông qua phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2.2. Tiếp nhận máy tính, nhập số báo danh dự sát hạch, kiểm tra thông tin hiển thị trên màn hình máy tính.

2.3. Thực hiện nội dung sát hạch

- Thời gian làm bài: 27 phút.

- Đề thi được thiết kế dưới dạng 40 câu hỏi, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm.

- Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Điểm đạt yêu cầu từ 36/40 điểm trở lên.

3.2. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

II. Thực hiện sát hạch bằng phương pháp trắc nghiệm trên giấy để cấp giấy phép lái xe hạng A1 đối với người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt

1. Đối với sát hạch viên, mỗi khu vực sát hạch bố trí tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch lần lượt cho từng thí sinh; mỗi thí sinh chọn ngẫu nhiên 01 đề sát hạch (do Phòng Cảnh sát giao thông lựa chọn trong bộ câu hỏi sát hạch lái xe cơ giới đường bộ do Cục Cảnh sát giao thông ban hành), thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, bộ đề sát hạch, đáp án sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết và hệ thống thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

1.2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

1.3. Bố trí chỗ ngồi, phát đề sát hạch cho thí sinh, phát lệnh sát hạch, công bố thời gian bắt đầu, kết thúc sát hạch lý thuyết.

1.4. Sát hạch viên 01 đọc câu hỏi và quan sát thí sinh, người phiên dịch; sát hạch viên 02 đánh dấu nhân (x) vào ô tương ứng theo ý trả lời của thí sinh và không được dùng bút có mực màu đỏ hoặc bút chì để đánh dấu.

1.5. Yêu cầu thí sinh, người phiên dịch thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh, người phiên dịch mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản thí sinh, người phiên dịch vi phạm và báo cáo Hội đồng sát hạch xem xét, quyết định.

1.6. Thu bài sát hạch lý thuyết của thí sinh khi hết giờ làm bài và sử dụng đáp án sát hạch để chấm điểm.

2. Đối với thí sinh dự sát hạch và người phiên dịch thực hiện các bước sau:

2.1. Xác thực thông tin cá nhân thông qua phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử (đối với thí sinh) cung cấp thông tin cá nhân để sát hạch viên đối chiếu (đối với người phiên dịch).

2.2. Nhận đề sát hạch, ghi số đề sát hạch và số báo danh vào bài sát hạch lý thuyết.

2.3. Thực hiện nội dung sát hạch

- Thời gian làm bài: 60 phút.

- Đề thi được thiết kế gồm 30 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm, thí sinh chọn ra đáp án đúng nhất.

- Người phiên dịch dịch câu hỏi, dịch câu trả lời cho thí sinh và thông báo về câu trả lời của thí sinh đến sát hạch viên, người phiên dịch không được chọn đáp án thay thí sinh.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Điểm đạt yêu cầu từ 27/30 điểm trở lên.

3.2. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thông báo kết quả sát hạch; người phiên dịch ký xác nhận, thí sinh ký xác nhận hoặc điểm chỉ vào phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

B. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Đối với sát hạch viên

Mỗi khu vực bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, kiểm tra thiết bị chấm điểm tự động và thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2. Điều hành thiết bị chấm điểm tự động (trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của Trung tâm điều hành thì phải giám sát), gọi thí sinh, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh, theo dõi việc nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử, phát lệnh sát hạch, theo dõi quá trình sát hạch và thông qua thiết bị trong phòng điều hành trực tiếp ghi các lỗi vi phạm của thí sinh, đảm bảo quy định bài sát hạch số 1 tại một thời điểm chỉ có 01 thí sinh thực hiện.

3. Theo dõi quá trình sát hạch, không để người không có nhiệm vụ vào sân sát hạch và báo cáo Chủ tịch hội đồng sát hạch trong trường hợp lỗi kỹ thuật của thiết bị chấm điểm tự động (nếu có).

4. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

II. Đối với thí sinh dự sát hạch

Thực hiện các bước sau: Tiếp nhận xe sát hạch, mũ bảo hiểm, bảo vệ khuỷu tay, bảo vệ đầu gối; thực hiện nhận diện trên thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử; đội mũ bảo hiểm, cài quai đúng quy cách khi thực hiện bài sát hạch số 1; đội mũ bảo hiểm, cài quai đúng quy cách, đeo bảo vệ khuỷu tay, bảo vệ đầu gối khi thực hiện bài sát hạch số 2.

III. Thực hiện bài sát hạch số 1

1. Thí sinh đi theo trình tự như sau:

1.1. Hình sát hạch số 1: xuất phát, đi qua hình số 8.

- Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, bật xi nhan trái chờ hiệu lệnh của sát hạch viên.

- Sau khi có hiệu lệnh xuất phát, thí sinh tắt xi nhan trái, tiến đến cửa vào hình số 8, rẽ phải đi một vòng hình số 8.

- Tiếp tục điều khiển xe tiến qua nửa hình số 3 đến cửa ra hình số 8.

- Điều khiển xe đến hình sát hạch số 2.

1.2. Hình sát hạch số 2: đi qua vạch đường thẳng

Thí sinh điều khiển xe đi vào hình sát hạch số 2, tiến qua vạch đường thẳng, bật xi nhan phải và điều khiển xe đến hình sát hạch số 3.

1.3. Hình sát hạch số 3: đi qua đường có vạch cản

Thí sinh điều khiển xe đi vào hình sát hạch số 3, tắt xi nhan phải, tiến qua đường có vạch cản và bật xi nhan trái, điều khiển xe đến hình sát hạch số 4.

1.4. Hình sát hạch số 4: đi qua đường gồ ghề

Thí sinh điều khiển xe đi vào hình sát hạch số 4, tắt xi nhan trái, tiến qua đường gồ ghề và kết thúc bài sát hạch.

2. Yêu cầu đạt được

2.1. Đi đúng trình tự hình sát hạch.

2.2. Bánh xe không được đè lên vạch giới hạn hình sát hạch.

2.3. Bánh xe không được đè lên vạch cản.

2.4. Hoàn thành bài sát hạch số 1 trong thời gian không quá 03 phút.

2.5. Không để xe chết máy trong quá trình thực hiện sát hạch.

2.6. Lái xe theo đúng tư thế an toàn (lái xe bằng hai tay, chân để trên gác chân hoặc sàn để chân của xe).

3. Các lỗi bị trừ điểm

3.1. Không chỉnh gương chiếu hậu trước khi xuất phát, trừ 05 điểm.

3.2. Không bật, không tắt xi nhan tại các vị trí quy định mỗi lần trừ 05 điểm.

3.3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần trừ 05 điểm.

3.4. Bánh xe đè vào vạch cản của hình sát hạch, mỗi lần trừ 05 điểm.

3.5. Chạm chân xuống đất trong quá trình sát hạch, mỗi lần trừ 05 điểm.

3.6. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.

3.7. Không để chân đúng vị trí, lái xe bằng một tay, trừ 05 điểm.

3.8. Thời gian thực hiện các bài sát hạch quá 03 phút, cứ quá 15 giây trừ 05 điểm.

4. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch

4.1. Không ngoái đầu qua vai quan sát phía sau bên trái, phía sau bên phải trước khi xuất phát.

4.2. Không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm nhưng không cài quai đúng quy cách.

4.3. Đi không đúng trình tự bài sát hạch.

4.4. Hai bánh xe của xe sát hạch ra ngoài hình sát hạch.

4.5. Xe sát hạch bị đổ trong quá trình sát hạch.

4.6. Không hoàn thành bài sát hạch.

5. Công nhận kết quả

5.1. Thang điểm: 100 điểm.

5.2. Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.

5.3. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lái xe trong hình bài sát hạch số 1 tại biên bản tổng hợp

kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

IV. Thực hiện bài sát hạch số 2

1. Bài sát hạch gồm 11 tình huống có thể không theo thứ tự, thí sinh điều khiển xe đi hai vòng

1.1. Xuất phát.

1.1.1. Các bước thực hiện:

- Dừng xe đúng vị trí vạch xuất phát;
- Thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xuất phát;
- Điều khiển xe đến tình huống tiếp theo.

1.1.2. Yêu cầu đạt được:

- Đội mũ bảo hiểm và cài quai đúng quy cách;
- Chỉnh gương chiếu hậu;
- Quan sát an toàn phía trước, ngoái đầu qua vai để quan sát phía sau bên trái, phía sau bên phải trước khi xuất phát;
- Bật xi nhan trái trước khi xuất phát.
- Tắt xi nhan trái sau khi đi qua vạch xuất phát 3000mm.

1.2. Xử lý tình huống từ đường nhánh ra đường chính hoặc từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên

1.2.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xử lý tình huống từ đường nhánh ra đường chính hoặc từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên;
- Điều khiển xe đến tình huống tiếp theo.

1.2.2. Yêu cầu đạt được:

- Khi đến gần nơi giao nhau phải quan sát hai bên, phía trước, phía sau; bật đèn xi nhan, giảm tốc độ; dừng xe, tiếp tục quan sát đảm bảo an toàn và điều khiển xe vào đường chính hoặc đường ưu tiên;
- Trong quá trình điều khiển xe không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đổ xe.

1.3. Chuyển hướng rẽ phải

1.3.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xử lý tình huống chuyển hướng rẽ phải;
- Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.

1.3.2. Yêu cầu đạt được:

- Khi đến gần vị trí rẽ, phải quan sát hai bên, phía trước, phía sau; bật đèn xi nhan phải, giảm tốc độ, chuyển hướng rẽ phải;
- Sau khi kết thúc quá trình rẽ phải, xe đi qua vị trí rẽ, chuyển sang tình huống tiếp theo, tắt đèn xi nhan phải.

- Trong quá trình điều khiển xe không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đổ xe.

1.4. Chuyển hướng rẽ trái

1.4.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xử lý tình huống chuyển hướng rẽ trái.

- Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.

1.4.2. Yêu cầu đạt được:

- Khi đến gần vị trí rẽ, phải quan sát hai bên, phía trước, phía sau; bật đèn xi nhan trái, giảm tốc độ, chuyển hướng rẽ trái;

- Sau khi kết thúc quá trình rẽ trái, xe đi qua vị trí rẽ, chuyển sang tình huống tiếp theo, tắt đèn xi nhan trái.

- Trong quá trình điều khiển xe không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đỗ xe.

1.5. Xử lý khi gặp đèn đỏ

1.5.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xử lý tình huống gặp đèn đỏ;

- Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.

1.5.2. Yêu cầu đạt được:

- Thí sinh phải giảm tốc độ; quan sát phía trước, phía sau và hai bên; dừng xe trước vạch dừng, bánh trước cách vạch dừng không quá 500mm;

- Trong quá trình điều khiển xe không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đỗ xe.

1.6. Chuyển hướng quay đầu

1.6.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xử lý tình huống chuyển hướng quay đầu;

- Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.

1.6.2. Yêu cầu đạt được:

- Khi đến gần vị trí quay đầu, phải quan sát hai bên, phía trước, phía sau; bật đèn xi nhan theo hướng quay đầu, giảm tốc độ, chuyển hướng quay đầu;

- Sau khi kết thúc quá trình quay đầu, xe đi qua vị trí quay đầu, chuyển sang tình huống tiếp theo, tắt đèn xi nhan.

- Trong quá trình điều khiển xe không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đỗ xe.

1.7. Xử lý nhường đường cho người đi bộ sang đường

1.7.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xử lý tình huống nhường đường cho người đi bộ qua đường;

- Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.

1.7.2. Yêu cầu đạt được:

- Thí sinh phải quan sát phía trước và hai bên, giảm tốc độ; dừng xe trước vạch dừng, bánh trước cách vạch dừng không quá 500mm;

- Trong quá trình điều khiển xe không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đỗ xe.

1.8. Vượt xe

1.8.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xử lý tình huống vượt xe;

- Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.

1.8.2. Yêu cầu đạt được:

- Khi đến gần vị trí vượt, phải quan sát hai bên, phía trước, phía sau, bật đèn xi nhan trái, tăng tốc độ, vượt xe;

- Sau khi kết thúc quá trình vượt xe, xe đi qua vị trí vượt, chuyển sang tình huống tiếp theo, tắt đèn xi nhan trái.

- Tốc độ thời điểm vượt xe trên 20 km/h;

- Trong quá trình điều khiển xe không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đổ xe.

1.9. Xử lý gặp tình huống nguy hiểm

1.9.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi gặp tình huống nguy hiểm;

- Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.

1.9.2. Yêu cầu đạt được:

- Tốc độ tối thiểu đạt 20 km/h tại vị trí quy định bắt đầu phanh;

- Phải phanh và dừng lại an toàn trước vạch dừng, bánh trước cách vạch dừng không quá 2000mm;

1.10. Xử lý khi gặp đường sắt

1.10.1. Các bước thực hiện:

- Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi xử lý tình huống gặp đường sắt.

- Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.

1.10.2. Yêu cầu đạt được:

- Thí sinh phải quan sát và chấp hành biển báo, dừng xe trước vạch dừng, bánh trước cách vạch dừng không quá 500mm;

- Trong quá trình điều khiển xe không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đổ xe.

1.11. Kết thúc

1.11.1. Các bước thực hiện:

Thí sinh thực hiện các thao tác đảm bảo an toàn trước khi dừng xe kết thúc.

1.11.2. Yêu cầu đạt được:

Thí sinh phải quan sát phía trước và hai bên, đảm bảo an toàn, bật xi nhan phải, dừng xe, không để xe bị rú ga hoặc bị chết máy, đổ xe.

2. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 05 phút.

3. Các lỗi bị trừ điểm

3.1. Không bật xi nhan tại các vị trí quy định; không tắt xi nhan trước khi chuyển sang tình huống tiếp theo, mỗi lần trừ 05 điểm.

3.2. Không có thao tác giảm tốc độ tại vị trí quy định, mỗi lần trừ 05 điểm.

3.3. Không đạt tốc độ tối thiểu trên 20 km/h tại vị trí quy định, mỗi lần trừ 05 điểm.

3.4. Để xe chết máy hoặc xe bị rú ga, mỗi lần trừ 05 điểm.

3.5. Chạm chân xuống đất trong quá trình xe di chuyển, mỗi lần bị trừ 05 điểm, trừ các trường hợp dừng xe tại vị trí xuất phát, giao nhau với đường ưu tiên, dừng đèn

đỏ, dừng xe nhường đường cho người đi bộ, dừng xe khi gặp tình huống nguy hiểm, dừng xe khi gặp đường sắt, dừng xe kết thúc.

3.6. Thời gian thực hiện bài sát hạch quá 05 phút, cứ quá 30 giây, trừ 05 điểm.

4. Các lỗi bị đình chỉ

4.1. Không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm nhưng không cài quai đúng quy cách.

4.2. Không đeo bảo vệ khuỷu tay, bảo vệ đầu gối.

4.3. Không quan sát an toàn, ngoái đầu qua vai để quan sát phía sau bên trái, phía sau bên phải trước khi xuất phát.

4.4. Không dừng xe hoặc dừng xe quá vị trí quy định khi gặp tình huống giao nhau với đường ưu tiên, đèn tín hiệu màu đỏ, nhường đường cho người đi bộ, tình huống nguy hiểm, giao nhau với đường sắt.

4.5. Xe sát hạch bị đổ trong quá trình sát hạch hoặc đâm vào chướng ngại vật.

4.6. Đi không đúng trình tự bài sát hạch.

4.7. Bánh xe đè lên vạch giới hạn.

5. Công nhận kết quả:

5.1. Thang điểm: 100 điểm.

5.2. Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.

5.3. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lái xe trong hình bài sát hạch số 2 tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

C. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE MÔ TÔ CÁC HẠNG A1 VÀ A

Mẫu số 01	Kết quả sát hạch lý thuyết các hạng A1 và A
Mẫu số 02	Kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng A1 và A - Bài sát hạch số 1
Mẫu số 03	Kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng A1 và A - Bài sát hạch số 2

Mẫu số 01.

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:
 Hạng sát hạch:
 Số báo danh:

Kỳ sát hạch:
 Ngày sát hạch:
 Thời điểm bắt đầu:
 Thời điểm kết thúc:
 Lần thi:

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
Trả lời	1																				
	2																				
	3																				
	4																				

Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	
Trả lời	1																				
	2																				
	3																				
	4																				

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt

Không đạt

*Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông,
 Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;*

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

Mẫu số 02.
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

BÀI SÁT HẠCH SỐ 1

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:
 Hạng sát hạch:
 Số báo danh:
 Lần thi:

Kỳ sát hạch:
 Ngày sát hạch:
 Số xe sát hạch:
 Thời điểm bắt đầu:
 Thời điểm kết thúc:
 Tổng thời gian sát hạch:

Ảnh chụp
 ngẫu nhiên

STT	Hình thi	Chi tiết lỗi	Điểm trừ
1	Xuất phát, đi qua hình số 8		
2	Đi qua vạch đường thẳng		
3	Đi qua đường có vạch cản		
4	Đi qua đường gồ ghề		
5	Các lỗi khác		
	Tổng điểm trừ:		

Số điểm đạt được: ...

Kết luận:

Đạt

Không đạt

Ghi chú:

- (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông, Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;
- Nội dung chi tiết lỗi và điểm trừ theo quy định tại điểm 3, 4 mục III Phần B Phụ lục này;
- Mục chi tiết lỗi thể hiện thời điểm phát sinh lỗi tương ứng với mỗi lỗi.

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH
BÀI SÁT HẠCH SỐ 2

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:
 Hạng sát hạch:
 Số báo danh:
 Lần thi:

Kỳ sát hạch:
 Ngày sát hạch:
 Số xe sát hạch:
 Thời điểm bắt đầu:
 Thời điểm kết thúc:
 Tổng thời gian sát hạch:

Ảnh chụp
 ngẫu nhiên

STT	Bài sát hạch	Chi tiết lỗi	Điểm trừ
1	Xuất phát		
2	Xử lý tình huống từ đường nhánh ra đường chính hoặc từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên		
3	Chuyển hướng rẽ phải		
4	Chuyển hướng rẽ trái		
5	Xử lý khi gặp đèn đỏ		
6	Chuyển hướng quay đầu		
7	Xử lý nhường đường cho người đi bộ sang đường		
8	Vượt xe		
9	Xử lý khi gặp tình huống nguy hiểm		
10	Xử lý khi gặp đường sắt		
11	Kết thúc		
12	Các lỗi khác		
	Tổng điểm trừ		

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt Không đạt

Ghi chú:

- (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông, Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;
- Nội dung chi tiết lỗi và điểm trừ theo quy định tại điểm 3, 4 mục IV Phần B Phụ lục này;

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG B1

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Đối với sát hạch viên

Bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết và hệ thống thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử; gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận thông tin trên môi trường điện tử.

2. Sắp xếp máy tính cho thí sinh, kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

3. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản thí sinh vi phạm và báo cáo Hội đồng sát hạch xem xét quyết định.

4. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

II. Đối với thí sinh dự sát hạch

Thực hiện các bước sau:

1. Xác thực thông tin cá nhân thông qua phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2. Tiếp nhận máy tính, nhập số báo danh dự sát hạch, kiểm tra thông tin hiển thị trên màn hình máy tính.

3. Thực hiện nội dung sát hạch

3.1. Thời gian làm bài: 33 phút.

3.2. Đề thi được thiết kế gồm 50 câu hỏi, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm.

3.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

III. Công nhận kết quả:

1. Điểm đạt yêu cầu: từ 45/50 điểm trở lên.
2. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

B. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Đối với sát hạch viên

Mỗi khu vực bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, kiểm tra thiết bị chấm điểm tự động và thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.
2. Điều hành thiết bị chấm điểm tự động (trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của Trung tâm điều hành thì phải giám sát), gọi thí sinh, theo dõi việc nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh, phát lệnh sát hạch, đảm bảo quy định bài sát hạch số 1 tại một thời điểm chỉ có 01 thí sinh thực hiện, theo dõi quá trình sát hạch và thông qua thiết bị trong phòng điều hành trực tiếp ghi các lỗi vi phạm của thí sinh.
3. Theo dõi quá trình sát hạch, không để người không có nhiệm vụ vào sân sát hạch và báo cáo Chủ tịch hội đồng sát hạch trong trường hợp lỗi kỹ thuật của thiết bị chấm điểm tự động (nếu có).
4. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

II. Đối với thí sinh dự sát hạch

1. Thực hiện các bước sau:

Tiếp nhận xe sát hạch, mũ bảo hiểm; thực hiện nhận diện trên thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử; đội mũ bảo hiểm, cài quai đúng quy cách khi thực hiện bài sát hạch.
2. Thực hiện bài sát hạch
 - 2.1. Trình tự và các bước thực hiện:
 - Thí sinh quan sát phía trước, phía sau và hai bên trước khi xuất phát;
 - Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên;
 - Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến qua hình chữ chi cho đến khi bánh xe sau của xe qua vạch kết thúc của hình sát hạch 01m thì dừng lại;
 - Lùi xe theo hướng ngược lại cho đến khi bánh xe trước của xe qua vạch bắt đầu của hình sát hạch.
 - 2.2. Yêu cầu đạt được của thí sinh:
 - Thí sinh quan sát phía trước, phía sau và hai bên trước khi xuất phát;

- Đi đúng trình tự bài sát hạch;
- Bánh xe không được đè lên vạch giới hạn hình sát hạch;
- Xe không được chết máy trong quá trình sát hạch;
- Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 03 phút;
- Tốc độ xe chạy không quá 20 km/h.

2.3. Các lỗi bị trừ điểm:

- Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần trừ 10 điểm;
- Điều khiển xe bị rung giật mạnh, mỗi lần trừ 05 điểm;
- Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm;
- Thời gian thực hiện bài sát hạch quá 03 phút, cứ quá 15 giây, trừ 05 điểm.

2.4. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch:

- Không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm nhưng không cài quai đúng quy cách;
- Không quan sát phía trước phía sau và hai bên trước khi xuất phát;
- Đi không đúng trình tự bài sát hạch;
- Một bánh xe đi ra ngoài vạch giới hạn hình sát hạch;
- Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn;
- Không hoàn thành bài sát hạch.

III. Công nhận kết quả

1. Thang điểm: 100 điểm.

2. Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.

3. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

C. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG B1

Mẫu số 01	Kết quả sát hạch lý thuyết hạng B1
Mẫu số 02	Kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình hạng B1

...(1)...
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Họ và tên:

Kỳ sát hạch:

Ngày sinh:

Ngày sát hạch:

Số định danh:

Thời điểm bắt đầu:

Hạng sát hạch:

Thời điểm kết thúc:

Số báo danh:

Lần thi:

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
Trả lời	1																	
	2																	
	3																	
	4																	

Câu hỏi	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
Trả lời	1																	
	2																	
	3																	
	4																	

Câu hỏi	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	
Trả lời	1																
	2																
	3																
	4																

Số điểm đạt được: ...

Kết luận:

Đạt

Không đạt

Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông,
 Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Họ và tên:
Ngày sinh:
Số định danh:
Hạng sát hạch:
Số báo danh:

Lần thi:
Kỳ sát hạch:
Ngày sát hạch:
Số xe sát hạch:

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Số lần lỗi	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Tổng điểm trừ
1	Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch.		10	
2	Điều khiển xe bị rung giật mạnh.		05	
3	Xe bị chết máy.		05	
4	Quá thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 15 giây tính 01 lỗi.		05	
5	Không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm nhưng không cài quai đúng quy cách.			Đình chỉ sát hạch
6	Không quan sát phía trước phía sau và hai bên trước khi xuất phát.			Đình chỉ sát hạch
7	Đi không đúng trình tự bài sát hạch.			Đình chỉ sát hạch
8	Một bánh xe đi ra ngoài vạch giới hạn hình sát hạch.			Đình chỉ sát hạch
9	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn.			Đình chỉ sát hạch
10	Không hoàn thành bài sát hạch.			Đình chỉ sát hạch
	Cộng tổng điểm trừ			

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt Không đạt

Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông, Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG B, C1, C, D1, D2 VÀ D

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Đối với sát hạch viên

Bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết và hệ thống thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử; gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận thông tin trên môi trường điện tử.

2. Sắp xếp máy tính cho thí sinh, kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

3. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản thí sinh vi phạm và báo cáo Hội đồng sát hạch xem xét quyết định.

4. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

II. Đối với thí sinh dự sát hạch

Thực hiện các bước sau:

1. Xác thực thông tin cá nhân thông qua phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2. Tiếp nhận máy tính, nhập số báo danh dự sát hạch, kiểm tra thông tin hiển thị trên màn hình máy tính.

3. Thực hiện nội dung sát hạch

3.1. Đề sát hạch có số lượng câu hỏi và thời gian làm bài như sau:

Nội dung	Hạng B	Hạng C1	Hạng C	Hạng D1, D2, D
Số câu hỏi trắc nghiệm	50	60	70	80
Thời gian làm bài (phút)	33	40	47	53

3.2. Mỗi câu hỏi được tính 01 điểm.

3.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

III. Công nhận kết quả

1. Điểm đạt yêu cầu, theo bảng sau

Nội dung	Hạng B	Hạng C1	Hạng C	Hạng D1, D2, D
Thang điểm	50	60	70	80
Điểm đạt tối thiểu	45	54	63	72

2. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

B. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Sát hạch thực hành lái xe trong hình

1. Đối với sát hạch viên: bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại phòng điều hành thiết bị chấm điểm thực hành lái xe trong hình, 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh và cùng phối hợp thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, kiểm tra thiết bị chấm điểm tự động và thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

1.2. Điều hành thiết bị chấm điểm tự động (trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của Trung tâm điều hành thì phải giám sát), gọi thí sinh, theo dõi việc nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh, phát lệnh sát hạch.

1.3. Theo dõi quá trình sát hạch, không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch hoặc vào sân sát hạch, lập biên bản thí sinh vi phạm, lỗi kỹ thuật của thiết bị chấm điểm tự động, xe sát hạch (nếu có) và báo cáo Chủ tịch hội đồng sát hạch quyết định.

1.4. Đình chỉ sát hạch của thí sinh khi: lái xe lên bó vỉa, gây tai nạn trong quá trình sát hạch, không thực hiện đúng trình tự các bài sát hạch.

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với thí sinh dự sát hạch, thực hiện các bước sau

2.1. Tiếp nhận xe sát hạch, thực hiện nhận diện trên thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2.2. Thực hiện bài sát hạch thực hành lái xe trong hình.

2.2.1. Trình tự thực hiện đối với thí sinh dự sát hạch lái xe hạng B chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện), B số cơ khí: thực hiện liên hoàn 11 bài sát hạch lái xe trong hình, gồm:

- Bài sát hạch số 1: xuất phát;
- Bài sát hạch số 2: dừng xe nhường đường cho người đi bộ;
- Bài sát hạch số 3: dừng và khởi hành xe ngang dốc;
- Bài sát hạch số 4: qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc;
- Bài sát hạch số 5: qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông;
- Bài sát hạch số 6: qua đường vòng quanh co;
- Bài sát hạch số 7: ghép xe dọc vào nơi đỗ;
- Bài sát hạch số 8: ghép xe ngang vào nơi đỗ;
- Bài sát hạch số 9: tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua;
- Bài sát hạch số 10: thay đổi số trên đường bằng;
- Bài sát hạch số 11: kết thúc.

Từ bài sát hạch số 2 đến bài sát hạch số 10 thực hiện theo thứ tự phù hợp với diện tích của sân sát hạch.

2.2.2. Trình tự thực hiện đối với thí sinh dự sát hạch lái xe hạng C1, C, D1, D2 và D: thực hiện liên hoàn 10 bài sát hạch lái xe trong hình gồm:

- Bài sát hạch số 1: xuất phát;
- Bài sát hạch số 2: dừng xe nhường đường cho người đi bộ;
- Bài sát hạch số 3: dừng và khởi hành xe ngang dốc;
- Bài sát hạch số 4: qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc;
- Bài sát hạch số 5: qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông;
- Bài sát hạch số 6: qua đường vòng quanh co;
- Bài sát hạch số 7: ghép xe vào nơi đỗ (ghép dọc đối với hạng C1 và ghép ngang đối với hạng C, D1, D2 và D);
- Bài sát hạch số 8: tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua;
- Bài sát hạch số 9: thay đổi số trên đường bằng;
- Bài sát hạch số 10: kết thúc.

Từ bài sát hạch số 2 đến bài sát hạch số 9 thực hiện theo thứ tự phù hợp với diện tích sân sát hạch.

2.2.3. Yêu cầu chung:

- Trong quá trình sát hạch, thí sinh phải thực hiện đúng trình tự; chấp hành quy tắc giao thông đường bộ; giữ động cơ hoạt động liên tục; tốc độ động cơ không quá

4000 vòng/phút; tốc độ xe chạy (trừ bài thay đổi số trên đường bằng) không quá 20 km/h đối với xe hạng C1, C, D, không quá 24 km/h đối với xe hạng B, D1, D2;

- Trong sân sát hạch, ngoài khu vực các bài sát hạch, thí sinh sẽ gặp tình huống nguy hiểm; tình huống này xuất hiện ngẫu nhiên, bất ngờ. Kể từ khi có tín hiệu báo tình huống nguy hiểm (tiếng loa báo tín hiệu nguy hiểm và đèn đỏ trên xe bật sáng), nếu không phanh dừng xe trong thời gian 03 giây trừ 10 điểm; nếu không ấn nút để bật tín hiệu nguy hiểm trên xe trong thời gian 05 giây trừ 10 điểm; khi hết tín hiệu báo tình huống nguy hiểm, nếu không ấn nút tắt tín hiệu nguy hiểm trên xe trước khi đi tiếp trừ 10 điểm; nếu không thực hiện được các thao tác trên trừ 10 điểm. Trong sân sát hạch, ngoài khu vực các bài sát hạch, nếu xe chuyển hướng rẽ hoặc chuyển làn đường thí sinh phải bật đèn xi nhan theo hướng đi chuyển, nếu không thực hiện mỗi lần trừ 05 điểm; nếu dừng xe tại các vị trí không đúng quy định, mỗi lần trừ 05 điểm;

- Thời gian thực hiện sát hạch thực hành lái xe trong hình: 18 phút đối với hạng B; 15 phút đối với các hạng D1, D2; 20 phút đối với các hạng C1, C và D;

- Khi chuyển hướng rẽ trái hoặc rẽ phải thí sinh phải bật đèn xi nhan báo hướng đi chuyển, mỗi lần không bật đèn xi nhan, trừ 05 điểm.

2.2.4. Yêu cầu cụ thể đối với từng bài sát hạch lái xe trong hình

Bài sát hạch số 1: xuất phát

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm
1. Thí sinh thắt dây an toàn, dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh.	1. Thắt dây an toàn trước khi xuất phát.	1. Không thắt dây an toàn, trừ 05 điểm.
2. Khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng, tiếng loa trên xe báo lệnh xuất phát), bật đèn xi nhan trái, lái xe xuất phát.	2. Khởi hành nhẹ nhàng, không bị rung giật, trong khoảng thời gian 20 giây. 3. Bật đèn xi nhan trái trước khi xuất phát.	2. Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, trừ 05 điểm. 3. Không tắt đèn xi nhan trái ở khoảng cách 05 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt), trừ 05 điểm.
3. Tắt xi nhan trái ở khoảng cách 05 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt).	4. Tắt đèn xi nhan trái ở khoảng cách 05 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt).	4. Không bật và tắt đèn xi nhan trái kịp thời trừ 05 điểm.
4. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.	5. Giữ động cơ hoạt động liên tục.	5. Quá 20 giây kể từ khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng) không đi qua vạch xuất phát, trừ 05 điểm. 6. Quá 30 giây kể từ khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng) không đi qua vạch xuất phát, bị đình chỉ sát hạch.

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm
	6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút. 7. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ. 8. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D	7. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch. 8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 9. Lái xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm. 10. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm. 11. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.

Bài sát hạch số 2: dừng xe nhường đường cho người đi bộ

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm
1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm. 2. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm. 2. Giữ động cơ hoạt động liên tục. 3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút. 4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ. 5. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D	1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, trừ 05 điểm. 2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, trừ 05 điểm. 3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, trừ 05 điểm. 4. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch. 5. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 6. Lái xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm. 7. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm. 8. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm. 9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.

Bài sát hạch số 3: dừng và khởi hành xe ngang dốc

	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm
<p>1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm.</p> <p>2. Khởi hành lên dốc nhẹ nhàng, không bị tụt dốc, bảo đảm thời gian quy định.</p> <p>3. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm.</p> <p>2. Khởi hành xe êm dịu, không bị tụt dốc quá 500mm.</p> <p>3. Xe qua vị trí dừng trong khoảng thời gian 30 giây.</p> <p>4. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút.</p> <p>6. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ.</p> <p>7. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D</p>	<p>1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, trừ 05 điểm.</p> <p>3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>4. Quá thời gian 30 giây kể từ khi dừng xe không khởi hành xe qua vạch dừng, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>5. Xe bị tụt dốc quá 500mm kể từ khi dừng xe, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, đình chỉ sát hạch.</p> <p>7. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>9. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.</p> <p>10. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây trừ 1 điểm.</p>

Bài sát hạch số 4: qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm
<p>1. Lái xe để bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ qua vùng giới hạn của hình vệt bánh xe.</p> <p>2. Lái xe qua đường vòng vuông góc trong vùng giới hạn của hình sát hạch trong thời gian 02 phút.</p> <p>3. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch.</p> <p>2. Bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ qua vùng giới hạn của hình vệt bánh xe.</p> <p>3. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch.</p> <p>4. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút.</p> <p>5. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút.</p> <p>7. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D. 	<p>1. Đi không đúng hình của hạng xe sát hạch, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>2. Bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ không qua vùng giới hạn của hình vệt bánh xe, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>4. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây, trừ 05 điểm.</p> <p>5. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, trừ 05 điểm.</p> <p>6. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>7. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>8. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>9. Đẻ tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>10. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.</p> <p>11. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.</p>

Bài sát hạch số 5: qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm
<p>1. Chấp hành theo tín hiệu đèn điều khiển giao thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đèn tín hiệu màu đỏ phải dừng lại; - Đèn tín hiệu màu xanh hoặc vàng được phép đi. - Đèn tín hiệu màu vàng nếu đã đi quá vạch dừng thì được phép đi, nếu chưa đến vạch dừng phải dừng lại. <p>2. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm.</p> <p>3. Bật đèn xi nhan trái khi qua ngã tư rẽ trái.</p> <p>4. Bật đèn xi nhan phải khi qua ngã tư rẽ phải.</p> <p>5. Lái xe qua ngã tư trong thời gian quy định.</p> <p>6. Lái xe qua ngã tư không vi phạm vạch kẻ đường.</p> <p>7. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Chấp hành theo tín hiệu đèn điều khiển giao thông.</p> <p>2. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 1000mm.</p> <p>3. Bật đèn xi nhan trái khi rẽ trái.</p> <p>4. Bật đèn xi nhan phải khi rẽ phải.</p> <p>5. Xe qua ngã tư trong thời gian 20 giây.</p> <p>6. Lái xe qua ngã tư không vi phạm quy tắc giao thông đường bộ.</p> <p>7. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>8. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút.</p> <p>9. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D 	<p>1. Vi phạm tín hiệu đèn điều khiển giao thông (đi qua ngã tư khi đèn tín hiệu màu đỏ), trừ 10 điểm.</p> <p>2. Dừng xe quá vạch dừng quy định, trừ 05 điểm.</p> <p>3. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, trừ 05 điểm.</p> <p>4. Không bật đèn xi nhan khi rẽ trái hoặc rẽ phải, trừ 05 điểm.</p> <p>5. Quá 20 giây từ khi đèn tín hiệu màu xanh bật sáng không lái xe qua được vạch kết thúc ngã tư, trừ 05 điểm.</p> <p>6. Quá 30 giây từ khi đèn tín hiệu màu xanh bật sáng không lái xe qua được vạch kết thúc ngã tư, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>7. Lái xe vi phạm vạch kẻ đường để thiết bị báo không thực hiện đúng trình tự bài sát hạch, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>8. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>9. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>10. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.</p>

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm
		11. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm. 12. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm. 13. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.

Bài sát hạch số 6: qua đường vòng quanh co

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm
1. Lái xe qua đường vòng quanh co trong vùng giới hạn của hình sát hạch trong thời gian 02 phút. 2. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch. 2. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch. 3. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút. 4. Giữ động cơ hoạt động liên tục. 5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút. 6. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D	1. Đi không đúng hình của hạng xe sát hạch, bị đình chỉ sát hạch. 2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần trừ 05 điểm. 3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây trừ 05 điểm. 4. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, trừ 05 điểm. 5. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch. 6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 7. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm. 8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm
		9. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm. 10. Tổng thời gian đến bãi sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.

Bài sát hạch số 7: ghép xe vào nơi đỗ

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm
1. Lái xe tiến vào khoảng cách không chế để lùi vào nơi ghép xe dọc (đối với xe hạng B, C1) hoặc khu vực để ghép xe ngang (đối với xe hạng B chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện), B số cơ khí, C, D1, D2, D). 2. Lùi để ghép xe vào nơi đỗ. 3. Dừng xe ở vị trí đỗ quy định. 4. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bãi sát hạch tiếp theo.	1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch. 2. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch. 3. Giữ động cơ hoạt động liên tục. 4. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút. 5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút. 6. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D	1. Đi không đúng hình của hạng xe sát hạch, bị đình chỉ sát hạch. 2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần trừ 05 điểm. 3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây trừ 05 điểm. 4. Ghép xe không đúng vị trí quy định (toàn bộ thân xe nằm trong khu vực ghép xe nhưng không có tín hiệu báo kết thúc), trừ 05 điểm. 5. Chưa ghép được xe vào nơi đỗ (khi kết thúc bài sát hạch, còn một phần thân xe nằm ngoài khu vực ghép xe), bị đình chỉ sát hạch. 6. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, trừ 05 điểm. 7. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch.

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm
		8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 9. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm. 10. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm. 11. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm. 12. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.

Bài sát hạch số 8: tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm
1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm. 2. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm. 2. Giữ động cơ hoạt động liên tục. 3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút. 4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ. 5. Tốc độ xe chạy không quá. - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2	1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, trừ 05 điểm. 2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, trừ 05 điểm. 3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, trừ 05 điểm. 4. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch. 5. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 6. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.

	- 20 km/h đối với hạng C1, C, D	<p>7. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>8. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.</p> <p>9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.</p>
--	---------------------------------	---

Bài sát hạch số 9: thay đổi số trên đường bằng

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm
<p>1. Trên quãng đường 25m kể từ khi bắt đầu vào bài sát hạch, phải thay đổi số và tốc độ như sau:</p> <p>a) Đối với xe hạng B: từ số 1 lên số 2 và trên 24km/h;</p> <p>b) Đối với xe hạng D1, D2: từ số 2 lên số 3 và trên 24km/h;</p> <p>c) Đối với xe hạng C1, C, D: từ số 2 lên số 3 và trên 20km/h.</p> <p>2. Trên quãng đường 25m còn lại của bài sát hạch phải thay đổi số và tốc độ ngược lại.</p> <p>3. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Trên quãng đường 25m kể từ khi bắt đầu vào bài sát hạch, phải thay đổi số và tốc độ như sau:</p> <p>a) Đối với xe hạng B: từ số 1 lên số 2 và trên 24km/h;</p> <p>b) Đối với xe hạng D1, D2: từ số 2 lên số 3 và trên 24km/h;</p> <p>c) Đối với xe hạng C1, C, D: từ số 2 lên số 3 và trên 20km/h.</p> <p>2. Trên quãng đường 25m còn lại của bài sát hạch phải thay đổi số và tốc độ ngược lại.</p> <p>3. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút.</p>	<p>1. Không thay đổi số theo quy định, trừ 05 điểm.</p> <p>2. Không thay đổi tốc độ theo quy định, trừ 05 điểm.</p> <p>3. Không thay đổi đúng số và đúng tốc độ quy định, trừ 05 điểm.</p> <p>4. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, trừ 05 điểm.</p> <p>5. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>7. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá</p>

	<p>4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ.</p> <p>5. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút.</p>	<p>quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.</p>
--	---	--

Bài sát hạch số 10: kết thúc

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm
<p>1. Bật đèn xi nhan phải khi xe qua vạch kết thúc.</p> <p>2. Lái xe qua vạch kết thúc và dừng xe.</p>	<p>1. Bật đèn xi nhan phải khi xe qua vạch kết thúc.</p> <p>2. Lái xe qua vạch kết thúc.</p> <p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút.</p> <p>4. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>5. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2; - 20 km/h đối với hạng C1, C, D. 	<p>1. Không qua vạch kết thúc, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>2. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>3. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>4. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>5. Khi xe qua vạch kết thúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không bật đèn xi nhan phải, trừ 05 điểm; b) Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm; c) Tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm; d) Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm; đ) Tổng thời gian thực hiện các bài sát hạch quá quy định, cứ 03 giây trừ 01 điểm.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Điểm đạt yêu cầu, theo bảng sau

Nội dung	Hạng B	Hạng D1, D2	Hạng C1, C, D
Thang điểm	100	100	100
Điểm đạt tối thiểu	80	80	80

3.2. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

4. Sát hạch thực hành lái xe trên đường

4.1. Đối với sát hạch viên, mỗi xe bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên, thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận xe sát hạch và thiết bị chấm điểm trên xe sát hạch; kiểm tra việc kết nối giữa thiết bị chấm điểm với phần mềm điều hành và quản lý sát hạch lái xe trên đường, việc lưu trữ hình ảnh và âm thanh của camera lắp trên xe sát hạch, hoạt động của thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

- Gọi thí sinh; sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh; theo dõi việc nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

- Thực hiện nhiệm vụ sát hạch: quan sát tình trạng giao thông trên đường để phát lệnh sát hạch, ra các hiệu lệnh để thí sinh thực hiện (thông qua các phím bấm trên thanh điều khiển hoặc trên màn hình hiển thị hoặc bằng lời nói); bảo hiểm tay lái cho thí sinh trong quá trình thực hiện bài sát hạch; theo dõi tình trạng kỹ thuật của ô tô sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật;

- Theo dõi quá trình thực hiện bài sát hạch của thí sinh, thông qua các phím bấm trên thanh điều khiển hoặc trên màn hình hiển thị để ghi các lỗi vi phạm của thí sinh.

- Theo dõi quá trình sát hạch, không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch, lập biên bản thí sinh vi phạm, lỗi kỹ thuật của thiết bị chấm điểm tự động, xe sát hạch (nếu có) và báo cáo Chủ tịch hội đồng sát hạch quyết định.

4.2. Đối với thí sinh dự sát hạch, thực hiện các bước sau

- Tiếp nhận xe sát hạch, thực hiện nhận diện trên thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

- Thực hiện bài sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông.

4.3. Đoạn đường sát hạch: tối thiểu 05 km (do Phòng Cảnh sát giao thông lựa chọn, báo cáo Cục Cảnh sát giao thông và thông báo với cơ quan quản lý giao

thông có thẩm quyền); đoạn đường sát hạch có mật độ giao thông vừa phải và phải đảm bảo có các tình huống giao thông: ngã ba, ngã tư, đường nhánh ra đường chính hoặc đường không ưu tiên ra đường ưu tiên, vòng xuyên, đèn tín hiệu giao thông, lối dành cho người đi bộ sang đường để đảm bảo thực hiện được 12 bài sát hạch quy định tại điểm 4.4 mục này.

4.4. Thí sinh thực hiện 12 bài sát hạch, gồm:

- Bài số 1: Kiểm tra an toàn xe và xuất phát.
- Bài số 2: Tăng tốc vượt xe.
- Bài số 3: Tăng tốc, chuyển làn (được thực hiện căn cứ điều kiện thực tế về cơ sở hạ tầng giao thông, tổ chức giao thông).
- Bài số 4: Chuyển hướng rẽ trái.
- Bài số 5: Chuyển hướng rẽ phải.
- Bài số 6: Chuyển hướng quay đầu.
- Bài số 7: Tránh xe đi ngược chiều.
- Bài số 8: Nhường đường cho người đi bộ hoặc xe lăn của người khuyết tật qua đường.
- Bài số 9: Dừng xe khi gặp tình huống nguy hiểm.
- Bài số 10: Xử lý tình huống từ đường nhánh ra đường chính hoặc từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên.
- Bài số 11: Chấp hành tín hiệu đèn giao thông (được thực hiện căn cứ điều kiện thực tế về cơ sở hạ tầng giao thông, tổ chức giao thông).
- Bài số 12: Mở cửa xe và kết thúc.

Trên đoạn đường sát hạch, trừ bài sát hạch số 1 và số 12, các bài còn lại có thể thực hiện nhiều lần, không theo thứ tự.

4.5. Yêu cầu đối với từng bài sát hạch

Bài sát hạch số 1: kiểm tra an toàn xe và xuất phát

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm, đình chỉ
1. Thí sinh phải kiểm tra không gian xung quanh xe, các thiết bị an toàn chính của xe. 2. Điều chỉnh tư thế ngồi trong xe trước khi xuất phát. 3. Thí sinh thắt dây an toàn, dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh. 4. Khi có lệnh xuất phát (tiếng loa trên xe báo lệnh xuất phát), bật đèn xi nhan trái, lái xe qua vạch xuất phát.	1. Kiểm tra điểm mù xung quanh xe và các yếu tố an toàn khác trước khi xuất phát; đi một vòng quanh xe, quan sát gương xe, bánh xe. 2. Kiểm tra hệ thống đèn, còi, gạt mưa, kiểm tra hệ thống phanh, hệ thống lái. 3. Kiểm tra các vật dụng cứu hộ trên xe. 4. Quan sát hệ thống báo thông báo hiển thị trên xe. 5. Điều chỉnh tư thế ngồi đảm bảo thuận tiện trong việc sử dụng vô lăng, chân ga, chân phanh, chân côn (nếu có). 6. Kiểm tra tầm nhìn của	1. Không kiểm tra xung quanh xe, trừ 05 điểm. 2. Không kiểm tra hệ thống đèn, còi, hệ thống phanh, hệ thống lái, hệ thống gạt mưa, gương chiếu hậu bên trái, bên phải và phía trong xe, trừ 05 điểm. 3. Điều chỉnh tư thế ngồi không phù hợp, trừ 05 điểm. 4. Không thắt dây an toàn, trừ 10 điểm. 5. Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, trừ 10 điểm.

<p>5. Nhả phanh đỗ trước khi khởi hành.</p> <p>6. Điều khiển tăng số và lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>gương chiếu hậu phía bên trái, phía bên phải và trong xe.</p> <p>7. Thắt dây an toàn trước khi xuất phát.</p> <p>8. Bật đèn xi nhan trái trước khi xuất phát.</p> <p>9. Nhả phanh đỗ trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 500mm.</p> <p>10. Trong khoảng 15 m phải tăng số.</p> <p>11. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p>	<p>6. Không nhả hoặc nhả không hết phanh đỗ khi khởi hành, trừ 05 điểm.</p> <p>7. Trong khoảng 15 m không tăng số, trừ 05 điểm.</p> <p>8. Xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm.</p> <p>9. Không thực hiện việc kiểm tra an toàn trước khi xuất phát, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>10. Quá 30 giây kể từ khi có lệnh xuất phát, chưa khởi hành xe qua vị trí xuất phát, bị đình chỉ sát hạch.</p>
--	---	---

b) Bài sát hạch số 2: vượt xe

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm, đình chỉ
<p>1. Thí sinh thực hiện thao tác vượt xe: quan sát, phát tín hiệu, nhận tín hiệu, tăng tốc, vượt xe.</p> <p>2. Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Báo hiệu nhấp nháy bằng đèn chiếu sáng phía trước hoặc còi, bật đèn xi nhan trái trước khi vượt.</p> <p>2. Bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau và hai bên.</p> <p>3. Quan sát an toàn hai bên, phía trước, phía sau qua gương chiếu hậu.</p> <p>4. Giữ cho động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>5. Không để xe bị rung giật mạnh.</p> <p>6. Không gây mất an toàn.</p> <p>7. Không để xe bị choạng lái quá làn đường.</p> <p>8. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ.</p>	<p>1. Không báo hiệu nhấp nháy bằng đèn chiếu sáng phía trước hoặc còi, trừ 05 điểm.</p> <p>2. Không bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau và 2 bên, trừ 05 điểm.</p> <p>3. Vượt xe khi chưa nhận được tín hiệu cho phép của xe phía trước, trừ 05 điểm.</p> <p>4. Không quan sát an toàn hai bên, phía trước, phía sau qua gương chiếu hậu, trừ 05 điểm.</p> <p>5. Xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm.</p> <p>6. Để xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>7. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>8. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm.</p> <p>9. Không bật đèn xi nhan trái khi vượt, trừ 10 điểm.</p> <p>10. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên,</p>

		bị đình chỉ sát hạch. 11. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 12. Khi vượt, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ sát hạch.
--	--	---

Bài sát hạch số 3: tăng tốc, chuyển làn.

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm, đình chỉ
1. Thí sinh thực hiện quan sát, phát tín hiệu, tăng tốc độ và chuyển làn. 2. Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Quan sát an toàn, phát tín hiệu, tăng tốc phù hợp và chuyển làn. 2. Giữ động cơ hoạt động liên tục. 3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút. 4. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ. 5. Thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên xe sát hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên. 6. Lái xe an toàn và không bị choạng lái quá làn đường quy định. 7. Chuyển làn đảm bảo an toàn.	1. Xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm. 2. Để xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm. 3. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm. 4. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm. 5. Không quan sát đảm bảo an toàn, trừ 05 điểm 6. Không có tín hiệu trước khi chuyển làn, trừ 10 điểm. 7. Chuyển hai làn cùng một lúc, trừ 10 điểm 8. Chuyển làn tại nơi không cho phép, trừ 10 điểm. 9. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch. 10. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 11. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ sát hạch.

Bài sát hạch số 4: chuyển hướng rẽ trái.

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm, đình chỉ
1. Thí sinh thực hiện việc quan sát, phát tín hiệu, giảm tốc độ và chuyển hướng xe sang trái.	1. Quan sát hai bên, phía trước, phía sau qua gương chiếu hậu các hướng trước khi chuyển hướng xe. 2. Giảm tốc độ, bật đèn xi	1. Trong quá trình thực hiện chuyển hướng xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm. 2. Trong quá trình chuyển

<p>2. Điều khiển xe đến bãi sát hạch tiếp theo.</p>	<p>nhan trái, quan sát gương chiếu hậu bên trái, chuyển dần sang làn gần nhất hướng rẽ.</p> <p>3. Giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau.</p> <p>4. Trong quá trình chuyển hướng giữ xe hoạt động liên tục và không để xe bị rung giật mạnh.</p> <p>5. Thực hiện việc nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật và các phương tiện thô sơ và xe đi theo hướng ngược lại.</p> <p>6. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ.</p>	<p>hướng xe bị chết máy, trừ 05 điểm.</p> <p>3. Không giảm tốc độ về mức an toàn trước khi chuyển hướng, trừ 05 điểm.</p> <p>4. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm.</p> <p>5. Không thực hiện chuyển dần làn đường sang hướng cần chuyển, trừ 10 điểm.</p> <p>6. Không bật xi nhan trái, trừ 10 điểm.</p> <p>7. Chuyển hướng đột ngột, trừ 10 điểm.</p> <p>8. Không quan sát hai bên, phía trước, gương chiếu hậu bên phải, bên trái trước và trong quá trình chuyển hướng, trừ 10 điểm.</p> <p>9. Không thực hiện nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật, trừ 10 điểm.</p> <p>10. Không thực hiện nhường đường cho xe đi chiều ngược lại, trừ 10 điểm.</p> <p>11. Chuyển hướng xe lấn sang làn xe ngược chiều, trừ 10 điểm.</p> <p>12. Không giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau, xe phía bên trái, trừ 10 điểm.</p> <p>13. Sau khi chuyển hướng không trả lái, đưa xe về làn đường quy định, trừ 10 điểm.</p> <p>14. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>15. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch.</p>
---	--	---

Bài sát hạch số 5: chuyển hướng rẽ phải.

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm, đình chỉ
<p>1. Thí sinh thực hiện việc quan sát, phát tín hiệu, giảm tốc độ và chuyển hướng xe sang phải.</p> <p>2. Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Quan sát hai bên, phía trước, phía sau qua gương chiếu hậu, các hướng trước khi chuyển hướng xe.</p> <p>2. Giảm tốc độ, bật đèn xi nhan phải, quan sát gương chiếu hậu bên phải, chuyển dần sang làn gần nhất hướng rẽ.</p> <p>3. Giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau.</p> <p>4. Trong quá trình chuyển hướng để xe hoạt động liên tục và không để xe bị rung giật mạnh.</p> <p>5. Thực hiện việc nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật và các phương tiện thô sơ và xe đi theo hướng ngược lại.</p> <p>6. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ.</p>	<p>1. Trong quá trình thực hiện chuyển hướng xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm.</p> <p>2. Trong quá trình chuyển hướng xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>3. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>4. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm.</p> <p>5. Không giảm tốc độ về mức an toàn trước khi chuyển hướng, trừ 05 điểm.</p> <p>6. Không thực hiện chuyển dần làn đường sang hướng cần chuyển, trừ 10 điểm.</p> <p>7. Không bật xi nhan phải, trừ 10 điểm.</p> <p>8. Chuyển hướng đột ngột, trừ 10 điểm.</p> <p>9. Không quan sát hai bên, gương chiếu hậu bên phải, bên trái trước và trong quá trình chuyển hướng, trừ 10 điểm.</p> <p>10. Không thực hiện nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật, trừ 10 điểm.</p> <p>11. Không thực hiện nhường đường cho xe đi chiều ngược lại, trừ 10 điểm.</p> <p>12. Chuyển hướng xe lấn sang làn xe ngược chiều, trừ 10 điểm.</p> <p>13. Không giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau, trừ 10 điểm.</p> <p>14. Sau khi chuyển hướng không trả lái, đưa xe về</p>

		làn đường quy định, trừ 10 điểm. 15. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 16. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch.
--	--	---

Bài sát hạch số 6: chuyển hướng quay đầu.

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm, đình chỉ
1. Thí sinh thực hiện việc quan sát, phát tín hiệu, giảm tốc độ và chuyển hướng quay đầu. 2. Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.	1. Giảm tốc độ xe về mức an toàn trước khi thực hiện thao tác quay đầu xe. 2. Quan sát an toàn hai bên, phía trước, phía sau qua gương chiếu hậu. Bật đèn xi nhan về hướng quay đầu xe. 3. Giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau. 4. Chuyển dần sang làn đường gần nhất với hướng quay đầu. 5. Trong quá trình quay đầu để xe hoạt động liên tục và không bị rung giật mạnh. 6. Thực hiện việc nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật hoặc các phương tiện đang di chuyển chiều ngược lại (nếu có). 7. Phải có thao tác chuyển chân ga sang chân phanh tại điểm quay đầu. 8. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ.	1. Trong quá trình thực hiện quay đầu xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm. 2. Trong quá trình quay đầu xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm. 3. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm. 4. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm. 5. Không giảm tốc độ về mức an toàn, trừ 05 điểm. 6. Không bật xi nhan về hướng quay đầu, trừ 10 điểm. 7. Không quan sát hai bên, gương chiếu hậu tất cả các hướng khi quay đầu, trừ 10 điểm. 8. Không thực hiện nhường đường cho người đi bộ, trừ 10 điểm. 9. Không thực hiện nhường đường cho xe đi chiều ngược lại, trừ 10 điểm. 10. Không giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước, phía sau, trừ 10 điểm. 11. Gây trở ngại và nguy hiểm cho người và các phương tiện khác, trừ 10 điểm.

		<p>12. Sau khi quay xe không trả lái, đưa xe về làn đường quy định, trừ 10 điểm.</p> <p>13. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>14. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch.</p>
--	--	---

Bài sát hạch số 7: tránh xe đi ngược chiều.

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm, đình chỉ
<p>1. Thí sinh thực hiện các thao tác để quan sát, giảm tốc độ và cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình để nhường đường.</p> <p>2. Kết thúc quá trình nhường đường, tiếp tục điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>2. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút.</p> <p>3. Không để xảy ra tình huống nguy hiểm trong quá trình tránh xe.</p> <p>4. Tránh xe theo đúng quy tắc giao thông.</p> <p>5. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ.</p>	<p>1. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm.</p> <p>2. Đè xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>3. Đè tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>4. Không quan sát an toàn (2 bên, phía sau, phía trước) trừ 05 điểm.</p> <p>5. Không giảm tốc độ hoặc không có thao tác chuyển từ chân ga sang chân phanh, trừ 05 điểm.</p> <p>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>7. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch.</p>

Bài sát hạch số 8: nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật.

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm, đình chỉ
<p>1. Thí sinh thực hiện các thao tác để quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để nhường đường.</p> <p>2. Kết thúc quá trình nhường đường, tiếp tục điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Giữ động cơ hoạt động liên tục.</p> <p>2. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút.</p> <p>3. Phải nhường đường và không để xảy ra tình huống nguy hiểm trong quá trình nhường đường.</p> <p>4. Không được sử dụng còi để hối thúc người đi bộ, xe</p>	<p>1. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm.</p> <p>2. Đè xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>3. Đè tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm.</p> <p>4. Không nhường đường (không giảm tốc độ hoặc</p>

	lăn của người khuyết tật.	<p>dừng lại) trong trường hợp khi đèn tín hiệu giao thông hiện màu xanh nhưng trên đường có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang đi ở lòng đường, trừ 10 điểm.</p> <p>5. Không nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường (không giảm tốc độ hoặc dừng lại) trong trường hợp đèn tín hiệu giao thông hiện màu vàng nhấp nháy, trừ 10 điểm.</p> <p>6. Không nhường đường (không giảm tốc độ hoặc dừng lại) cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật khi chuyển hướng, trừ 10 điểm.</p> <p>7. Không nhường đường tại nơi có vạch kẻ đường hoặc báo hiệu khác dành cho người đi bộ hoặc tại nơi mà người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường, trừ 10 điểm.</p> <p>8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>9. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch.</p>
--	---------------------------	--

Bài sát hạch số 9: dừng xe khi gặp tình huống nguy hiểm.

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm, đình chỉ
<p>1. Khi có hiệu lệnh kết thúc hoặc yêu cầu dừng xe từ sát hạch viên/hệ thống loa, người điều khiển phải quan sát gương chiếu hậu hoặc ngoái đầu để kiểm tra an toàn phía sau và bên phải.</p> <p>2. Bật tín hiệu xi nhan phải để báo hiệu</p>	<p>1. Bắt buộc phải bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe và trong khoảng cách quy định.</p> <p>2. Dừng xe đúng vị trí, sát lề đường bên phải, sử dụng phanh đỗ, bật đèn cảnh báo nguy hiểm.</p> <p>3. Thiết bị cảm biến phanh và tốc độ ghi nhận quá trình giảm tốc độ, không phanh</p>	<p>1. Không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe, trừ 05 điểm.</p> <p>2. Dừng xe nhưng không giảm hết số (đối với xe số), trừ 05 điểm.</p> <p>3. Thao tác phanh dừng xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm.</p> <p>4. Khi dừng xe, không sử dụng phanh đỗ, trừ 05</p>

<p>xin tấp vào lề. 3. Chủ động rà phanh, giảm tốc độ từ từ và điều khiển xe đi sát vào lề đường bên phải. 4. Dừng xe đúng vị trí quy định, giảm hết số (về số N hoặc số P nếu là xe số) và kéo phanh đỗ.</p>	<p>gấp gây rung giật. 4. Mở cửa xuống xe, đặt cảnh báo phía sau xe, khoảng cách tối thiểu 20m.</p>	<p>điểm. 5. Chuyển hướng vào lề nhưng xe bị choạng lái, trừ 05 điểm. 6. Không dừng xe, bị đình chỉ sát hạch. 7. Không đặt cảnh báo, bị đình chỉ sát hạch. 8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 9. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch.</p>
--	--	--

Bài sát hạch số 10: xử lý tình huống từ đường nhánh ra đường chính hoặc từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên.

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm, đình chỉ
<p>1. Khi đến gần nơi giao nhau có biển báo giao nhau với đường ưu tiên hoặc từ đường nhánh đi ra phải giảm tốc độ hoặc dừng lại nếu cần thiết. 2. Quan sát để đánh giá tình hình giao thông trên đường chính. 3. Bật đèn xi nhan báo hiệu hướng rẽ (nếu chuyển hướng). 4. Nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới. 5. Khi xác nhận đủ khoảng trống và điều kiện an toàn, mới được tăng ga từ từ để nhập làn vào đường chính.</p>	<p>1. Giảm tốc độ xe về mức an toàn trước khi thực hiện thao tác nhập làn. 2. Quan sát an toàn hai bên, phía trước, phía sau qua gương chiếu hậu. 3. Giữ khoảng cách an toàn với xe phía sau. 4. Xe hoạt động liên tục và không bị rung giật mạnh. 5. Thực hiện việc nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới. 6. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ.</p>	<p>1. Xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm. 2. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm. 3. Không quan sát an toàn, trừ 10 điểm. 4. Không bật tín hiệu xi nhan báo rẽ khi nhập từ đường nhánh ra đường chính, trừ 10 điểm. 5. Không giảm tốc độ, trừ 10 điểm. 6. Không nhường đường cho xe ưu tiên, trừ 10 điểm. 7. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 8. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch.</p>

Bài sát hạch số 11: chấp hành tín hiệu đèn giao thông.

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm, đình chỉ
1. Chấp hành theo	1. Chấp hành theo đèn tín	1. Xe bị chết máy, mỗi

<p>tín hiệu đèn điều khiển giao thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đèn tín hiệu màu đỏ phải dừng lại. - Đèn tín hiệu màu xanh được phép đi. - Đèn tín hiệu màu vàng nếu trước vạch dừng phải giảm tốc độ và dừng lại, nếu quá vạch dừng thì được phép đi tiếp. <ol style="list-style-type: none"> 2. Dừng xe trước vạch dừng khi đèn đỏ. 3. Thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên: rẽ trái, rẽ phải hoặc đi thẳng. 4. Bật đèn xi nhan khi chuyển hướng. 5. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo. 	<p>hiệu điều khiển giao thông.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Dừng xe trước vạch dừng khi đèn đỏ. 3. Bật đèn xi nhan về hướng muốn rẽ, quan sát an toàn tại tất cả các hướng ở giao lộ, quan sát an toàn gương chiếu hậu. 4. Lái xe qua ngã tư không vi phạm quy tắc giao thông đường bộ. 5. Giữ động cơ hoạt động liên tục; Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút. 6. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ. 	<p>lần trừ 05 điểm.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần trừ 05 điểm. 3. Sử dụng tay số không phù hợp với tốc độ, trừ 05 điểm. 4. Dừng xe quá vạch dừng quy định, trừ 10 điểm. 5. Không bật đèn xi nhan khi rẽ trái hoặc rẽ phải, trừ 10 điểm. 6. Vi phạm tín hiệu đèn điều khiển giao thông (đi qua ngã tư khi đèn tín hiệu màu đỏ), bị đình chỉ sát hạch. 7. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 8. Không chấp hành theo hiệu lệnh của sát hạch viên bị đình chỉ sát hạch.
--	---	---

Bài sát hạch số 12: mở cửa xe và kết thúc bài sát hạch.

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi trừ điểm, đình chỉ
<ol style="list-style-type: none"> 1. Khi sát hạch viên ra hiệu lệnh kết thúc bài sát hạch, thí sinh thực hiện thao tác quan sát an toàn lề đường phía trước bên phải và gương chiếu hậu bên phải. 2. Giảm số, giảm tốc độ, bật xi nhan phải và điều khiển xe đi sát vào lề đường. 3. Dừng xe đúng quy định, về số không, kéo phanh tay. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quan sát an toàn trực tiếp và qua gương chiếu hậu. 2. Giảm số giảm tốc độ. 3. Bật xi nhan phải. 4. Dừng xe sát lề đường, không quá 0,25m. 5. Giữ động cơ hoạt động liên tục. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Không giảm số, giảm tốc độ, trừ 05 điểm. 2. Để xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm. 3. Dừng xe cách lề đường quá 0,25m, trừ 10 điểm. 4. Không bật xi nhan, trừ 10 điểm. 5. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch. 6. Không chấp hành theo hiệu lệnh của sát hạch viên bị đình chỉ sát hạch.

4. Quan sát gương chiếu hậu bên trái, bảo đảm an toàn thì mở hé cửa, quan sát trực tiếp phía sau rồi ra khỏi xe, đóng cửa xe, kết thúc phần sát hạch.		
---	--	--

4.6. Công nhận kết quả:

- Thang điểm: 100 điểm.
- Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.
- Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lái xe trên đường tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

C. CÁC BIỂU MẪU
LIÊN QUAN ĐẾN TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE
CÁC HẠNG B, C1, C, D1, D2, D

Mẫu số 01	Kết quả sát hạch lý thuyết các hạng B, C1, C, D1, D2, D
Mẫu số 02	Kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng B, C1, C, D1, D2, D
Mẫu số 03	Kết quả sát hạch thực hành lái xe trên đường các hạng B, C1, C, D1, D2, D

...(1)...
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:
 Hạng sát hạch:
 Số báo danh:

Kỳ sát hạch:
 Ngày sát hạch:
 Thời điểm bắt đầu:
 Thời điểm kết thúc:
 Lần thi:

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
Trả lời	1																										
	2																										
	3																										
	4																										

Câu hỏi	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54
Trả lời	1																										
	2																										
	3																										
	4																										

Câu hỏi	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
Trả lời	1																									
	2																									
	3																									
	4																									

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt Không đạt

Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông,
 Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông

...(1)...
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Họ và tên:

Kỳ sát hạch:

Hạng sát hạch:

Ngày sinh:

Ngày sát hạch:

Số báo danh:

Số định danh:

Thời điểm bắt đầu:

Số xe sát hạch:

Lần thi:

Thời điểm kết thúc:

Tổng thời gian sát hạch:

Ảnh
chân
dung

Ảnh
chụp
ngẫu
nhiên số
01

Ảnh
chụp
ngẫu
nhiên số
02

Ảnh
chụp
ngẫu
nhiên số
03

STT	Bài sát hạch	Thời điểm		Chi tiết lỗi	Điểm trừ
		Vào bài	Ra bài		
1	Xuất phát				
2	Dừng xe nhường đường cho người đi bộ				
3	Dừng và khởi hành xe ngang dốc				
4	Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc				
5	Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông				
6	Qua đường vòng quanh co				
7	Ghép xe dọc vào nơi đỗ				
8	Ghép xe ngang vào nơi đỗ				
9	Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua				
10	Thay đổi số trên đường bằng				
11	Tình huống khẩn cấp				
12	Kết thúc				
	Tổng điểm trừ				

Số điểm đạt được: ...

Kết luận:

Đạt

Không đạt

Ghi chú:

- (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông, Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;
- Thứ tự các bài sát hạch theo bố trí theo bố trí thực tế tại trung tâm sát hạch;
- Nội dung chi tiết lỗi và điểm trừ theo quy định tại phần 2.2.4, mục I, Phần B Phụ lục này;
- Mục chi tiết lỗi thể hiện thời điểm phát sinh lỗi tương ứng với mỗi lỗi.

...(1)...
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:
 Lần thi:

Kỳ sát hạch:
 Ngày sát hạch:
 Thời điểm bắt đầu:
 Thời điểm kết thúc:

Hạng sát hạch:
 Số báo danh:
 Số xe sát hạch:
 Tổng quãng đường sát hạch:

Ảnh
 chân
 dung

Ảnh
 chụp
 ngẫu
 nhiên

Ảnh
 chụp
 ngẫu
 nhiên

Ảnh
 chụp
 ngẫu
 nhiên

STT	Bài sát hạch	Chi tiết lỗi	Điểm trừ
1	Kiểm tra an toàn và xuất phát		
2	Vượt xe		
3	Tăng tốc, chuyển làn		
4	Chuyển hướng rẽ trái		
5	Chuyển hướng rẽ phải		
6	Chuyển hướng quay đầu		
7	Tránh xe đi ngược chiều		
8	Nhường đường cho người đi bộ hoặc xe lăn của người khuyết tật qua đường		
9	Dừng xe khi gặp tình huống nguy hiểm		
10	Xử lý tình huống từ đường nhánh ra đường chính hoặc từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên		
11	Chấp hành tín hiệu đèn giao thông		
12	Mở cửa xe và kết thúc		
	Tổng điểm trừ		

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt Không đạt

Ghi chú:

- (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông, Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;
- Thứ tự các bài sát hạch theo tổ chức giao thông thực tế trên đường sát hạch;
- Nội dung chi tiết lỗi và điểm trừ theo quy định tại phần 4.5, mục II, Phần B Phụ lục này;
- Mục chi tiết lỗi thể hiện thời điểm phát sinh lỗi tương ứng với mỗi lỗi.

PHỤ LỤC IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG BE, D1E, D2E, DE

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Đối với sát hạch viên

Bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết và hệ thống thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử; gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận thông tin trên môi trường điện tử.

2. Sắp xếp máy tính cho thí sinh, kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

3. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi với nhau trong quá trình làm bài sát hạch. Lập biên bản thí sinh vi phạm và báo cáo Hội đồng sát hạch xem xét quyết định.

4. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

II. Đối với thí sinh dự sát hạch

Thực hiện các bước sau:

1. Xác thực thông tin cá nhân thông qua phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2. Tiếp nhận máy tính, nhập số báo danh dự sát hạch, kiểm tra thông tin hiển thị trên màn hình máy tính.

3. Thực hiện nội dung sát hạch:

3.1. Thời gian làm bài: 60 phút;

3.2. Đề thi được thiết kế gồm 90 câu hỏi, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm;

3.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

III. Công nhận kết quả:

1. Điểm đạt yêu cầu: từ 81/90 điểm trở lên.

2. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

B. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Sát hạch lái xe trong hình

1. Đối với sát hạch viên: có tối thiểu 01 sát hạch viên thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, kiểm tra thiết bị chấm điểm tự động và thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

1.2. Gọi thí sinh, theo dõi việc nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh, phát lệnh sát hạch.

1.3. Theo dõi quá trình sát hạch để chấm điểm, không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch hoặc vào sân sát hạch, lập biên bản thí sinh vi phạm hoặc lỗi phương tiện (nếu có) và báo cáo Chủ tịch hội đồng sát hạch quyết định.

1.4. Đình chỉ sát hạch của thí sinh khi: lái xe gây va chạm, tai nạn trong quá trình sát hạch, không thực hiện đúng trình tự các bài sát hạch.

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với thí sinh dự sát hạch, thực hiện các bước sau:

2.1. Tiếp nhận xe sát hạch, thực hiện nhận diện trên thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2.2. Thực hiện bài sát hạch lái xe trong hình theo trình tự và các bước sau:

2.2.1. Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, bật đèn xi nhan trái, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên.

2.2.2. Khi có hiệu lệnh xuất phát, hạ phanh đỗ, điều khiển xe qua vạch xuất phát, tắt đèn xi nhan trái, điều khiển xe tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng quay trở lại cho đến khi xe qua vạch kết thúc bài sát hạch, trước khi kết thúc bật đèn xi nhan phải.

2.3. Yêu cầu đạt được của thí sinh

2.3.1. Đi đúng trình tự bài sát hạch.

2.3.2. Thân xe, bánh xe không được chạm cọc chuẩn.

2.3.3. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 03 phút.

2.3.4. Xe không được chết máy trong quá trình sát hạch.

2.3.5. Bật, tắt đèn xi nhan đúng quy định.

2.4. Các lỗi trừ điểm:

- 2.4.1. Chạm 01 cọc chuẩn nhưng không đổ, mỗi lần trừ 15 điểm.
- 2.4.2. Không thắt dây an toàn, trừ 10 điểm.
- 2.4.3. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.
- 2.4.4. Không bật, tắt đèn xi nhan tại vị trí xuất phát, kết thúc, mỗi lần trừ 05 điểm.
- 2.4.5. Quá thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 30 giây trừ 05 điểm.

2.5. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch:

- 2.5.1. Đi không đúng trình tự bài sát hạch.
- 2.5.2. Xử lý tình huống không hợp lý gây va chạm, tai nạn.
- 2.5.3. Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn.
- 2.5.4. Không hoàn thành bài sát hạch.

3. Công nhận kết quả:

- 3.1. Thang điểm: 100 điểm.
- 3.2. Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.

3.3. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

II. Sát hạch lái xe trên đường:

1. Đối với sát hạch viên, mỗi xe bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch, kiểm tra việc lưu trữ hình ảnh và âm thanh của camera lắp trên xe sát hạch, hoạt động của thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

1.2. Gọi thí sinh; sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh; theo dõi việc nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

1.3. Thực hiện nhiệm vụ sát hạch: quan sát tình trạng giao thông trên đường để phát lệnh sát hạch, ra các hiệu lệnh để thí sinh thực hiện; bảo hiểm tay lái cho thí sinh trong quá trình thực hiện bài sát hạch; theo dõi quá trình thực hiện của thí sinh để ghi nhận các lỗi của thí sinh (nếu có).

1.4. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với thí sinh dự sát hạch, thực hiện các bước sau:

2.1. Tiếp nhận xe sát hạch, thực hiện nhận diện trên thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2.2. Thí sinh kiểm tra an toàn xe, chỉnh gương chiếu hậu hai bên, thắt dây an toàn, hạ phanh tay trước khi xuất phát.

2.3. Thí sinh thực hiện bài sát hạch lái xe trên đường, quãng đường tối thiểu 05 km (do Phòng Cảnh sát giao thông lựa chọn, báo cáo Cục Cảnh sát giao thông và

thông báo với cơ quan quản lý giao thông có thẩm quyền); đoạn đường sát hạch có mật độ giao thông vừa phải và phải đảm bảo có các tình huống giao thông: ngã ba; ngã tư; đường nhánh ra đường chính hoặc đường không ưu tiên ra đường ưu tiên; vòng xuyên, đèn tín hiệu giao thông, lối dành cho người đi bộ sang đường. Các bài sát hạch: quay đầu xe, chuyển làn, tăng tốc vượt xe, rẽ trái, rẽ phải, mở cửa xe, chấp hành tín hiệu đèn giao thông, đi qua vòng xuyên, đi qua nơi giao nhau cùng mức, đi trên đường đèo dốc, đường có nhiều khúc cua liên tiếp, đi qua đường sắt.

2.4. Thí sinh thực hiện các thao tác dừng xe khi có hiệu lệnh của sát hạch viên.

3. Yêu cầu đạt được:

3.1. Kiểm tra an toàn xung quanh xe, chỉnh gương, chỉnh ghế và thắt dây an toàn.

3.2. Bật đèn xi nhan trái khi khởi hành.

3.3. Nhả phanh đỗ trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 0,5 m, tắt đèn xi nhan khi xe đã nhập làn.

3.4. Sau khi khởi hành, trong khoảng 15 m đầu phải tăng được số.

3.5. Sử dụng số phù hợp với tình trạng mặt đường.

3.6. Chấp hành các quy tắc giao thông đường bộ.

3.7. Thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.

3.8. Bật tín hiệu đèn xi nhan phải trước khi dừng xe.

3.9. Giảm hết số khi dừng xe.

3.10. Dừng xe đúng vị trí quy định.

3.11. Kéo phanh đỗ khi xe dừng hẳn.

3.12. Đi tối thiểu 05 km và thực hiện tối thiểu 06/12 tình huống giao thông quy định tại mục 2.3 (tùy theo tổ chức giao thông tại đoạn đường sát hạch).

4. Các lỗi trừ điểm:

4.1. Không thắt dây an toàn, trừ 10 điểm.

4.2. Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành, không tắt đèn xi nhan trái khi xe đã nhập vào làn đường, không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe kết thúc, trừ 10 điểm.

4.3. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, mỗi lần trừ 10 điểm.

4.4. Khởi hành xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm.

4.5. Không nhả hết phanh đỗ khi khởi hành, trừ 05 điểm.

4.6. Sau khi khởi hành, trong khoảng 15 m đầu không tăng được số, trừ 05 điểm.

4.7. Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường, trừ 05 điểm.

4.8. Không giảm hết số khi dừng xe, trừ 05 điểm.

4.9. Không kéo phanh đỗ khi dừng xe, trừ 05 điểm.

4.10. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.

5. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch:

- 5.1. Không kiểm tra an toàn trước khi xuất phát.
- 5.2. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.
- 5.3. Xử lý tình huống không hợp lý gây va chạm, tai nạn giao thông.
- 5.4. Xe bị choạng lái quá làn đường quy định.

6. Công nhận kết quả:

- 6.1. Thang điểm: 100 điểm.
- 6.2. Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.

6.3. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trên đường tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

C. CÁC BIỂU MẪU

LIÊN QUAN ĐẾN TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG BE, D1E, D2E, DE

Mẫu số 01	Kết quả sát hạch lý thuyết các hạng BE, D1E, D2E, DE
Mẫu số 02	Kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng BE, D1E, D2E, DE
Mẫu số 03	Kết quả sát hạch thực hành lái xe trên đường các hạng BE, D1E, D2E, DE

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:
 Hạng:
 Số báo danh:

Kỳ sát hạch:
 Ngày sát hạch:
 Thời điểm bắt đầu:
 Thời điểm kết thúc:
 Lần thi:

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
Trả lời	1																							
	2																							
	3																							
	4																							

Câu hỏi	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	
Trả lời	1																							
	2																							
	3																							
	4																							

Câu hỏi	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	
Trả lời	1																						
	2																						
	3																						
	4																						

Câu hỏi	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	
Trả lời	1																						
	2																						
	3																						
	4																						

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt

Không đạt

*Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông,
 Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;*

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:
 Hạng:
 Số báo danh:
 Lần thi:

Kỳ sát hạch:
 Ngày sát hạch:
 Số xe sát hạch:
 Thời điểm bắt đầu:
 Thời điểm kết thúc:
 Tổng thời gian sát hạch:

STT	Các lỗi trừ điểm	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Số lần mắc lỗi	Tổng điểm trừ
1	Xe bị chết máy.	5		
2	Quá thời gian thực hiện bài sát hạch 30 giây.	5		
3	Không bật, tắt xi nhan tại vị trí xuất phát, kết thúc.	5		
4	Không thắt dây an toàn.	10		
5	Chạm 01 cọc chuẩn, nhưng không đổ.	15		
6	Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn.	Đình chỉ sát hạch		
7	Đi không đúng trình tự bài sát hạch.	Đình chỉ sát hạch		
8	Xử lý tình huống không hợp lý gây va chạm, tai nạn.	Đình chỉ sát hạch		
9	Không hoàn thành bài sát hạch.	Đình chỉ sát hạch		
Tổng điểm trừ				

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt Không đạt

*Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông,
 Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;*

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:

Kỳ sát hạch:
 Số xe sát hạch:
 Số báo danh:
 Hạng:
 Lần thi:

STT	Các lỗi trừ điểm	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Số lần mắc lỗi	Tổng điểm trừ
1	Không bật đèn xi nhan trái trước khi xuất phát, không tắt đèn xi nhan khi xe đã nhập vào làn đường, không bật đèn xi nhan phải trước khi kết thúc.	5		
2	Khởi hành xe bị rung giật mạnh.	5		
3	Không nhả hết phanh đỗ khi khởi hành.	5		
4	Xe bị chết máy.	5		
5	Sau khi khởi hành, trong khoảng 15m đầu không tăng được số.	5		
6	Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường.	5		
7	Không giảm hết số khi dừng xe.	5		
8	Không sử dụng phanh đỗ khi dừng xe.	5		
9	Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ.	10		
10	Không thắt dây an toàn.	10		
11	Không kiểm tra an toàn xe trước khi xuất phát.	Đình chỉ sát hạch		
12	Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.	Đình chỉ sát hạch		
13	Xử lý tình huống không hợp lý gây ra va chạm hoặc tai nạn giao thông.	Đình chỉ sát hạch		
14	Xe bị choạng lái quá làn đường quy định.	Đình chỉ sát hạch		
Tổng cộng điểm trừ				

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt Không đạt

*Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông,
 Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;*

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG C1E VÀ CE

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Đối với sát hạch viên

Bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết và hệ thống thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử; gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận thông tin trên môi trường điện tử.

2. Sắp xếp máy tính cho thí sinh, kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

3. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi với nhau trong quá trình làm bài sát hạch. Lập biên bản thí sinh vi phạm và báo cáo Hội đồng sát hạch xem xét quyết định.

4. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

II. Đối với thí sinh dự sát hạch

Thực hiện các bước sau:

1. Xác thực thông tin cá nhân thông qua phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2. Tiếp nhận máy tính, nhập số báo danh dự sát hạch, kiểm tra thông tin hiển thị trên màn hình máy tính.

3. Thực hiện nội dung sát hạch:

3.1. Thời gian làm bài: 60 phút;

3.2. Đề thi được thiết kế gồm 90 câu hỏi, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm;

3.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự

động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

III. Công nhận kết quả:

1. Điểm đạt yêu cầu: từ 81/90 điểm trở lên.

2. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

B. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Sát hạch lái xe trong hình

1. Đối với sát hạch viên: có tối thiểu 01 sát hạch viên thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, kiểm tra thiết bị chấm điểm tự động và thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

1.2. Gọi thí sinh, theo dõi việc nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh, phát lệnh sát hạch.

1.3. Theo dõi quá trình sát hạch để chấm điểm, không để thí sinh mang tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch hoặc vào sân sát hạch, lập biên bản thí sinh vi phạm hoặc lỗi phương tiện (nếu có) và báo cáo Chủ tịch hội đồng sát hạch quyết định.

1.4. Đình chỉ sát hạch của thí sinh khi: lái xe lên bó vỉa, gây va chạm, tai nạn trong quá trình sát hạch, không thực hiện đúng trình tự các bài sát hạch.

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với thí sinh dự sát hạch, thực hiện các bước sau:

2.1. Tiếp nhận xe sát hạch, thực hiện nhận diện trên thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2.2. Trình tự và các bước thực hiện bài sát hạch số 1 (tiền qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại).

2.2.1. Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, bật đèn xi nhan trái, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên.

2.2.2. Khi có hiệu lệnh xuất phát, hạ phanh đỗ, điều khiển xe qua vạch xuất phát, tắt đèn xi nhan trái, điều khiển xe tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng quay trở lại cho đến khi xe qua vạch kết thúc bài sát hạch, trước khi kết thúc bật đèn xi nhan phải.

2.3. Trình tự và các bước thực hiện bài sát hạch số 2 (ghép xe vào nơi đỗ)

2.3.1. Thí sinh lái xe tiến vào khoảng cách không chế để lùi vào nơi ghép xe dọc.

2.3.2. Thí sinh lùi để ghép xe vào nơi đỗ.

2.3.3. Thí sinh dừng xe khi bánh xe sau nằm trên vị trí đỗ quy định.

2.3.4. Thí sinh điều khiển xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và dừng lại.

2.4. Yêu cầu đạt được của thí sinh

2.4.1. Đi đúng trình tự bài sát hạch.

2.4.2. Thân xe, bánh xe không được chạm cọc chuẩn.

2.4.3. Hoàn thành bài 1 trong thời gian 03 phút; bài 2 trong thời gian 04 phút.

2.4.4. Xe không được chết máy trong quá trình sát hạch.

2.4.5. Bật, tắt đèn xi nhan đúng quy định.

2.5. Các lỗi trừ điểm:

2.5.1. Chạm 01 cọc chuẩn nhưng không đỗ, mỗi lần trừ 15 điểm.

2.5.2. Không thắt dây an toàn, trừ 10 điểm.

2.5.3. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.

2.5.4. Không bật, tắt đèn xi nhan tại vị trí xuất phát, kết thúc, mỗi lần trừ 05 điểm.

2.5.5. Quá thời gian thực hiện một bài sát hạch, cứ quá 30 giây trừ 05 điểm.

2.6. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch:

2.6.1. Đi không đúng trình tự bài sát hạch.

2.6.2. Xử lý tình huống không hợp lý gây va chạm, tai nạn.

2.6.3. Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn.

2.6.4. Không hoàn thành bài sát hạch.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Thang điểm: 100 điểm.

3.2. Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.

3.3. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lái xe trong hình trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

II. Sát hạch lái xe trên đường:

1. Đối với sát hạch viên, mỗi xe bố trí tối thiểu 01 sát hạch viên, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch, kiểm tra việc lưu trữ hình ảnh và âm thanh của camera lắp trên xe sát hạch, hoạt động của thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

1.2. Gọi thí sinh; sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh; theo dõi việc nhận diện của thí sinh qua thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

1.3. Thực hiện nhiệm vụ sát hạch: quan sát tình trạng giao thông trên đường để phát lệnh sát hạch, ra các hiệu lệnh để thí sinh thực hiện; bảo hiểm tay lái cho thí sinh trong quá trình thực hiện bài sát hạch; theo dõi quá trình thực hiện của thí sinh

để ghi nhận các lỗi của thí sinh (nếu có).

1.4. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với thí sinh dự sát hạch, thực hiện các bước sau:

2.1. Tiếp nhận xe sát hạch, thực hiện nhận diện trên thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử.

2.2. Thí sinh kiểm tra an toàn xe, chỉnh gương chiếu hậu hai bên, thắt dây an toàn, hạ phanh tay trước khi xuất phát.

2.3. Thí sinh thực hiện bài sát hạch lái xe trên đường, quãng đường tối thiểu 05 km (do Phòng Cảnh sát giao thông lựa chọn, báo cáo Cục Cảnh sát giao thông và thông báo với cơ quan quản lý giao thông có thẩm quyền); đoạn đường sát hạch có mật độ giao thông vừa phải và phải đảm bảo có các tình huống giao thông: ngã ba; ngã tư; đường nhánh ra đường chính hoặc đường không ưu tiên ra đường ưu tiên; vòng xuyên, đèn tín hiệu giao thông, lối dành cho người đi bộ sang đường. Các bài sát hạch: quay đầu xe, chuyển làn, tăng tốc vượt xe, rẽ trái, rẽ phải, mở cửa xe, chấp hành tín hiệu đèn giao thông, đi qua vòng xuyên, đi qua nơi giao nhau cùng mức, đi trên đường đèo dốc, đường có nhiều khúc cua liên tiếp, đi qua đường sắt.

2.4. Thí sinh thực hiện các thao tác dừng xe khi có hiệu lệnh của sát hạch viên.

3. Yêu cầu đạt được:

3.1. Kiểm tra an toàn xung quanh xe, chỉnh gương, chỉnh ghế và thắt dây an toàn.

3.2. Bật đèn xi nhan trái khi khởi hành.

3.3. Nhả phanh đỗ trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 0,5 m, tắt đèn xi nhan khi xe đã nhập làn.

3.4. Sau khi khởi hành, trong khoảng 15 m đầu phải tăng được số.

3.5. Sử dụng số phù hợp với tình trạng mặt đường.

3.6. Chấp hành các quy tắc giao thông đường bộ.

3.7. Thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.

3.8. Bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe.

3.9. Giảm hết số khi dừng xe.

3.10. Dừng xe đúng vị trí quy định.

3.11. Kéo phanh đỗ khi xe dừng hẳn.

3.12. Đi tối thiểu 05 km và thực hiện tối thiểu 06/12 tình huống giao thông quy định tại mục 2.3 (tùy theo tổ chức giao thông tại đoạn đường sát hạch).

4. Các lỗi trừ điểm:

4.1. Không thắt dây an toàn, trừ 10 điểm.

4.2. Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành, không tắt đèn xi nhan trái khi xe đã nhập vào làn đường, không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe kết

thúc, trừ 10 điểm.

- 4.3. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, mỗi lần trừ 10 điểm.
- 4.4. Khởi hành xe bị rung giật mạnh, trừ 05 điểm.
- 4.5. Không nhả hết phanh đỗ khi khởi hành, trừ 05 điểm.
- 4.6. Sau khi khởi hành, trong khoảng 15m đầu không tăng được số, trừ 05 điểm.
- 4.7. Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường, trừ 05 điểm.
- 4.8. Không giảm hết số khi dừng xe, trừ 05 điểm.
- 4.9. Không kéo phanh đỗ khi dừng xe, trừ 05 điểm.
- 4.10. Xe bị chết máy, mỗi lần trừ 05 điểm.

5. Các lỗi bị đình chỉ sát hạch:

- 5.1. Không kiểm tra an toàn trước khi xuất phát.
- 5.2. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.
- 5.3. Xử lý tình huống không hợp lý gây va chạm, tai nạn giao thông.
- 5.4. Xe bị choạng lái quá làn đường quy định.

6. Công nhận kết quả:

- 6.1. Thang điểm: 100 điểm.
- 6.2. Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.

6.3. Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận và thí sinh ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trên đường tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh hoặc xác nhận kết quả sát hạch trên môi trường điện tử.

C. CÁC BIỂU MẪU

LIÊN QUAN ĐẾN TRÌNH TỰ SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG C1E, CE

Mẫu số 01	Kết quả sát hạch lý thuyết các hạng C1E, CE
Mẫu số 02	Kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng C1E, CE
Mẫu số 03	Kết quả sát hạch thực hành lái xe trên đường các hạng C1E, CE

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:
 Hạng:
 Số báo danh:

Kỳ sát hạch:
 Ngày sát hạch:
 Thời điểm bắt đầu:
 Thời điểm kết thúc:
 Lần thi:

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
Trả lời	1																							
	2																							
	3																							
	4																							

Câu hỏi	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	
Trả lời	1																							
	2																							
	3																							
	4																							

Câu hỏi	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	
Trả lời	1																						
	2																						
	3																						
	4																						

Câu hỏi	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	
Trả lời	1																						
	2																						
	3																						
	4																						

Số điểm đạt được: ...

Kết luận: Đạt

Không đạt

Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông, Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh:
 Hạng:
 Số báo danh:
 Lần thi:

Kỳ sát hạch:
 Ngày sát hạch:
 Số xe sát hạch:
 Thời điểm bắt đầu:
 Thời điểm kết thúc:
 Tổng thời gian sát hạch:

STT	Các lỗi trừ điểm	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Số lần mắc lỗi	Tổng điểm trừ
1	Xe bị chết máy.	5		
2	Quá thời gian thực hiện bài sát hạch 30 giây.	5		
3	Không bật, tắt xi nhan tại vị trí xuất phát, kết thúc.	5		
4	Không thắt dây an toàn.	10		
5	Chạm 01 cọc chuẩn, nhưng không đổ.	15		
6	Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn.	Đình chỉ sát hạch		
7	Đi không đúng trình tự bài sát hạch.	Đình chỉ sát hạch		
8	Xử lý tình huống không hợp lý gây va chạm, tai nạn.	Đình chỉ sát hạch		
9	Không hoàn thành bài sát hạch.	Đình chỉ sát hạch		
Tổng điểm trừ				

Số điểm đạt được: ...

Kết luận:

Đạt

Không đạt

Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông, Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;

.....(1).....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG

Họ và tên:
 Ngày sinh:
 Số định danh

Kỳ sát hạch:
 Số xe sát hạch:
 Số báo danh:

Hạng:
 Lần thi:

STT	Các lỗi trừ điểm	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Số lần mắc lỗi	Tổng điểm trừ
1	Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, không tắt đèn xi nhan trái khi đã nhập vào làn đường, không bật đèn xi nhan phải trước khi kết thúc.	5		
2	Khởi hành xe bị rung giật mạnh.	5		
3	Không nhả hết phanh đỗ khi khởi hành.	5		
4	Xe bị chết máy.	5		
5	Sau khi khởi hành, trong khoảng 15m đầu không tăng được số.	5		
6	Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường.	5		
7	Không giảm hết số khi dừng xe.	5		
8	Không sử dụng phanh đỗ khi dừng xe.	5		
9	Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ.	10		
10	Không thắt dây an toàn.	10		
11	Không kiểm tra an toàn xe trước khi xuất phát.	Đình chỉ sát hạch		
12	Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.	Đình chỉ sát hạch		
13	Xử lý tình huống không hợp lý gây ra va chạm hoặc tai nạn giao thông.	Đình chỉ sát hạch		
14	Xe bị choạng lái quá làn đường quy định.	Đình chỉ sát hạch		
Tổng cộng điểm trừ				

Số điểm đạt được: ...

Kết luận:

Đạt

Không đạt

Ghi chú: (1) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông thành lập ghi Cục Cảnh sát giao thông, Hội đồng do Phòng Cảnh sát giao thông thành lập ghi Phòng Cảnh sát giao thông;

PHỤ LỤC VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

I. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên hội đồng sát hạch

1. Chủ tịch

1.1. Nhiệm vụ

1.1.1. Tổ chức họp hội đồng để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch; phổ biến nội quy và các quy định cần thiết cho sát hạch viên; phân công nhiệm vụ của hội đồng kỳ sát hạch lái xe và lập biên bản phân công theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Phụ lục này.

1.1.2. Tổ chức khai mạc kỳ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch, phổ biến nội quy và các quy định cần thiết cho thí sinh dự sát hạch.

1.1.3. Chỉ đạo sát hạch viên:

a) Kiểm tra các điều kiện cần thiết trước khi sát hạch quy định tại điểm 5.1.1 tiêu mục 5.1 mục 5 phần I Phụ lục này, nếu bảo đảm yêu cầu thì báo cáo Chủ tịch tổ chức sát hạch;

b) Tiếp nhận, sử dụng thiết bị chấm điểm lý thuyết, thực hành và hệ thống thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử. Trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của trung tâm vận hành thì phải giám sát trong quá trình sát hạch.

1.1.4. Đôn đốc, kiểm tra các thành viên hội đồng thực hiện nhiệm vụ giao.

1.1.5. Xử lý trường hợp chấm điểm không chính xác do phương tiện, thiết bị kỹ thuật chấm điểm tự động bị lỗi hoặc nguyên nhân khác không do lỗi của thí sinh làm sai lệch kết quả sát hạch và các trường hợp đình chỉ sát hạch, các vi phạm và khiếu nại của thí sinh theo báo cáo của sát hạch viên. Khi cần thiết, phải họp hội đồng để xem xét, quyết định.

1.1.6. Tổ chức họp hội đồng sát hạch để sát hạch viên báo cáo kết quả sát hạch; xem xét, quyết định các nội dung quy định tại điểm 1.1.5 tiêu mục 1.1 mục 1 phần I Phụ lục này. Nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm kỳ sát hạch và lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, đề nghị công nhận thí sinh trúng tuyển; xác nhận thí sinh vắng, trượt, xác nhận phí và lệ phí phải nộp.

1.2. Quyền hạn

1.2.1. Tạm dừng sát hạch khi thiết bị chấm điểm lý thuyết hoặc thực hành bị hỏng, báo lỗi và chấm điểm không đúng quy trình sát hạch; xe sát hạch không đảm bảo phục vụ kỳ sát hạch cho đến khi khắc phục xong.

1.2.2. Lập biên bản đình chỉ nhiệm vụ của sát hạch viên khi vi phạm quy trình sát hạch.

1.2.3. Quyết định về việc hủy bỏ kết quả sát hạch của thí sinh, cho hoặc không cho thí sinh thực hiện lại nội dung sát hạch đối với trường hợp quy định tại điểm 1.1.5 tiểu mục 1.1 mục 1 phần I Phụ lục này.

2. Phó chủ tịch

2.1. Đôn đốc, kiểm tra các thành viên hội đồng thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch giao.

2.2. Thực hiện nhiệm vụ khác khi được Chủ tịch phân công; chịu trách nhiệm tổ chức hội đồng sát hạch lái xe trong trường hợp Chủ tịch ủy quyền.

3. Ủy viên

3.1. Nhiệm vụ

3.1.1. Bảo đảm thiết bị chấm điểm lý thuyết, thực hành hoạt động chính xác, ổn định; hệ thống camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch hoạt động ổn định, được kết nối và truyền trực tiếp dữ liệu về Cục Cảnh sát giao thông và Phòng Cảnh sát giao thông; xe sát hạch đảm bảo điều kiện an toàn.

3.1.2. Bố trí tù đưng đồ cá nhân cho thí sinh khi tham gia sát hạch.

3.1.3. Bố trí nhân viên bảo vệ, nhân viên kỹ thuật máy tính, nhân viên kỹ thuật quản lý thiết bị chấm điểm tự động và lái xe phục vụ trong sân sát hạch.

3.1.4. Giúp Chủ tịch hội đồng xử lý các khiếu nại của thí sinh liên quan đến hoạt động của thiết bị chấm điểm trong quá trình sát hạch.

3.1.5. Phối hợp giải quyết tai nạn xảy ra khi sát hạch thực hành lái xe trong hình; chịu trách nhiệm giải quyết nếu tai nạn xảy ra do xe sát hạch không đảm bảo điều kiện an toàn.

3.1.6. Thực hiện công việc khác khi Chủ tịch hội đồng giao.

3.2. Quyền hạn

3.2.1. Đề nghị Chủ tịch hội đồng đình chỉ sát hạch nếu phát hiện thấy thí sinh lái xe không an toàn.

3.2.2. Đề nghị Chủ tịch hội đồng xem xét, xử lý sát hạch viên vi phạm quy trình sát hạch.

4. Thư ký

4.1. Nhiệm vụ

4.1.1. Phối hợp với sát hạch viên lập biên bản thí sinh vi phạm quy chế và giúp Chủ tịch hội đồng lập biên bản khi sát hạch viên vi phạm quy trình, nhiệm vụ quyền hạn.

4.1.2. Giúp Chủ tịch hội đồng lập biên bản phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 và lập biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch theo mẫu quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Phụ lục này. Thực hiện nhiệm vụ sát hạch do Chủ tịch hội đồng sát hạch phân công.

4.1.3. Kiểm tra các bài sát hạch, biên bản sát hạch, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch và tiếp nhận, quản lý hồ sơ do sát hạch viên giao khi kết thúc các nội dung sát hạch.

4.1.4. Gửi các tài liệu của kỳ sát hạch để lưu trữ theo quy định.

4.2. Quyền hạn

Yêu cầu sát hạch viên hoàn thiện các bài sát hạch, biên bản sát hạch theo quy định.

5. Sát hạch viên

5.1. Nhiệm vụ

5.1.1. Kiểm tra các điều kiện cần thiết trước khi sát hạch gồm:

5.1.1.1. Hệ thống camera giám sát lắp đặt tại phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch hoạt động tốt, kết nối ổn định đến Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông.

5.1.1.2. Phòng sát hạch lý thuyết phải đủ máy tính, máy in và hoạt động tốt, ổn định. Sử dụng phần mềm sát hạch do Cục Cảnh sát giao thông xây dựng.

5.1.1.3. Phòng chờ sát hạch có đủ màn hình, hoạt động tốt, ổn định để công khai quá trình và kết quả sát hạch.

5.1.1.4. Phòng hội đồng sát hạch có màn hình, hoạt động tốt, ổn định để công khai quá trình sát hạch.

5.1.1.5. Hệ thống loa trên xe sát hạch và loa phóng thanh của trung tâm sát hạch hoạt động tốt, công khai kết quả sát hạch lái xe trong hình.

5.1.1.6. Xe sát hạch, sân sát hạch không có các dấu vết để chỉ dẫn thí sinh trong quá trình sát hạch.

5.1.1.7. Thiết bị, phần mềm ứng dụng định danh và xác thực điện tử hoạt động ổn định, chính xác.

5.1.1.8. Thiết bị chấm điểm tự động trong sân sát hạch phải hoạt động ổn định, báo lỗi chấm điểm chính xác; đối với trường hợp sát hạch lái xe trong hình chưa sử dụng thiết bị chấm điểm tự động phải kiểm tra xe sát hạch và kích thước hình các bài sát hạch theo tiêu chuẩn và quy trình sát hạch lái xe.

5.1.1.9. Thiết bị chấm điểm tự động trên xe sát hạch trên đường phải hoạt động ổn định, báo lỗi chấm điểm chính xác; đối với trường hợp chưa sử dụng thiết bị chấm điểm tự động, camera giám sát trên xe sát hạch trên đường lắp đặt chắc chắn, hoạt động tốt, ổn định, lưu trữ được âm thanh và hình ảnh trong quá trình sát hạch.

5.1.1.10. Xe sát hạch phải đảm bảo các điều kiện an toàn.

5.1.1.11. Xe sát hạch trong hình có đủ giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự, giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

5.1.1.12. Xe sát hạch trên đường có đủ giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự, giấy chứng nhận và tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực, hệ thống phanh phụ hoạt động hiệu quả.

5.1.1.13. Phương án đảm bảo an toàn trong quá trình sát hạch.

5.1.2. Sát hạch lý thuyết:

5.1.2.1. Sát hạch trắc nghiệm trên máy vi tính

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch lý thuyết để cấp giấy phép lái xe bằng phương pháp trắc nghiệm trên máy vi tính.

5.1.2.2. Sát hạch bằng hình thức hỏi - đáp; sử dụng phương pháp trắc nghiệm trên giấy theo quy định tại mục II phần A Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

5.1.3. Sát hạch lái xe trong hình

5.1.3.1. Sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp kết hợp với thiết bị chấm điểm tự động trên xe sát hạch (không bố trí sát hạch viên).

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trong hình để cấp giấy phép lái xe bằng thiết bị chấm điểm tự động.

5.1.3.2. Sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp để cấp giấy phép lái xe hạng B1, BE, D1E, D2E, DE (trên xe sát hạch không bố trí sát hạch viên).

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trong hình để cấp giấy phép lái xe bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp.

5.1.4. Sát hạch lái xe trên đường hạng B, BE, C1, C1E, C, CE, D1, D1E, D2, D2E, D, DE (trên ô tô sát hạch bố trí 01 sát hạch viên).

5.1.4.1. Sát hạch bằng phương pháp sử dụng thiết bị chấm điểm tự động kết hợp với chấm điểm trực tiếp.

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trên đường để cấp giấy phép lái xe bằng thiết bị chấm điểm tự động tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

5.1.4.2. Sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trên đường để cấp giấy phép lái xe bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp tại Phụ lục IV, V ban hành kèm theo Thông tư này.

5.2. Quyền hạn

5.2.1. Từ chối sát hạch nếu thấy trung tâm sát hạch không bảo đảm các điều kiện cần thiết quy định tại điểm 5.1.1 tiểu mục 5.1 mục 5 phần I của Phụ lục này.

5.2.2. Yêu cầu thí sinh xuất trình một trong các giấy tờ: căn cước công dân, căn cước, hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với các trường hợp nâng hạng, sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe và miễn sát hạch lý thuyết) để đối chiếu với hồ sơ trong trường hợp cần thiết.

5.2.3. Lập biên bản những trường hợp thí sinh vi phạm nội quy, quy chế và những trường hợp quy định tại điểm 1.1.5 tiểu mục 1.1 mục 1 phần I Phụ lục này.

5.2.4. Truất quyền thi các trường hợp thí sinh lái xe lên bó via, không đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch, gây va chạm, tai nạn trong quá trình sát hạch, không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.

II. BIỂU MẪU BIÊN BẢN

Mẫu số 01	Biên bản phân công nhiệm vụ của hội đồng sát hạch lái xe
Mẫu số 02	Biên bản kiểm tra thiết bị sát hạch
Mẫu số 03	Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch

...(1)...
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

BIÊN BẢN

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH LÁI XE

Thực hiện quyết định số/QĐ ngày của (2).....
 về việc tổ chức kỳ sát hạch lái xe Hạng..... cho thí sinh,
 gồm các hạng: A1:.....; A:.....; B:; C1:; C:; D1:; D2:
; D:; BE:.....; C1E:; CE:; D1E:; D2E:;
 DE..... Hội đồng sát hạch phân công nhiệm vụ cho các thành viên hội đồng
 sát hạch như sau:

I. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Đồng chí Chủ tịch hội đồng

.....

2. Đồng chí Phó chủ tịch hội đồng

.....

3. Ông/ bà: Ủy viên hội đồng

.....

4. Nhiệm vụ của các sát hạch viên:

4.1. Kiểm tra các điều kiện cần thiết để thực hiện sát hạch:

- Đồng chí.....: kiểm tra thiết bị phòng sát hạch lý thuyết.

- Đồng chí.....: kiểm tra hệ thống Camera đối với phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình, màn hình và hệ thống loa;

- Đồng chí.....: kiểm tra thiết bị và xe sát hạch lái xe trong hình; kiểm tra thiết bị và ô tô sát hạch lái xe trên đường;

- Đồng chí.....: kiểm tra phương án bảo vệ đảm bảo an toàn trong quá trình sát hạch.

4.2. Thực hiện sát hạch

4.2.1. Thực hiện sát hạch lý thuyết

- Đồng chí.....

4.2.2 Thực hiện sát hạch trong hình

- Đồng chí.....

4.2.3 Thực hiện sát hạch lái xe trên đường (3)

- Đồng chí.....

5. Đồng chí Thư ký hội đồng

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ CHƯƠNG TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE

1. Thời gian, địa điểm

.....
2. Chương trình sát hạch
.....

Các thành viên hội đồng nhất trí và ký biên bản./.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

Ghi chú:

(1) Hội đồng sát hạch lái xe của Cục Cảnh sát giao thông ghi là Cục Cảnh sát giao thông, hội đồng sát hạch lái xe của Công an tỉnh, thành phố ghi là Phòng Cảnh sát giao thông.

(2) Hội đồng sát hạch lái xe của Cục Cảnh sát giao thông ghi là Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, hội đồng sát hạch lái xe của Công an tỉnh, thành phố ghi là Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.

(3) Không ghi nội dung đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A1 và A.

...(1)...
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.....năm.....

BIÊN BẢN KIỂM TRA THIẾT BỊ SÁT HẠCH

Căn cứ Điều Thông tư số /2026/TT-BCA ngày của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế.

Căn cứ Quyết định số/QĐ-... ngày tháng năm của(2)..... về việc tổ chức kỳ sát hạch của

Hôm nay, ngày tháng năm tại trung tâm sát hạch lái xe, chúng tôi gồm:

1. Sát hạch viên

Đồng chí.....

2. Đại diện Trung tâm sát hạch lái xe

Ông (bà).....; Chức vụ:

Đã cùng nhau kiểm tra trang thiết bị, xe sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe và thống nhất như sau:

- + Thiết bị sát hạch tại phòng lý thuyết:.....
- + Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình:
- + Thiết bị sát hạch thực hành lái xe đường trường :(3)
- + Xe sát hạch và thiết bị báo lỗi trên xe (4)
- + Hệ thống camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình:

SÁT HẠCH VIÊN

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM SHLX

Ghi chú:

(1) Hội đồng sát hạch lái xe của Cục Cảnh sát giao thông ghi là Cục Cảnh sát giao thông, hội đồng sát hạch lái xe của Công an tỉnh, thành phố ghi là Phòng Cảnh sát giao thông.

(2) Hội đồng sát hạch lái xe của Cục Cảnh sát giao thông ghi là Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, hội đồng sát hạch lái xe của Công an tỉnh, thành phố ghi là Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.

(3), (4) Không ghi nội dung đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A1 và A

II. Nhận xét kỳ sát hạch:.....

III. Tổng hợp số thu phí sát hạch và lệ phí cấp GPLX

TT	Nội dung	Số lượng	Số tiền/1 thí sinh	Thành tiền
I	Phí sát hạch lái xe			
1	Lý thuyết			
2	Thực hành trong hình			
3	Thực hành trên đường			
II	Lệ phí cấp GPLX			
	Tổng cộng (I + II)			

ỦY VIÊN

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

THƯ KÝ

Ghi chú:

(1) Hội đồng sát hạch lái xe của Cục Cảnh sát giao thông ghi là Cục Cảnh sát giao thông, hội đồng sát hạch lái xe của Công an tỉnh, thành phố ghi là Phòng Cảnh sát giao thông.

(2) Hội đồng sát hạch lái xe của Cục Cảnh sát giao thông ghi là Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, hội đồng sát hạch lái xe của Công an tỉnh, thành phố ghi là Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.

(3) Không ghi nội dung đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A1 và A.

PHỤ LỤC VII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

BIỂU MẪU CHUẨN BỊ KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

Mẫu số 01	Biên bản kiểm tra hồ sơ và điều kiện dự thi của thí sinh dự sát hạch
Mẫu số 02	Mẫu Báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch lái xe
Mẫu số 03	Mẫu Danh sách thí sinh dự sát hạch
Mẫu số 04	Mẫu Quyết định tổ chức kỳ sát hạch
Mẫu số 05	Danh sách thí sinh có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng dự sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe
Mẫu số 06	Danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ THI CỦA
THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LÁI XE**

Hôm nay, vào hồi giờ, ngày /..... /....., tại Phòng Cảnh sát giao thông
....., chúng tôi, gồm:

1. Đồng chí.....,
 2. Đồng chí.....,
 3. Ông (bà), người nộp hồ sơ
- Tiến hành kiểm tra hồ sơ của các thí sinh dự sát hạch lái xe.

KẾT QUẢ

Tổng số hồ sơ đề nghị dự sát hạch:

Số hồ sơ xét hợp lệ:....., trong đó:

Số thi mới:

Số thi lại và vắng các kỳ trước:

(Theo bảng phân loại dưới đây)

Khóa học	A1	A	B1	B	C1	C	D1	D2	D	...	Tổng số
Số hồ sơ hợp lệ											

Danh sách hồ sơ thí sinh dự thi sát hạch hợp lệ được sát hạch (có danh sách kèm theo).

Số hồ sơ không hợp lệ , được phân theo các lý do (theo bảng dưới đây).

Hạng/Lý do	A1	A	B1	B	C1	C	D1	D2	D	BE
Không có trong danh sách báo cáo										
Chưa đủ thời gian đào tạo										
Chưa đủ thâm niên nâng hạng										
Chưa đủ hoặc hết hạn tuổi										
Sai lệch với căn cước công dân hoặc căn cước										
Giấy chứng nhận sức khỏe không đúng										
Giấy phép lái xe hết hạn, không có hồ sơ										

Danh sách hồ sơ thí sinh dự thi sát hạch không hợp lệ (có danh sách kèm theo).

Biên bản này được lập thành 02 bản (01 bản báo cáo Cơ quan quản lý sát hạch cho số thí sinh có hồ sơ hợp lệ trên được dự sát hạch; 01 giao cho người nộp hồ sơ)

CÁN BỘ KIỂM TRA HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi rõ họ, tên)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC SÁT HẠCH LÁI XE

Kính gửi: Phòng Cảnh sát giao thông.....

Cơ sở đào tạo.....đã hoàn thành chương trình đào tạo lái xe hạng
.....Khóa..... cho học viên.

Nay đề nghị được sát hạch, cấp giấy phép lái xe cụ thể:

Số TT	Khóa - Lớp	Hạng giấy phép lái xe	Số học viên vào học	Số học viên dự sát hạch	Ngày sát hạch	Ghi chú
1	Hệ đào tạo mới					
2						
3						
4	Hệ đào tạo nâng hạng					

(có danh sách học viên các khóa học kèm theo)

Cơ sở đào tạo.....đề nghị Phòng Cảnh sát giao thông..... xét duyệt và tổ chức kỳ sát hạch cho học viên các khóa - lớp trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH

Cấp giấy phép lái xe hạng:.....
Khóa:.....

(Mỗi hạng lập 1 danh sách riêng)

Thời gian đào tạo: tháng
Khai giảng ngày tháng năm.....
Bế giảng ngày tháng năm

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Thâm niên lái xe		Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
							Số năm lái xe	Thời gian lái xe an toàn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tên xếp theo vần A, B, C...									

....., ngày tháng năm 20.....

CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

.....(1).....
(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỶ SÁT HẠCH LÁI XE

.....(3).....

Căn cứ Thông tư số/...../TT-BCA ngày/...../..... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;

Căn cứ ... (4).....

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe..... cho tổng số..... thí sinh, gồm các hạng (có danh sách thí sinh dự thi các hạng kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày /..... /..... tại Trung tâm sát hạch lái xe:

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí:..... Chức vụ, Chủ tịch Hội đồng
2. Đồng chí:..... Chức vụ , Phó Chủ tịch Hội đồng
3. Ông (bà) hoặc Đồng chí:..... Chức vụ....., Ủy viên Hội đồng
4. Đồng chí..... Chức vụ, Thư ký.
5. Các sát hạch viên:

- Đồng chí:..... sát hạch viên;

- Đồng chí:..... sát hạch viên;

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số/TT-BCA ngày /..... / của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại các Điều 1, 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VT.

.....(3).....
 (ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan bộ ghi là BỘ CÔNG AN ở địa phương ghi CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ...

(2) Cơ quan bộ ghi là CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG, ở địa phương ghi là PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

(3) Cơ quan bộ ghi là CỤC TRƯỞNG, ở địa phương ghi là TRƯỞNG PHÒNG.

(4) Hội đồng do Cục Cảnh sát giao thông tổ chức ghi căn cứ theo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Cảnh sát giao thông; Hội đồng do địa phương tổ chức ghi căn cứ theo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Cảnh sát giao thông.

PHỤ LỤC VIII

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)*

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH CỦA THÍ SINH

Mẫu số 01	Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe đối với thí sinh dự sát hạch các hạng B1, B, C1, C, D1, D2, D, C1E, CE, D1E, D2E, DE
Mẫu số 02	Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe đối với thí sinh dự sát hạch mô tô

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG B1 VÀ Ô TÔ

Ảnh chân dung 3 cm x 4 cm (chụp không quá 06 tháng)	Họ và tên thí sinh:..... Ngày tháng năm sinh: Số định danh:..... hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp: Sát hạch giấy phép lái xe hạng:.....
---	--

....., ngày.....tháng.....năm.....
(Thí sinh ký và ghi rõ họ tên)

I. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

II. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

III. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

Kết luận của Chủ tịch hội đồng
Hạng..... Đạt Không đạt

..... ngày..... tháng.....năm 20....
TM. HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE MÔ TÔ

Ảnh màu
3 cm x 4 cm
(chụp không
quá 06 tháng)

Họ và tên thí sinh:.....
Ngày tháng năm sinh:
Số định danh:..... hoặc Hộ chiếu số.....
ngày cấp..... nơi cấp:
Sát hạch giấy phép lái xe hạng:.....

....., ngày tháng năm
(Thí sinh ký và ghi rõ họ tên)

I. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

II. KẾT QUẢ SÁT HẠCH BÀI SÁT HẠCH SỐ 1

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

III. KẾT QUẢ SÁT HẠCH BÀI SÁT HẠCH SỐ 2

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

Kết luận của Chủ tịch hội đồng
Hạng Đạt Không đạt

....., ngày tháng năm 20

TM. HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

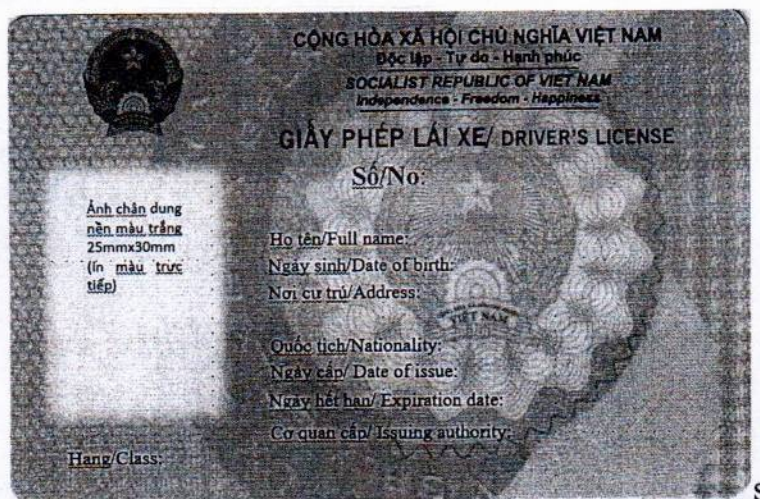
PHỤ LỤC IX

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

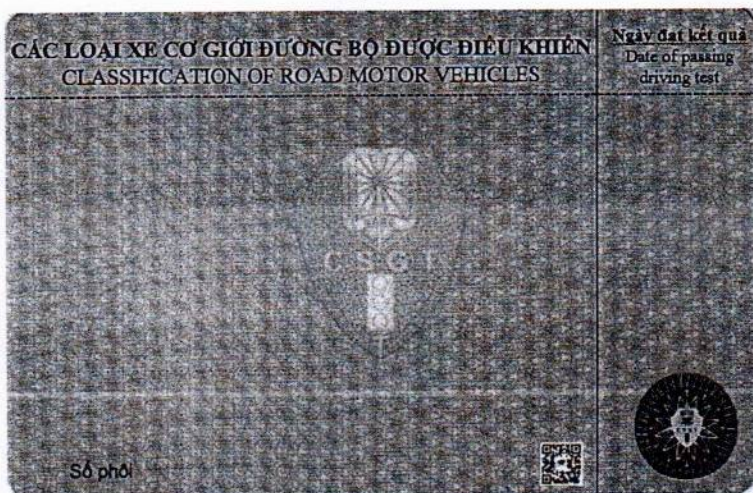
BIỂU MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:



Mặt sau:



2. Quy cách giấy phép lái xe

a) Phôi giấy phép lái xe được làm bằng vật liệu PET, có hoa văn màu hồng, có thiết kế dấu hiệu bảo an theo quy định, có kích thước 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);

b) Trên mặt trước của giấy phép lái xe có dòng chữ "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", chữ "Số/No." Có màu đỏ, in đậm;

c) Trên mặt sau của giấy phép lái xe có dòng chữ "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN" có màu đen, in đậm, ngay bên dưới là dòng chữ tiếng Anh "CLASSIFICATION OF ROAD MOTOR VEHICLES" có chữ màu đen; "Ngày đạt kết quả" có chữ màu đen, in đậm, bên dưới là dòng chữ tiếng Anh "Date of passing driving test" bằng chữ màu đen;

d) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu trắng được in trực tiếp trên giấy phép lái xe;

đ) Mặt trước của giấy phép lái xe được hiển thị những thông tin sau: số giấy phép lái xe, họ tên của người lái xe, ngày sinh, nơi cư trú, quốc tịch, ngày cấp, ngày hết hạn, cơ quan cấp, hạng;

e) Mặt sau của giấy phép lái xe được hiển thị những thông tin sau: các loại xe cơ giới đường bộ được điều khiển (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh), ngày đạt kết quả, có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Cảnh sát giao thông.

3. Cách in giấy phép lái xe: in hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh)

4. Điều kiện hạn chế

a) Đối với giấy phép lái xe hạng B số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện), ghi là: "*Cấp cho người chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)*";

b) Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật, ghi là: "*Cấp cho người khuyết tật chỉ được điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật*";

c) Đối với giấy phép lái xe hạng B số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện) cấp cho người khuyết tật tay trái, ghi là: "*Cấp cho người khuyết tật tay trái chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện) có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay trái*";

d) Đối với giấy phép lái xe hạng B số tự động cấp cho người khuyết tật tay phải, ghi là: "*Cấp cho người khuyết tật tay phải chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay phải*";

đ) Đối với giấy phép lái xe hạng B số tự động cấp cho người khuyết tật chân phải, ghi là: "*Cấp cho người khuyết tật chân phải chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động có cơ cấu điều khiển ga động cơ, phanh chân phù hợp với người khuyết tật chân phải*";

e) Đối với giấy phép lái xe hạng B số tự động cấp cho người khuyết tật nói

chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải), ghi là:

“Cấp cho người khuyết tật nói chung chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động”

g) Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp trước ngày 01/01/2025 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A với điều kiện hạn chế chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14 kW, ghi là:

“Cấp cho người chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14 kW”;

h) Đối với giấy phép lái xe hạng A cấp cho người điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 125 cm³ trở lên hoặc có công suất động cơ điện từ 14kW trở lên sử dụng hộp số vô cấp, ghi là:

“Cấp cho người chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 125 cm³ trở lên hoặc có công suất động cơ điện từ 14kW trở lên sử dụng hộp số vô cấp”;

k) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp trước ngày 01/01/2025 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B, ghi là:

“Cấp cho người chỉ được điều khiển xe ô tô số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)”.

5. Một số mã số điều kiện hạn chế của giấy phép lái xe được ký hiệu trong Hệ thống thông tin về sát hạch, cấp giấy phép lái xe

A.01: Chỉ điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật;

A.02: Chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 125 cm³ trở lên hoặc có công suất động cơ điện từ 14kW trở lên sử dụng hộp số vô cấp;

A.03: Chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến dưới 175 cm³ hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14 kW;

B.01: Chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện);

B.02: Chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động, cấp cho người khuyết tật tay trái;

B.03: Chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động, cấp cho người khuyết tật tay phải;

B.04: Chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động, cấp cho người khuyết tật chân phải;

B.05: Chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động, cấp cho người khuyết tật nói chung.

PHỤ LỤC X

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)*

BIỂU MẪU XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE

Mẫu số 01	Bản đề nghị xác minh giấy phép lái xe
Mẫu số 02	Bản xác minh giấy phép lái xe

CÔNG AN TỈNH/TP....
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.... , ngày..... tháng..... năm 20.....

BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi:.....(1).....

Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh/TP..... đề nghị xác minh giấy phép lái xe theo các nội dung sau:

Họ và tên: Quốc tịch:.....

Sinh ngày: thángnăm.....

Số định danh: cấp ngày.....tháng....năm.....

Nơi cấp:.....

Hiện có giấy phép lái xe hạng:, số:....., do cấp

Cấp ngày..... tháng năm.....

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Đơn vị được yêu cầu xác minh

Mẫu số 02.

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BẢN XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Phòng Cảnh sát giao thông Công an Tỉnh/TP.....

.....trả lời xác minh giấy phép lái xe theo các nội dung sau:

Họ và tên: Quốc tịch:.....

Sinh ngày: tháng.....năm.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú:

Số định danh: cấp ngày....tháng....năm....., nơi cấp:

Hiện có giấy phép lái xe hạng:, số:....., do cấp ngày
..... tháng năm

KẾT QUẢ XÁC MINH

Các thông tin có trong hồ sơ quản lý sát hạch:

Tên của người lái xe; Ngày tháng năm sinh ...; Nơi thường trú ...;
Nơi cư trú ...; Số định danh hoặc hộ chiếu ...; Ngày cấp ...; Nơi cấp...; GPLX
hạng ...; Số GPLX ...; Cơ quan cấp ...; Ngày tháng năm....

CÁN BỘ XÁC MINH

(ký, ghi rõ họ và tên)

.....(3).....
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan bộ ghi là BỘ CÔNG AN ở địa phương ghi CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ...

(2) Cơ quan bộ ghi là CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG, ở địa phương ghi là PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

(3) Cơ quan bộ ghi là CỤC TRƯỞNG, ở địa phương ghi là TRƯỞNG PHÒNG.

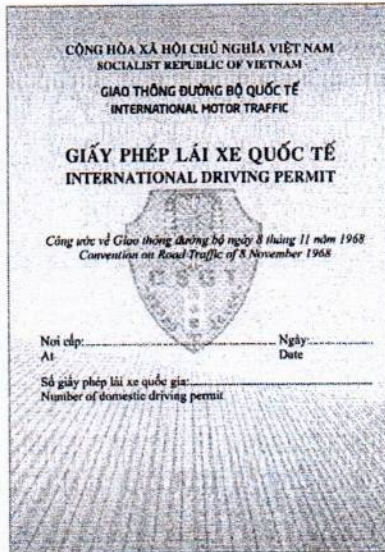
PHỤ LỤC XI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

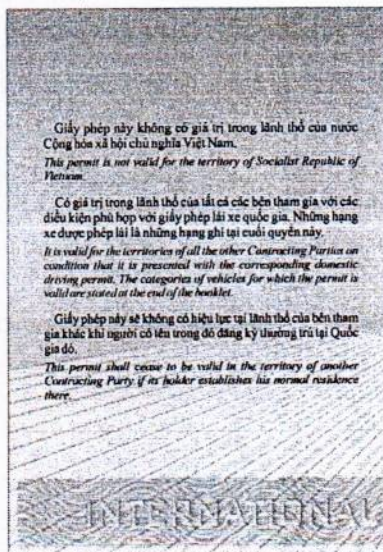
TRANG SỐ 1

(Mặt ngoài của trang bìa trước)



Thông tin cơ bản của IDP được in song ngữ tiếng Việt và

tiếng Anh TRANG SỐ 2
(Mặt trong của trang bìa trước)


















Phạm vi sử dụng IDP in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh

TRANG SỐ 3

PHÂN KHAI VỀ NGƯỜI LÁI XE

Họ và tên:
 Tên khác:
 Nơi sinh:
 Ngày sinh:
 Địa chỉ thường trú:

GIẤY PHÉP CÓ GIÁ TRỊ VỚI CÁC HẠNG XE VÀ CÁC CẤP HẠNG XE CÓ MÃ TƯƠNG ỨNG, CÓ GIÁ TRỊ TRÊN GIẤY PHÉP LÁI XE

Mã hạng phương tiện/hình vẽ	Mã cấp phương tiện/hình vẽ
A 	A1 
B 	B1 
C 	C1 
D 	D1 
	D2 
BE 	
CE 	C1E 
DE 	D1E 
	D2E 

NIỀM ĐIỀU KIỆN HẠN CHẾ SỬ DỤNG
















Phân khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Việt

TRANG SỐ 5

PARTICULARS CONCERNING THE DRIVER

Family name:
 Given name, other names:
 Place of birth:
 Date of birth:
 Place of normal residence:

CATEGORIES AND SUBCATEGORIES OF VEHICLES, WITH THE CORRESPONDING CODES, FOR WHICH THE PERMIT IS VALID

Category code/Pictogram	Subcategory code/Pictogram
A 	A1 
B 	B1 
C 	C1 
D 	D1 
	D2 
BE 	
CE 	C1E 
DE 	D1E 
	D2E 

RESTRICTIVE CONDITIONS OF USE
















Phân khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Anh

TRANG SỐ 6

ЗАПИСИ, ОТНОСЯЩИЕСЯ К ВОДИТЕЛЮ

Фамилия:
Имя другие имена:
Место рождения:
Дата рождения:
Обычное местожительство:

**КАТЕГОРИИ И ПОДКАТЕГОРИИ ТРАНСПОРТНЫХ СРЕДСТВ С УКАЗАНИЕМ
СООТВЕТСТВУЮЩИХ КОДОВ, НА УПРАВЛЕНИЕ КОТОРЫМИ ВЫДАНО
УДОСТОВЕРЕНИЕ**

Код категории/Пиктограмма	Код подкатегории/Пиктограмма
A 	A1 
B 	B1 
C 	C1 
D 	D1 
	D2 
BE 	
CE 	C1E 
DE 	D1E 
	D2E 

УСЛОВИЯ, ОГРАНИЧИВАЮЩИЕ ИСПОЛЬЗОВАНИЕ

INTERNATIONAL
















Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Nga

TRANG SỐ 7

INDICACIONES RELATIVAS AL CONDUCTOR

Apellidos:
Nombres:
Lugar de nacimiento:
Fecha de nacimiento:
Lugar de residencia normal:

**CATEGORÍAS Y SUBCATEGORÍAS DE VEHÍCULOS, CON LOS CÓDIGOS
CORRESPONDIENTES, PARA LAS CUALES ES VÁLIDO EL PERMISO**

Código de la categoría/Pictograma	Código de la subcategoría/Pictograma
A 	A1 
B 	B1 
C 	C1 
D 	D1 
	D2 
BE 	
CE 	C1E 
DE 	D1E 
	D2E 

CONDICIONES RESTRICTIVAS

INTERNATIONAL
















Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Tây Ban Nha

TRANG SỐ 8

INDICATIONS RELATIVES AU CONDUCTEUR

Nom:
Prénom(s) ou autre(s) nom(s):
Lieu de naissance:
Date de naissance:
Lieu de résidence normale:

CATÉGORIES ET SOUS-CATÉGORIES DE VÉHICULES, AVEC LES CODES CORRESPONDANTS, POUR LESQUELLES LE PERMIS EST VALABLE

Code de la catégorie/Pictogramme	Code de la sous-catégorie/Pictogramme
A 	A1 
B 	B1 
C 	C1 
D 	D1 
	D2 
BE 	
CE 	C1E 
DE 	D1E 
	D2E 

RESTRICTIONS À L'UTILISATION

INTERNATIONAL

Phản khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Pháp

TRANG SỐ 9

INDICATIONS RELATIVES AU CONDUCTEUR

Nom:
Prénom(s) ou autre(s) nom(s):
Lieu de naissance:
Date de naissance:
Lieu de résidence normale:

CACHET	CACHET
A (1)	A1
B	B1
C	C1
D	D1
	D2
BE	
CE	C1E
DE	D1E
	D2E

Signature du titulaire (3)

EXCLUSIONS

Le titulaire est privé de droit de conduire sur le territoire de
A _____

Le titulaire est privé de droit de conduire sur le territoire de
A _____

Hạng xe được điều khiển in bằng tiếng Pháp

- (1) Vị trí đóng dấu hạng xe điều khiển được cấp
- (2) Vị trí đóng dấu giáp lai
- (3) Vị trí chữ ký của người được cấp IDP

PHỤ LỤC XII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

BẢNG CHUYỂN ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

Áp dụng đối với giấy phép lái xe do Chính phủ Việt Nam cấp trước ngày 01/01/2025

GIẤY PHÉP LÁI XE VIỆT NAM	GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
Hạng A1	Hạng A1
Hạng A2	Hạng A
Hạng A3	Hạng B1
Hạng B1, B2	Hạng B hoặc C1
Hạng C	Hạng C
Hạng D	Hạng D2
Hạng E	Hạng D
Hạng FB2	Hạng BE hoặc C1E
Hạng FC	Hạng CE
Hạng FD	Hạng D2E
Hạng FE	Hạng DE

PHỤ LỤC XIII

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)*

BÁO CÁO DỮ LIỆU KẾT QUẢ SÁT HẠCH KHAI THÁC TRÊN HỆ THÔNG THÔNG TIN SÁT HẠCH LÁI XE

Mẫu số 01	Báo cáo chung kết quả kỳ sát hạch lái xe
Mẫu số 02	Báo cáo chi tiết kết quả kỳ sát hạch lái xe
Mẫu số 03	Báo cáo kết quả các kỳ sát hạch lái xe

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....(1).....
.....(2).....

....., ngày.....tháng,.....năm.....

BÁO CÁO CHUNG
KẾT QUẢ KỶ SÁT HẠCH LÁI XE

1. Trung tâm sát hạch:
2. Ngày sát hạch:

Hạng GPLX	Tổng số hồ sơ	Tổng số dự thi	Lý thuyết		Thực hành trong hình		Thực hành trên đường			Kết quả đạt	Tỷ lệ %	
			Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số			Đạt
B1												
B												
C1												
C												
D1												
...												
Cộng												

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận :
- Lưu VT,

Ghi chú: (1) Cơ quan bộ ghi là CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG ở địa phương ghi CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ...
(2) Cơ quan bộ ghi là PHÒNG 5, ở địa phương ghi là PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....(1).....
.....(2).....

....., ngày.....tháng,.....năm.....

BÁO CÁO CHI TIẾT
KẾT QUẢ KỶ SÁT HẠCH LÁI XE

1. Trung tâm sát hạch:
2. Ngày sát hạch:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Hạng	Kết quả sát hạch						Tổng hợp	
					LT	Số lần SH	Số lần SH	TH LXTH	TH LXTĐ	Số lần SH		
1												
2												
...												

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận :
- Lưu VT,

Ghi chú:

- (1) Cơ quan bộ ghi là CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG ở địa phương ghi CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ...
- (2) Cơ quan bộ ghi là PHÒNG 5, ở địa phương ghi là PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

Mẫu số 03.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....(1).....
.....(2).....

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

(Từ ngày... đến ngày...)

TT	Cơ sở đào tạo	Ngày sát hạch	Mô tô	Ô tô	Số thí sinh dự sát hạch	Số thí sinh vắng	Số thí sinh đạt sát hạch	Tỷ lệ %	Ghi chú
1									
2									
3									
....									
Tổng số									

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận :
- Lưu VT,

Ghi chú:

- (1) Cơ quan bộ ghi là CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG ở địa phương ghi CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ...
- (2) Cơ quan bộ ghi là PHÒNG 5, ở địa phương ghi là PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

PHỤ LỤC XIV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công an)

MẪU THẺ SÁT HẠCH VIÊN

1. Mặt trước

BỘ CÔNG AN CỤC CSGT	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
(CÔNG AN HIỆU)	
THẺ SÁT HẠCH VIÊN	

2. Mặt sau

Ảnh 2cm x 3cm	Họ và tên:.....
	Năm sinh:.....
	Chức vụ:.....
	Đơn vị công tác:
	Hạng xe được sát hạch:.....
Số:.....	Hà Nội, ngày.....tháng.....năm..... CỤC TRƯỞNG

Ghi chú:

- Kích thước: 85,6mm x 53,98mm.
- Chất liệu: Bìa 150g/m².
- Mặt trước: Nền màu vàng, chữ “THẺ SÁT HẠCH VIÊN” màu đỏ, chữ còn lại màu đen.
- Mặt sau: hoa văn màu hồng, logo Công an hiệu in chìm, chữ màu đen.